

BÁO CÁO

Giải trình, bổ sung một số nội dung về tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 ngân sách Thành phố.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 23-24/11/2023, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố (khóa XVII) đã tổ chức họp Hội nghị lần thứ mười bốn. Tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách tại Báo cáo thẩm tra số 138/BC-BKTNS ngày 29/11/2023, UBND Thành phố đã rà soát và báo cáo giải trình, bổ sung một số nội dung về thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023; xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 ngân sách Thành phố như sau:

I. Kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023

1. Về tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023

Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 đã có nhiều chuyển biến tích cực, lũy kế giải ngân hàng tháng luôn cao hơn so với cùng kỳ năm 2022; cụ thể:

- Kế hoạch đầu tư công năm 2023 giải ngân đến ngày 30/11/2023 được 33.415 tỷ đồng, đạt 71,2% Kế hoạch Trung ương giao (46.956 tỷ đồng) và 62,9% Kế hoạch Thành phố giao (53.105 tỷ đồng). Ước thực hiện giải ngân cả năm 2023 được 48.600 tỷ đồng đạt 91,5% kế hoạch Thành phố giao và 103,5% Kế hoạch Trung ương giao.

- Kế hoạch năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân đến ngày 30/11/2023 được 2.050 tỷ đồng đạt 48,1% kế hoạch (4.258 tỷ đồng). Ước giải ngân đến hết năm được 4.020 tỷ đồng, đạt 94,4% kế hoạch.

Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 còn thấp so với yêu cầu đặt ra của UBND Thành phố (Kế hoạch Thành phố đặt ra 95% kế hoạch Thành phố giao) do các nguyên nhân:

a). Nguyên nhân khách quan:

- Vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng (xác định nguồn gốc đất, tái định cư, người dân không đồng thuận...).

- Do biến động giá nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tâm lý, tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư của chủ đầu tư và tiến độ thi công của nhà thầu, tăng tổng mức đầu

tư của một số dự án; Tình hình kinh tế biến động, đặc biệt là thị trường bất động sản “trầm lắng” ảnh hưởng đến nguồn thu từ đất của quận, huyện, thị xã;

- Một số dự án thiếu nguồn cung cấp nguyên vật liệu xây dựng để thi công (đất đắp).

- Một số dự án tiến độ thực hiện chậm (như lĩnh vực di tích, đề điều) do trình tự thủ tục để phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án phức tạp (phải xin ý kiến thỏa thuận của các Bộ chuyên ngành).

- Các dự án ODA vướng do phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án, gia hạn hiệp định vay; trong khi thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư của các dự án này phức tạp, kéo dài.

b). Nguyên nhân chủ quan:

- Một số chủ đầu tư chưa thực hiện đúng theo chỉ đạo của Thành phố (giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 trước khi giải ngân kế hoạch vốn năm 2023).

- Việc hoàn thiện các thủ tục phê duyệt dự án mới còn chậm chủ yếu do vướng mắc về điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500; chỉ giới đường đỏ; đánh giá tác động môi trường và một phần nguyên nhân từ sự phối hợp giữa chủ đầu tư với các ngành với còn chưa nhịp nhàng trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

Đến ngày 15/11/2023, còn 165 dự án đã được HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án; Trong đó:

+ 34 dự án thuộc trách nhiệm của các cơ quan liên quan của Bộ chủ quản thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định đối với từng lĩnh vực, cụ thể: Lĩnh vực quốc phòng 09 dự án; lĩnh vực công an 04 dự án; lĩnh vực tòa án 11 dự án và lĩnh vực viện kiểm sát 10 dự án.

+ 131 dự án thuộc trách nhiệm thẩm định của các sở, ngành, đơn vị của Thành phố, trong đó 82 dự án đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi; 23 dự án đã trình cơ quan thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, 8 dự án đang hoàn thiện hồ sơ theo đề xuất của cơ quan thẩm định, 12 dự án đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án và 06 dự án phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Trong 82 dự án đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi có: 51 dự án được HĐND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại các kỳ họp tháng 3,7,9/2023; 31 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư trước năm 2023 có khó khăn, vướng mắc nên kéo dài thời gian phê duyệt dự án như: Phải điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500; vướng chỉ giới đường đỏ; vướng thủ tục đánh giá tác động môi trường phức tạp, kéo dài.

UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị và Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có Văn bản đôn đốc các đơn vị đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư của các dự án đầu tư công cấp Thành phố¹. Đồng thời, để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, trong thời gian tới, UBND Thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo thực hiện

¹ Văn bản số 3952/UBND-KTTH ngày 21/11/2023 của UBND Thành phố và 6207/KH&ĐT-THQH ngày 23/11/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

nghiêm Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 07/8/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về “*Tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị Thành phố Hà Nội*”; đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền, kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư công, chú trọng đến các công trình lớn, trọng điểm, có tính đột phá và giá trị lan tỏa cao và Kế hoạch đầu tư 3 lĩnh vực y tế, giáo dục, di tích.

2. Về cập nhật điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Thành phố của các đơn vị chủ đầu tư

Theo khoản 8 Điều 67 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: UBND các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất. Theo Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian điều chỉnh kế hoạch cho các đơn vị là trước ngày 15/11/2023.

UBND Thành phố đã ban hành 04 Quyết định điều chỉnh, điều hòa Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Thành phố cho các đơn vị như sau: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố (số 5798/QĐ-UBND ngày 13/11/2023; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố (số 5799/QĐ-UBND ngày 13/11/2023); UBND huyện Phú Xuyên (số 5830/QĐ-UBND ngày 14/11/2023); Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố (số 5853/QĐ-UBND ngày 15/11/2023).

(Chi tiết các quyết định kèm theo)

3. Về cập nhật danh mục và kế hoạch vốn cho các dự án thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021², số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2021³, số 08/NQ-HĐND ngày 10/3/2023⁴, số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023⁵, UBND Thành phố đã chỉ đạo thực hiện giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt đối với: (1) Công tác chuẩn bị đầu tư; (2) Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; (3) Nhiệm vụ quy hoạch; (4) Thanh quyết toán dự án hoàn thành; (5) Lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

Tại kỳ họp tháng 7/2023, UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 cấp Thành phố, trong đó HĐND Thành phố đã phê duyệt kế hoạch

² Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025

³ Về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2022

⁴ Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023

⁵ Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố

đầu tư công năm 2023 (đợt 1) đối với các dự án đã được thông báo kế hoạch vốn giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt đến thời điểm kỳ họp.

Đến nay, trên cơ sở kết quả giải ngân đến ngày 30/11/2023 và căn cứ khả năng giải ngân trong năm 2023, UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố cập nhật phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 và kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với dự án đã được thông báo kinh phí thanh toán theo cơ chế linh hoạt trong năm nhưng chưa được phê duyệt kế hoạch chính thức tại Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố. *Chi tiết tại các Phụ lục 1.1 đến 1.4 kèm theo.*

Tại phương án trình HĐND Thành phố phê duyệt kế hoạch chính thức cho các dự án nêu trên, kế hoạch vốn của các dự án đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 là không thay đổi. Tuy nhiên, đề xuất: (1) cập nhật thống nhất đơn vị tính đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của các dự án thanh quyết toán dự án hoàn thành là đồng; đối với các dự án khác là triệu đồng để thống nhất trong theo dõi kế hoạch; (2) cập nhật kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 nguồn vốn giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt đối với 11 dự án lĩnh vực toà án (những dự án này đã được phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn tổng thể của cả dự án tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023); (3) cập nhật kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 đối với dự án Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà Văn hóa phục vụ Sea games 31 và Para games 11 năm 2021 (dự án quyết toán hoàn thành) là 432.919.000 đồng (tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 là 828.000.000 đồng, năm 2023 có nhu cầu là: 432.919.000 đồng).

4. Về cập nhật, cơ cấu lại nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2023

a) Về nguồn vốn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022

Tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023, HĐND Thành phố thông qua chủ trương bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 từ nguồn thưởng vượt thu, bổ sung có mục tiêu từ nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022 là 4.200 tỷ đồng và phương án phân bổ cho một số nhiệm vụ, dự án và cho phép cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư công năm 2023 theo quy định pháp luật.

Đến nay, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1491/QĐ-TTg ngày 29/11/2023 giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022, trong đó Thành phố được giao bổ sung 4.200 tỷ đồng gồm: 1.200 tỷ đồng nguồn thưởng vượt dự toán; 3.000 tỷ đồng nguồn đầu tư trở lại; Bộ Tài chính chưa có thông báo bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1491/QĐ-TTg.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, khả năng thực hiện của các nhiệm vụ, dự án trong cuối năm 2023, theo báo cáo của các chủ đầu tư, đơn vị, UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố phương án phân bổ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 là 4.200 tỷ đồng như sau:

(1) Hoàn trả ngân sách các quận đã ứng thực hiện các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố: 346,766 tỷ đồng cho 02 dự án của UBND quận Long Biên, gồm: Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ tới đê Tả ngạn sông Hồng (161,513 tỷ đồng như quyết nghị của HĐND Thành phố tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND); Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Long Biên (185,253 tỷ đồng).

Đối với các dự án còn lại (kinh phí hoàn trả dự kiến 375,234 tỷ đồng) có nhiệm vụ đã hoàn trả từ nguồn khác; có nhiệm vụ, dự án ngân sách quận hoàn trả; có nhiệm vụ chưa đến thời điểm hoàn trả; có nhiệm vụ cần tiếp tục rà soát để hoàn trả đảm bảo đúng quy định.

(i) Đối với 03 dự án của quận Hoàng Mai (dự kiến hoàn trả 2,9 tỷ đồng): 01 dự án⁶ đang làm hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành để làm cơ sở xác định chính xác số vốn ngân sách Thành phố phải hoàn trả; 02 dự án⁷ được hoàn trả sau khi dự án đầu tư được phê duyệt (nay chưa được phê duyệt đầu tư).

(ii) Đối với dự án tái định cư tại phường Phú Đô thuộc dự án mở rộng, hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc (dự kiến hoàn trả 8,4 tỷ đồng): Hiện UBND quận Nam Từ Liêm đang báo cáo HĐND Quận thông qua chủ trương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án, trong đó nguồn vốn thực hiện dự án chuyển sang ngân sách quận để hoàn trả phần ngân sách quận đã ứng và tiếp tục bố trí đủ vốn để thi công thành dự án trong năm 2024.

(iii) Đối với dự án khu công viên cây xanh quận Hà Đông (dự kiến hoàn trả 168,9 tỷ đồng): UBND quận Hà Đông đã phê duyệt quyết toán cho dự án tại Quyết định số 10361/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 và dự án được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách quận Hà Đông (theo Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 14/7/2008). Theo phân cấp quản lý đầu tư hiện hành, dự án thuộc trách nhiệm quản lý, đầu tư của quận Hà Đông.

(iv) Ngoài ra, đối với nhiệm vụ hoàn trả ngân sách huyện Sóc Sơn 500 triệu đồng thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng đường nối Khu đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp: Hiện dự án đã được hoàn trả từ nguồn vốn đầu tư công năm 2023 đã bố trí cho dự án.

(v) Năm 2023, Kiểm toán nhà nước đề nghị ngân sách Thành phố tiếp tục hoàn trả ngân sách một số quận, huyện và cần phải rà soát chặt chẽ.

- Hoàn trả ngân sách quận Hoàng Mai 37,632 tỷ đồng đã ứng thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường Lĩnh Nam theo quy hoạch. Dự án được hoàn trả trên cơ sở quận Hoàng Mai thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất một số ô đất trên địa bàn Quận (theo Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của UBND Thành phố và Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021). Hiện Quận chưa tổ chức đấu giá.

⁶ Xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư tại khu Sóng Hoàng quận Hoàng Mai.

⁷ Dự án bồi thường GPMB san nền sơ bộ và dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Vĩnh Hưng và phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai; Xây dựng nhà ở tái định cư tại ô đất ký hiệu TT thuộc khu tái định cư X2 phường Đại Kim, quận Hoàng Mai

- Ngoài ra, hiện liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Quỹ đầu tư phát triển Thành phố đang rà soát để hoàn trả vốn đã ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ đầu tư phát triển Thành phố thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất, đất dịch vụ, xây dựng hạ tầng và nhà ở tái định cư, nhiệm vụ, dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án đầu tư.

(2) *Bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm: 300 tỷ đồng (theo dự kiến tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023).*

(3) *Hỗ trợ các huyện xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện Chương trình số 09-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy: 39,7 tỷ đồng cho 15 dự án.*

Tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023, dự kiến phân bổ 40,8 tỷ đồng cho 16 dự án. Trong thời gian chờ Trung ương giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022, 01 dự án Cải tạo, sửa chữa nhà 2 tầng làm trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Minh Trí (*tổng mức đầu tư 1,451 tỷ đồng*) đã được UBND huyện Sóc Sơn bố trí kế hoạch vốn năm 2023 là 1,2 tỷ đồng, cơ bản đủ vốn hoàn thành. Do vậy, UBND Thành phố đề xuất phân bổ Kế hoạch vốn 2023 hỗ trợ xây dựng Ban chỉ huy quân sự cấp xã là 39,7 tỷ đồng cho 15 dự án (*giảm danh mục 01 dự án và giảm kế hoạch vốn 1,1 tỷ đồng so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023*).

(4) *Nguồn vốn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 còn lại sau khi phân bổ cho các nhiệm vụ nêu trên còn lại là 3.513,534 tỷ đồng được phân bổ như sau:*

- Bố trí kế hoạch vốn cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB Dự án Vành đai 4 để hoàn trả vốn đã ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện dự án: 2.604,771 tỷ đồng (*tăng so với dự kiến tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023, dự kiến phân bổ 1.022,2 tỷ đồng*).

- Kế hoạch vốn còn lại (908,763 tỷ đồng) phân bổ cho các đơn vị thực hiện Dự án thành phần 1.1 của Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội.

b) Về nguồn vốn ngân sách Thành phố năm 2023 đã giao

(1) Kế hoạch đã cân đối từ đầu năm hoàn trả Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố là 500 tỷ đồng; đến nay, đã xác định hoàn trả 355,2 tỷ đồng, còn lại 144,8 tỷ đồng đề xuất bổ sung để bố trí kế hoạch vốn cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB Dự án Vành đai 4 để hoàn trả vốn đã ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố.

(2) Cơ cấu lại ngân sách Thành phố bố trí cho nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng thực hiện giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt còn lại là 1.761,49 tỷ đồng để bố trí:

(2.1) Hỗ trợ thực hiện giải phóng mặt bằng cho 02 dự án xây dựng trụ sở của Bộ Công an là 587,143 tỷ đồng và hỗ trợ 04 địa phương bạn (Kon Tum; Tuyên Quang; Kiên Giang; Bến Tre) là 230 tỷ đồng.

Tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023, dự kiến phân bổ cho các nhiệm vụ trên lần lượt là 1.885 tỷ đồng và 230 tỷ đồng từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022. Ngày 16/11/2023, Cục Hậu cần, Bộ Công an có Văn bản số 2238/H07-P2 về việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư sử dụng ngân sách Thành phố do Bộ Công an làm chủ đầu tư; trong đó đề nghị ngân sách Thành phố bố trí kế hoạch vốn thực hiện năm 2023 cho 02 dự án là 587,143 tỷ đồng. Đối với 02 nhiệm vụ này, đề nghị cơ cấu lại từ nguồn dự kiến cân đối hỗ trợ sử dụng nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 sang sử dụng vốn ngân sách Thành phố để hỗ trợ các đơn vị đảm bảo theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội.

(2.2) Số kế hoạch vốn còn lại 944,347 tỷ đồng để phân bổ cho các đơn vị thực hiện Dự án thành phần 1.1 của Dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội.

Như vậy, sau khi cơ cấu, cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2023 cấp Thành phố đến nay là 36.485,369 tỷ đồng và kế hoạch đối với dự án Vành đai 4 như sau:

- Bố trí kế hoạch vốn cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB Dự án Vành đai 4 để hoàn trả vốn đã ứng, giải ngân Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố là 2.749,571 tỷ đồng, bao gồm: (i) Nguồn vốn đã cân đối từ đầu năm hoàn trả cho Quỹ đầu tư phát triển Thành phố sau khi đã bố trí hoàn trả cho các dự án khác còn lại là 144,8 tỷ đồng; (ii) Nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 là 2.604,771 tỷ đồng.

- Phân bổ kế hoạch năm 2023 cho các đơn vị thực hiện Dự án thành phần 1.1 của Dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội là 1.853,11 tỷ đồng, bao gồm: (i) nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Vành đai 4 là 944,347 tỷ đồng; (ii) Nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 là: 908,763 tỷ đồng.

Trên cơ sở phương án cơ cấu, phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 nêu trên, căn cứ tiến độ yêu cầu hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, kết quả giải ngân kế hoạch 2023 đã bố trí đến ngày 30/11/2023, dự kiến của các đơn vị và chi phí giải phóng mặt bằng của từng đơn vị thực hiện theo Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1.1 đã được phê duyệt, UBND Thành phố đề xuất giảm kế hoạch vốn ngân sách địa phương dự kiến bố trí cho Dự án thành phần 1.1 của Dự án Vành đai 4 (1.853,11 tỷ đồng, bằng số vốn bổ sung nêu trên để đảm bảo số vốn ngân sách địa phương bố trí đáp ứng nhu cầu dự án năm 2024).

(Chi tiết tại các Phụ lục 2; 2.1; 2.2; 2.3; 3 kèm theo)

II. Về Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2024

1. Đối với các dự án đầu tư công cấp Thành phố:

a) Đối với các dự án đã điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2023, phải hoàn thành trong năm 2024 nhưng chưa được bố trí vốn hoặc chưa bố trí đủ vốn năm 2024 (bước đầu xác định là 11 dự án) theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Căn cứ Luật Đầu tư công, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 và tình hình triển khai thực tế, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của từng dự án, UBND Thành phố đã phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ, dự án theo khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án và đảm bảo đủ thủ tục đầu tư theo quy định. Trong 11 dự án nêu trên có:

+ 04/11 dự án (gồm: *Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, giai đoạn I; Xây dựng khu LHXLCST Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội; Dự án Cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm*) đến hết năm 2023 hết thời gian thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện. Do vậy, chưa đảm bảo điều kiện bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

+ 02/11 dự án (*Nâng cấp cải tạo đường, hệ thống chiếu sáng tuyến đường vào khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây; Bảo tàng Hà Nội - Nội dung trưng bày*): Trong quá trình triển khai, dự án có vướng mắc khó khăn, bị hủy dự toán ngân sách các năm đã bố trí và kết quả giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố (ngày 18/11/2023) và đến ngày 30/11/2023 chưa cao⁸.

+ 05/11 dự án còn lại bố trí theo tiến độ, khả năng thực hiện của các dự án và phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, trong đó: Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu La Làng, Mỹ Đức: UBND Thành phố đã bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án trong năm 2024; Dự án kiên cố mái, bờ tả sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thượng, huyện Phú Xuyên là dự án mới được UBND Thành phố phê duyệt dự án tại Quyết định số 1808/QĐ-SNN ngày 13/10/2023; thời gian thực hiện dự án 2023-2025, bố trí kế hoạch vốn năm 2024 là 10 tỷ đồng (tương ứng khoảng 30% TMĐT dự án).

Trường hợp các dự án nêu trên có khả năng hấp thụ vốn nhiều hơn, căn cứ tiến độ thực hiện, giải ngân thực tế của dự án, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố bổ sung Kế hoạch vốn cho dự án trong năm 2024.

Trong thời gian tới, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo các đơn vị khẩn

⁸ (Tỷ lệ giải ngân kế hoạch năm 2023 của dự án *Nâng cấp cải tạo đường, hệ thống chiếu sáng tuyến đường vào khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây* đến ngày 30/11/2023 đạt 28,9 % kế hoạch)

trương hoàn thiện thủ tục đầu tư đủ điều kiện bố trí kế hoạch vốn và triển khai các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, để hoàn thành dự án theo yêu cầu.

(Chi tiết tại Phụ lục 7 kèm theo)

b) Đến nay một số dự án đã hoàn thiện được thủ tục đầu tư, đủ điều kiện bố trí vốn và trên cơ sở phương án cơ cấu nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023, UBND Thành phố đề xuất phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 cho các dự án:

(1) Bổ sung 15,5 tỷ đồng cho 02 dự án mới lĩnh vực y tế nhóm C (thiết kế 01 bước) được phê duyệt dự án đầu tư ngày 22/11/2023 (*Đầu tư cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm thành phố Hà Nội; Đầu tư cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình Hà Nội*). Các dự án này chưa được báo cáo Thành uỷ xem xét chủ trương bố trí Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

(2) Bổ sung 493 tỷ đồng cho 02 dự án chuyển tiếp lĩnh vực thủy lợi được phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án ngày 22/11/2023 (*dự án trọng điểm Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa); Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì*).

(3) Bổ sung 122 tỷ đồng cho 01 dự án lĩnh vực giao thông (Tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo), trong đó giao: Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội là 87 tỷ đồng; UBND quận Bắc Từ Liêm là 35 tỷ đồng để thực hiện GPMB, quản lý dự án. Hiện nay, dự án đang làm thủ tục điều chỉnh dự án. Tuy nhiên, đây là dự án trọng điểm quốc gia và UBND Thành phố đã có Văn bản số 1215/UBND-KH&ĐT ngày 13/4/2020 cho phép Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội được tiếp tục thực hiện và giải ngân các công việc của dự án đã xác định được nguồn vốn từ nguồn vốn đối ứng Ngân sách thành phố như: giải phóng mặt bằng, tái định cư, rà phá bom mìn; tư vấn trong nước (sử dụng vốn đối ứng); thuế VAT dịch vụ tư vấn chung; quản lý dự án trong thời gian thực hiện thủ tục điều chỉnh Dự án, đảm bảo không gián đoạn các nhiệm vụ triển khai.

Trong đó 02 dự án lĩnh vực thủy lợi và 01 dự án lĩnh vực giao thông nêu trên đã được Ban cán sự đảng UBND Thanh phố trình Thường trực Thành uỷ xem xét chủ trương bố trí kế hoạch vốn năm 2024, nhưng đến ngày 15/11/2023, do các dự án chưa được điều chỉnh thời gian thực hiện nên Ban cán sự đảng UBND Thành phố, UBND Thành phố đã rà soát đề xuất Ban Thường vụ Thành uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ UBND Thành phố, HĐND Thành phố không phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 cho các dự án theo quy định.

(4) Điều chỉnh giảm 36 tỷ đồng của Dự án “Đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Thạch Bích đến nút giao đường tỉnh 427 và đoạn từ nút giao ngã tư Vác đến hết địa phận huyện Thanh Oai” phù hợp với khả năng

thực hiện của dự án theo báo cáo của chủ đầu tư và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025.

(5) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 1.853,11 tỷ đồng của Dự án “Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội” *trên cơ sở phương án kế hoạch vốn phân bổ bổ sung cho dự án Vành đai 4 sau khi cơ cấu kế hoạch vốn năm 2023 nêu tại mục I.4 của Báo cáo và căn cứ trên các cơ sở, nguyên tắc sau:*

- Số liệu để hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng của Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông (sau đây gọi tắt là Ban Giao thông) và các quận huyện theo tổng mức đầu tư Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần 1.1 được duyệt.

- Dự kiến Ban Giao thông và các quận huyện sẽ hoàn thành việc giải ngân Kế hoạch 2023 đã bố trí đến thời điểm hiện nay trước 31/01/2024. Phần đầu thực hiện giải ngân phần Kế hoạch 2023 được phân bổ bổ sung tại Mục II ở trên (Trong trường hợp đến 31/01/2024 chưa giải ngân hết sẽ thực hiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định cho phép kéo dài thời gian sang năm 2024).

- Điều chỉnh giảm Kế hoạch 2024 đối với Chủ đầu tư và từng quận huyện đã báo cáo cơ bản phù hợp với việc điều chỉnh tăng Kế hoạch 2023 do được phân bổ bổ sung tại Mục II ở trên. Riêng việc điều chỉnh Kế hoạch 2024 đề xuất đối với Ban QLDA Giao thông và UBND huyện Sóc Sơn cụ thể như sau:

- Đối với huyện Sóc Sơn: Điều chỉnh giảm từ 259 tỷ thành 20 tỷ với lý do khi lập phương án tổng thể làm cơ sở để Ban Giao thông lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, UBND huyện Sóc Sơn có tính đến phương án di chuyển đường điện cao thế 110kV đến 500kV (hạ tầng kỹ thuật liên tuyến). Tuy nhiên theo Quyết định phê duyệt Dự án số 1012/QĐ-UBND ngày 16/02/2023, Ban Giao thông là đơn vị Chủ đầu tư thực hiện hạng mục di chuyển này. Thực tế huyện Sóc Sơn đã hoàn thành và thu hồi khoảng 99% mặt bằng, còn 04 ngôi mộ phải di dời, qua trao đổi UBND huyện Sóc Sơn cần bố trí 20 tỷ trong năm 2024 để hoàn thành toàn bộ công tác giải phóng mặt bằng

- Đối với Ban Giao thông: Điều chỉnh tăng từ 100 tỷ thành 200 tỷ đồng với lý do như sau: Ban Giao thông là đơn vị Chủ đầu tư thực hiện hạng mục di chuyển đường điện cao thế 110kV đến 500kV (chi phí xây dựng khoảng 538 tỷ đồng) và các chi phí liên quan của dự án đầu tư tổng thể (611 tỷ đồng, trong đó chi phí bảo vệ phát triển đất trồng lúa khoảng 535 tỷ đồng).

Đến nay, hạng mục di chuyển tuyến đường dây điện cao thế từ 110KV đến 500KV đã được Ban phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán, đang tiến hành công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến sẽ bắt đầu thi công trong tháng 12/2023 và năm 2024. Theo đó sau khi được phân bổ bổ sung Kế hoạch 2023 như trên thì năm 2024 vẫn có nhu cầu bố trí thêm kế hoạch vốn để triển khai thực hiện.)

(6) Tổng kế hoạch đề xuất bố trí cho 03 Dự án trên là 630,5 tỷ đồng (15,5+493+122) và số vốn điều chỉnh giảm 02 Dự án 1.889,11 tỷ đồng

(36+1.853,11). Số vốn sau rà soát dư ra là 1.258,61 tỷ đồng đề xuất bổ sung thêm nguồn cho công tác giải phóng mặt bằng giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt (tại Báo cáo số 430/BC-UBND là: 7.420,728 tỷ đồng; theo đó kế hoạch vốn năm 2024 bố trí cho nhiệm vụ này là 8.679,338 tỷ đồng).

Như vậy, sau phương án điều chỉnh, tổng nguồn kế hoạch vốn năm 2024 cấp Thành phố bố trí cho các nhiệm vụ, dự án là: 47.410,471 tỷ đồng (không thay đổi so với phương án đã báo cáo HĐND Thành phố, không bao gồm chi).

(Chi tiết tại Phụ lục 4, 5, 6)

2. Đối với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới

Tiếp thu ý kiến của HĐND Thành phố, UBND Thành phố báo cáo số lượng xã NTM nâng cao, kiểu mẫu và dự kiến vốn trong kế hoạch năm 2024 như sau:

Với tổng số vốn dành cho các dự án chuyển tiếp là 617,2 tỷ đồng, UBND Thành phố cân đối vốn cho 27 dự án, trong đó: giao thông: 457,7 tỷ đồng, 17 dự án; lĩnh vực đề điều, kênh mương thủy lợi: 50 tỷ đồng, 04 dự án; lĩnh vực giáo dục: 49 tỷ đồng, 03 dự án; lĩnh vực văn hóa: 20 tỷ đồng, 01 dự án; lĩnh vực môi trường: 40,5 tỷ đồng, 02 dự án. Bố trí kế hoạch 27 dự án trên địa điểm 39 xã. Do chưa đảm bảo nguồn vốn nên một số dự án chuyển tiếp chưa đủ vốn để bố trí hoàn thành, UBND Thành phố sẽ báo cáo HĐND Thành phố bố trí vốn tại kỳ họp tháng 3/2024.

Dự án mới bố trí tại kỳ họp tháng 3/2024 dự kiến khoảng 982,8 tỷ đồng. Danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể sẽ được chính xác ở bước báo cáo trình HĐND Thành phố tại kỳ họp tháng 3 năm 2024.

UBND Thành phố báo cáo về việc rà soát, bổ sung các thông tin dự án *tại Phụ lục 9 kèm theo.*

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Về việc quan tâm kiểm soát nội dung, quy mô đầu tư của các dự án này đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng trên thực tế của bà con dân tộc miền núi, đảm bảo đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

Các dự án có tổng mức đầu tư khá lớn (Trường mầm non Yên Bình điểm thôn Thuồng 37,5 tỷ đồng; Cải tạo trường tiểu học Yên Trung, Yên Bình A, Yên Bình B, Tiến Xuân B 98 tỷ đồng; Nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng bộ môn, hiệu bộ... trường THCS Tiến Xuân, THCS Yên Bình 63,6 tỷ đồng; Trường tiểu học An Phú khu Thanh Hà 46,57 tỷ đồng....) đã có trong danh mục dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ trong tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố, về cơ bản các dự án này đã được bố trí vốn để thực hiện từ năm 2023 để đảm bảo tiến độ triển khai dự án. UBND Thành phố sẽ tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương triển khai các dự án, kiểm soát nội dung, quy mô đầu tư của các dự án này

trên cơ sở đảm bảo nhu cầu sử dụng thực tế của bà con dân tộc miền núi, đảm bảo đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

3. Đối với Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế dân tộc miền núi, hỗ trợ xây dựng trường THPT theo phân cấp, hỗ trợ thực hiện 3 lĩnh vực: giáo dục, y tế, di tích và hạ tầng kinh tế.

a) Về việc bổ sung thêm thứ tự ưu tiên bổ sung vốn hỗ trợ các trường THPT đối với nhóm dự án cần được ưu tiên là “các Huyện dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao”

Thực hiện chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy, tối thiểu một trong các huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Oai cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao để đáp ứng điều kiện thực hiện chỉ tiêu Thành phố đạt chuẩn nông thôn mới⁹; cụ thể như sau:

- Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND Thành phố đề xuất bổ sung tiêu chí thứ tự ưu tiên bổ sung vốn hỗ trợ các trường THPT cho các huyện dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2021-2025 ngay sau tiêu chí dự án đã có dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố; dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

- Tại Phụ lục Báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất điều chỉnh Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo của Thành phố Hà Nội; theo đó:

- + Huyện Hoài Đức không đề nghị Thành phố bổ sung vốn hỗ trợ các trường THPT; tại văn bản số 529/UBND-TCKH ngày 7/9/2023, UBND huyện Hoài Đức đã rà soát về nguồn vốn và đề xuất “*Ngoài phần đã được Thành phố hỗ trợ tại nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 8/4/2022; phần phát sinh của 3 dự án là 176,7 tỷ đồng, UBND Huyện sẽ bố trí từ nguồn ngân sách của huyện, từ nguồn chưa bố trí trong kế hoạch đầu tư công của huyện giai đoạn 2020-2025 và sử dụng một phần từ nguồn cải cách tiền lương*”.

- + Các huyện Đan Phượng, Thanh Oai đã thực hiện rà soát, dự kiến báo cáo HĐND Thành phố bổ sung vốn hỗ trợ các trường THPT.

b) Về việc rà soát, làm rõ lý do vướng mắc không hoàn thành dự án trong năm 2024 và việc bố trí vốn chưa phù hợp đối với từng dự án.

- Đối với các dự án có thời gian thực hiện đến năm 2024 theo Quyết định được duyệt, đã được bố trí hết kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ còn lại năm 2024-2025 theo kế hoạch vốn trung hạn 05 năm 2021-2025 đã được phê duyệt nhưng chưa được tổng hợp thuộc nhóm dự án hoàn thành:

Theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố, Nghị quyết

⁹ Một trong các tiêu chuẩn xét TP đạt chuẩn nông thôn mới là đạt tối thiểu 20% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Một trong những điều kiện để xét huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 100% trường THPT công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó tối thiểu 1 trường đạt chuẩn mức độ 2.

số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố về thực hiện Kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực: giáo dục, y tế, di tích, HĐND Thành phố đã quyết nghị về nguyên tắc hỗ trợ mục tiêu cấp huyện để thực hiện các dự án như sau:

(1) Ngân sách Thành phố hỗ trợ: Đối với các dự án lĩnh vực di tích: Kinh phí trùng tu hạng mục di tích gốc và kinh phí xây dựng hạ tầng các khu di tích; Đối với các dự án lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng kinh tế, xử lý nước thải làng nghề và các dự án khác: Kinh phí xây dựng và chi phí thiết bị (nếu có).

(2) Ngân sách huyện bố trí kinh phí giải phóng mặt bằng (nếu có) và phần còn lại (bao gồm chi phí dự phòng), quyết toán để hoàn thành dự án.

Như vậy, mỗi dự án sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu có cơ cấu nguồn vốn gồm: Nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu, ngân sách cấp huyện đối ứng, và nguồn xã hội hóa (nếu có).

Do vậy, mặc dù các dự án được bố trí hết kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ còn lại năm 2024-2025 theo kế hoạch vốn trung hạn 05 năm 2021-2025 đã được phê duyệt nhưng:

+ Một số dự án chưa được cân đối bố trí đủ phần vốn ngân sách huyện đối ứng để hoàn thành năm 2024 và chủ đầu tư đề xuất chưa hoàn thành dự án trong năm 2024 nên chưa được tổng hợp thuộc nhóm dự án hoàn thành.

+ Đến nay, các huyện, thị xã báo cáo khó khăn về nguồn vốn đối ứng do các năm qua nguồn thu tiền sử dụng đất không đảm bảo, các đơn vị đề xuất ngân sách cấp Thành phố bổ sung nguồn vốn hỗ trợ mục tiêu cấp huyện để thực hiện các dự án. Ban cán sự Đảng UBND Thành phố đã báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố tại Tờ trình số 384-TTr/BCSD và Báo cáo số 204-BC/BCSD ngày 21/11/2023, UBND Thành phố đã báo cáo HĐND Thành phố tại Tờ trình số 457/TTr-UBND và Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023, trong đó: các huyện, thị xã và các sở chuyên ngành sẽ tiếp tục rà soát, tổng hợp, báo cáo HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị về việc bổ sung danh mục dự án cụ thể và kế hoạch vốn bổ sung của kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, kế hoạch năm 2024 đối với các dự án sử dụng nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện trong tháng 3/2024. Do vậy, hiện nay, các dự án chưa được tổng hợp thuộc nhóm dự án hoàn thành.

- *Đối với các dự án có thời gian thực hiện đến năm 2024 theo Quyết định được duyệt nhưng chưa được bố trí hết kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ còn lại năm 2024-2025 theo kế hoạch vốn trung hạn 05 năm 2021-2025 đã được phê duyệt:* Mức vốn đề xuất phân bổ năm 2024 căn cứ trên cơ sở đánh giá và đề xuất của chủ đầu tư về khả năng hấp thụ vốn của dự án trong năm 2024.

4. Về việc cung cấp thêm thông tin các dự án, lý do không được chấp thuận hoặc không đáp ứng đủ theo đề nghị của các địa phương, đặc biệt là các dự án thuộc nhóm hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu.

Các dự án không được chấp thuận hoặc không đáp ứng đủ theo đề nghị các chủ đầu tư là do:

- Các dự án chưa có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 đã được phê duyệt.

- Các dự án chưa đủ thủ tục để bố trí kế hoạch vốn năm 2024 (chưa có Quyết định phê duyệt dự án; Dự án đã hết thời gian thực hiện dự án nhưng chưa có Quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện).

- Các dự án tính đến hết năm 2023 đã được bố trí hết kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 được duyệt.

- Kế hoạch vốn bố trí năm 2024 căn cứ vào khả năng hấp thụ vốn của dự án (một số dự án đang điều chỉnh dự án, một số dự án gặp khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng; ...). Trường hợp dự án có khả năng hấp thụ vốn nhiều hơn, trên cơ sở tiến độ giải ngân và dự kiến khối lượng thực hiện của dự án, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố để bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 cho dự án tại các kỳ họp HĐND Thành phố trong năm 2024 để đảm bảo đủ vốn thực hiện dự án theo tiến độ được phê duyệt.

Cụ thể đối với một số dự án Ban có ý kiến tại địa bàn huyện Quốc Oai như sau:

(1) Dự án ngân sách cấp Thành phố: *Đường Vành đai Khu công nghiệp Bắc Phú Cát*: huyện đề nghị bố trí 30 tỷ, phương án Thành phố bố trí 20 tỷ đồng.

Dự án đang gặp khó khăn, vướng mắc GPMB nên căn cứ khả năng hấp thụ vốn, đề xuất bố trí 20 tỷ đồng (Năm 2023, kế hoạch vốn đầu năm bố trí 70 tỷ đồng, đến tháng 7/2023 điều chỉnh giảm 60 tỷ đồng do vướng mắc GPMB). Trường hợp dự án có khả năng hấp thụ vốn nhiều hơn, trên cơ sở tiến độ giải ngân và dự kiến khối lượng thực hiện của dự án, sẽ cân đối bố trí nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt hoặc UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố bổ sung Kế hoạch vốn cho dự án tại các kỳ họp HĐND Thành phố trong năm 2024, đảm bảo đủ vốn thực hiện dự án theo tiến độ được duyệt và khả năng hấp thụ vốn.

(2) Dự án ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện: *Đường trục phát triển các xã vùng Bán sơn địa huyện Quốc Oai (tuyến ĐH 09 Phú Cát - Hoà Thạch - Đông Yên)* đề xuất 30 tỷ đồng nhưng không được bố trí.

Dự án đã được UBND huyện Quốc Oai phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định: số 5079/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 và số 7758/QĐ-UBND ngày 27/12/2021, trong đó thời gian thực hiện dự án là 2019-2023. Đến nay, dự án đã hết thời gian thực hiện và chưa có Quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện đủ điều kiện để bố trí kế hoạch vốn năm 2024.

(3). Dự án ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện: *Xây dựng, hoàn chỉnh tuyến trục phía Tây Nam kết nối với huyện Hoài Đức và khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc đoạn ĐH 02 đi ĐH 01 (Quốc Oai - Hòa Thạch)* đề xuất 50 tỷ đồng, chỉ bố trí 23,5 tỷ đồng.

Kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt là 64 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn ngân sách Thành phố đã hỗ trợ giai đoạn 2021-2023 là 40,5 tỷ đồng. Do vậy, kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ còn lại tối đa có thể bố trí giai đoạn 2024-2025 là 23,5 tỷ đồng. Hiện nay, UBND huyện Quốc Oai đang đề xuất bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ giai đoạn 2021-2025 phần kinh phí xây lắp thiết bị tăng lên do tăng tổng mức đầu tư là 25,1 tỷ đồng. UBND Thành phố đã tổng hợp, báo cáo HĐND Thành phố tại Tờ trình số 457/TTr-UBND và Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023.

(4). Huyện Quốc Oai đề xuất hỗ trợ trụ sở các ban chỉ huy quân sự các xã, thị trấn là 38,5 tỷ đồng nhưng không được bố trí.

Ngày 31/7/2023, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có Tờ trình số 1476/TTr-BTL đề nghị Ban cán sự đảng UBND Thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy chấp thuận chủ trương hỗ trợ kinh phí xây dựng trụ sở Ban CHQS cấp huyện, cấp xã theo Chương trình số 09-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội.

Ngày 08/8/2023, Ban cán sự đảng UBND Thành phố có Tờ trình số 257-TTr/BCSD ngày 08/8/2023 báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tại 12 huyện, thị xã khó khăn để đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra tại Chương trình 09-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội, gồm: Chương Mỹ, Ứng Hòa, Ba Vì, Mỹ Đức, Mê Linh, Sóc Sơn, Hoài Đức, Thạch Thất, Sơn Tây, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Đan Phượng (*không có huyện Quốc Oai*) và đã được Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội thống nhất tại Thông báo số 1300-TB/TU ngày 17/8/2023.

Ngày 21/11/2023, Ban cán sự đảng UBND Thành phố có Báo cáo số 204-BC/BCSD báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về kế hoạch đầu tư công năm 2023, xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 và cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố; trong đó bao gồm việc hỗ trợ xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã theo nguyên tắc: *“Hỗ trợ xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tại 12 huyện, thị xã khó khăn được nêu tại Tờ trình số 257-TTr/BCSD ngày 08/8/2023 của Ban cán sự đảng UBND Thành phố; mức hỗ trợ từng dự án đảm bảo không vượt định mức đã được Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất tại Thông báo số 1300-TB/TU ngày 17/8/2023,...”* và đã được Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thống nhất tại Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 27/11/2023.

5. Về các kiến nghị của UBND Thành phố

a) Đối với kiến nghị cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn cho các dự án nhóm A, B, C đã quá thời gian bố trí vốn theo khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công: Khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công quy định: *“... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương”*. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND Thành phố

yêu cầu các đơn vị liên quan và UBND các quận, huyện, thị xã rà soát nhu cầu bố trí vốn vượt thời gian thực hiện của từng dự án theo khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công để làm cơ sở báo cáo HĐND Thành phố xem xét quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với từng dự án cụ thể theo thẩm quyền.

*** UBND Thành phố báo cáo:**

Về việc cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn cho các dự án nhóm A, B, C, tại Tờ trình số 457/TTr-UBND ngày 18/11/2023, Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023, UBND Thành phố đề xuất và dự thảo Nghị quyết:

- HĐND Thành phố chấp thuận tiếp tục bố trí kế hoạch vốn năm 2024 đối với các dự án cấp Thành phố, các dự án sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện (bao gồm cả các dự án thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia) nhóm A, B, C đã quá thời gian bố trí theo quy định tại khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019. Tại Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023, UBND Thành phố đã báo cáo: Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện có: 09 dự án nhóm B quá thời gian bố trí vốn 4 năm, 54 dự án nhóm C đã quá thời gian bố trí vốn 3 năm đề xuất bố trí kế hoạch vốn năm 2024. UBND Thành phố báo cáo chi tiết toàn bộ danh mục các dự án Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, phân bổ kế hoạch vốn năm 2024.

UBND Thành phố báo cáo bổ sung chi tiết danh mục dự án cấp Thành phố nhóm các dự án A, B, C quá thời gian bố trí theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công được bố trí kế hoạch vốn năm 2024 *tại Phụ lục 8 kèm theo.*

- Đối với các dự án cấp huyện (bao gồm cả cấp xã), UBND Thành phố đề xuất phương án:

+ Phương án 1: HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị danh mục dự án bố trí quá thời gian như đã nêu ở trên. Trong trường hợp này, các quận, huyện, thị xã hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐND Thành phố về danh mục đề xuất (do các dự án này, các quận, huyện, thị xã thực hiện toàn bộ thủ tục đầu tư, thủ tục dự án, giám sát đầu tư,... theo phân cấp).

+ Phương án 2: HĐND Thành phố giao HĐND cấp huyện xem xét, quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện như nêu trên.

Để giảm hồ sơ hành chính, tăng khả năng chủ động của các cấp, UBND Thành phố đề xuất phương án 2 thực hiện trong năm 2024 đối với các dự án cấp huyện không đáp ứng thời hạn bố trí vốn thực hiện nhóm B không quá 4 năm, nhóm C không quá 3 năm.

Về việc rà soát nhu cầu bố trí vốn vượt thời gian thực hiện của từng dự án theo khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công đối với các dự án sử dụng 100% ngân sách cấp huyện trong giai đoạn 2021-2025: Thời gian qua, UBND Thành phố đã chỉ đạo các quận, huyện, thị xã rà soát, đề xuất bố trí kế hoạch vốn năm 2024 đối

với các dự án không đáp ứng thời gian bố trí kế hoạch vốn. Đến nay, có 27/30 quận, huyện, thị xã đề xuất HĐND Thành phố cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn quá 04 năm cho 106 dự án nhóm B, quá 03 năm cho 268 dự án nhóm C dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2024. Tổng hợp theo quy định tại khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019, đến hết năm 2023 có 80 dự án nhóm B và 181 dự án nhóm C đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định bố trí thời gian bố trí kế hoạch vốn là năm 2024 để đảm bảo quy định. *(Chi tiết danh mục dự án của từng quận, huyện, thị xã tại Phụ lục số 17.6, Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023).*

b) Về việc chưa phân bổ chi tiết số vốn 4.225,605 tỷ đồng, đề nghị UBND Thành phố khẩn trương lập phương án chi tiết phân bổ cho từng dự án đảm bảo đúng nguyên tắc nêu trên, đúng địa bàn, lĩnh vực phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố giai đoạn 2021-2025 và khả năng đối ứng ngân sách cấp huyện nhằm đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu chính trị, chương trình đã đề ra theo đúng tiến độ đề xuất trình HĐND Thành phố xem xét phân bổ trong tháng 3/2024.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo các đơn vị khẩn trương rà soát, hoàn thiện phương án trình HĐND Thành phố phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án tại kỳ họp HĐND Thành phố đầu năm 2024.

III. Cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021—2025 cấp Thành phố

1. Về Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn từ nguồn thu hợp pháp của Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội và Bệnh viện phụ sản Hà Nội để triển khai một số dự án đầu tư của 2 đơn vị: Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách, UBND Thành phố sẽ xem xét quyết định kế hoạch đầu tư công hàng năm cho các đơn vị theo thẩm quyền và chỉ đạo: tổng hợp, báo cáo các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm theo quy định; tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ Luật định, hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

2. Việc điều chỉnh giảm nguồn vốn đã dự nguồn cho các dự án vụ cấp Thành phố để phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng sau kỳ họp tháng 12/2023 chưa thể phê duyệt chủ trương đầu tư để bổ sung cho các dự án, nhiệm vụ cấp thiết, quan trọng cấp Thành phố

Tại Tờ trình số 457/TTr-UBND ngày 18/11/2023 và Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023, UBND Thành phố đã báo cáo HĐND Thành phố điều chỉnh giảm nguồn vốn của một số nhiệm vụ, dự án đến nay chưa triển khai được, chậm triển khai và không hấp thụ hết kế hoạch vốn đã được giao hoặc dự nguồn là 13.517,942 tỷ đồng để bổ sung cho một số nhiệm vụ, dự án cấp Thành phố; trong đó đề xuất điều chỉnh giảm 6.046,321 tỷ đồng từ nguồn vốn dự kiến cho 57 dự án cấp Thành phố để phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa thể phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp tháng 12/2023.

Đến nay, cập nhật tình hình phê duyệt chủ trương đầu tư của các dự án *(theo Tờ trình số 478/TTr-UBND ngày 24/11/2023 của UBND Thành phố về*

phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của Thành phố), sau kỳ họp tháng 12/2023, dự kiến còn 67 dự án được dự nguồn chưa phê duyệt chủ trương đầu tư gồm 08 dự án hỗ trợ ngành dọc và 59 dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố.

Trong 59 dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố được dự nguồn là 11.006,591 tỷ đồng chưa thể phê duyệt chủ trương đầu tư trong kỳ họp HĐND Thành phố tháng 12/2023 có: 08 công trình trọng điểm được dự nguồn là 4.861,5 tỷ đồng; 28 dự án giáo dục, y tế, di tích thuộc Kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực với dự nguồn là 2.413,502 tỷ đồng; 01 dự án sử dụng vốn ODA được dự nguồn là 1.100 tỷ đồng (gồm: 1.000 tỷ đồng vốn ODA vay lại; 100 tỷ đồng ngân sách Thành phố đối ứng); 22 dự án khác được dự nguồn là 2.631,589 tỷ đồng. Trong đó:

- Đối với các công trình trọng điểm: 05/08 công trình trọng điểm dự kiến chỉ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (Dự án phục dựng Điện Kính Thiên; Bảo tồn phục dựng hào, hệ thống thủy văn tại khu di tích Cổ Loa; Tuyến đường sắt đô thị số 5; Cầu Tứ Liên; Cầu Trần Hưng Đạo); 01 dự án chưa được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (Trường đại học Thủ Đô); 02 dự án dự kiến phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2024 và triển khai công tác chuẩn bị thực hiện dự án trong năm 2025.

- Đối với các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực: Chủ yếu còn các dự án di tích chưa phê duyệt được chủ trương đầu tư do nhiều dự án vướng quy hoạch; thời gian thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án kéo dài (do thủ tục đầu tư phức tạp), dự kiến chỉ thực hiện được công tác phê duyệt chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2024-2025.

Theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023, HĐND Thành phố đã giao UBND Thành phố tiếp tục rà soát, đánh giá nguồn lực dành cho đầu tư công trung hạn; xem xét, điều chỉnh giảm nguồn vốn đã dự nguồn cụ thể cho các dự án để chuẩn bị đầu tư, triển khai trong giai đoạn 2023-2025 nhưng đến tháng 12/2023 không thể phê duyệt chủ trương đầu tư để bổ sung kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, dự án phát sinh và các dự án đẩy nhanh tiến độ hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025; kinh phí còn lại sẽ được chuyển vào dự phòng của Kế hoạch đầu tư công trung hạn theo tinh thần chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho các dự án có thể tiếp tục chuẩn bị đầu tư, triển khai một số thủ tục chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án nhằm nâng cao tính sẵn sàng cho các dự án, UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố xem xét:

- Điều chỉnh giảm 6.046,321 tỷ đồng kế hoạch vốn dự nguồn cho 59 dự án cấp Thành phố nêu trên (không bao gồm các dự án ngành dọc) để bố trí cho các dự án, nhiệm vụ cấp thiết, quan trọng đã nêu tại Tờ trình số 457/TTr-UBND ngày 18/11/2023 và Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023;

- Kinh phí còn lại sau điều chỉnh (4.960,27 tỷ đồng) sẽ không dự nguồn cụ thể cho từng dự án và được điều hành linh hoạt, bố trí vốn theo tiến độ, khả năng triển khai thực hiện của từng dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2024-2025, trong đó ưu tiên các dự án trọng điểm, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công 3 lĩnh vực y tế, di tích, giáo dục (tổng 60 dự án, bao gồm dự án Trường Phổ thông dân tộc nội trú Ba Vì, được chuyển từ danh mục dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ sang danh mục dự án cấp Thành phố quản lý theo quy định về phân cấp tại Nghị quyết 21/2022/NQ-HĐND). *Nguồn kinh phí còn lại sau điều chỉnh này sẽ được chuẩn xác trên cơ sở quyết nghị của HĐND Thành phố về phê duyệt chủ trương đầu tư.*

3. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất việc cập nhật, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đối với các nội dung UBND Thành phố trình trên cơ sở đảm bảo nguồn vốn đã rà soát như nêu trên. Riêng các nội dung về vốn ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện thực hiện 02 chương trình mục tiêu Quốc gia, Kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, ban chỉ huy quân sự cấp xã. Trong quá trình rà soát, Ban đề nghị UBND Thành phố lưu ý một số nội dung sau:

- Rà soát, xây dựng các tiêu chí phân bổ, tiêu chí ưu tiên đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu về nông thôn mới, không có hộ nghèo, trường công lập đạt chuẩn quốc gia, y tế cơ sở đạt tiêu chuẩn quốc gia....; lập danh mục các xã cần hoàn thành chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới nâng cao; Lập danh mục dự án theo từng địa phương (địa bàn cấp xã), nhu cầu vốn đảm bảo phù hợp tiêu chí đã xác định.

- Rà soát cụ thể khả năng thu ngân sách, phương án bố trí vốn thực hiện các dự án đầu tư cấp huyện của các quận, huyện, thị xã gặp khó khăn về nguồn vốn thực hiện dự án cấp huyện cũng như nguồn kinh phí đối ứng các dự án Ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ. Đảm bảo bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.

Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị báo cáo về kinh phí chưa phân bổ đối với kế hoạch đầu tư công năm 2024 đối với kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện.

*** UBND Thành phố báo cáo:**

- Tại Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023, UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với: (1) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (2.000 tỷ đồng); (2) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (802,05 tỷ đồng); (3) Hỗ trợ các quận, huyện, thị xã đầu tư xây dựng mới, cải tạo các trường trung học phổ thông (1.706,394 tỷ đồng); (4) Hỗ trợ mục tiêu cấp huyện để thực hiện Kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực giáo dục, y tế, di tích và hỗ trợ đầu tư các dự án xử lý nước thải làng nghề, hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác, nghĩa trang tập trung của Thành phố, các dự án hạ tầng kinh tế, nhà văn hoá thôn (3.001,875 tỷ đồng, chưa bao gồm việc rà soát các

trường học công lập phải công nhận lại đạt chuẩn quốc gia, các di tích đề xuất đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong giai đoạn 2021-2025); (5) Hỗ trợ các huyện đầu tư xây dựng Ban chỉ huy quân sự cấp xã (806,093 tỷ đồng).

- UBND Thành phố xin ý kiến về việc điều hành nguồn vốn năm 2024:

+ Tại kế hoạch đầu năm 2024, đề xuất phân bổ kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của HĐND Thành phố đã phê duyệt là 5.819,593 tỷ đồng. Đối với các khoản kinh phí chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 4.225,605 tỷ đồng: Giao UBND Thành phố trình phân bổ chi tiết ngay sau khi được Thành ủy, HĐND Thành phố thông qua chủ trương và thực hiện rà soát kỹ lưỡng, hoàn thành tại kỳ họp HĐND Thành phố đầu năm 2024.

+ UBND Thành phố đề xuất: (1) Cho phép di tích dự kiến triển khai 02 giai đoạn 2021-2025 và sau năm 2025, các di tích triển khai giai đoạn sau năm 2025 được đẩy lên thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 (các đơn vị đề xuất bổ sung 2.106 tỷ đồng trong kế hoạch trung hạn); (2) Rà soát các dự án có đề xuất bổ sung kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025, đồng thời với việc rà soát các trường học công lập phải công nhận lại chuẩn quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn Thành phố, xem xét, cân đối nguồn lực ngân sách các cấp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2024, năm 2025, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ trường học công lập đạt chuẩn quốc gia theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Thành phố lần thứ XVII.

Trên cơ sở rà soát các dự án như đã báo cáo ở trên, Ban cán sự đảng UBND Thành phố sẽ báo Thành ủy, UBND Thành phố sẽ báo cáo HĐND Thành phố việc bổ sung danh mục dự án cụ thể và kế hoạch vốn bổ sung của kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, kế hoạch năm 2024 trong tháng 3/2024.

UBND Thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách trong quá trình rà soát, hoàn thiện để trình HĐND Thành phố.

4. UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét điều hòa Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 lĩnh vực quốc phòng như sau:

Dự án Doanh trại Trung đoàn 692/Sư đoàn BB301/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội được Bộ Quốc phòng phê duyệt tại Quyết định số 3434/QĐ-BQP ngày 09/9/2022 với tổng mức đầu tư là 760 tỷ đồng, nguồn vốn: ngân sách nhà nước là 80 tỷ đồng, ngân sách Quốc phòng là 80 tỷ đồng, ngân sách địa phương thành phố Hà Nội hỗ trợ là 600 tỷ đồng; chủ đầu tư là Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội. Tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố được HĐND Thành phố thông qua, ngân sách Thành phố đã cân đối 600 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư Dự án, đảm bảo đúng theo cơ cấu nguồn vốn tại Quyết định phê duyệt dự án được Bộ Quốc phòng quyết định (*đã bố trí kế hoạch vốn năm 2023 là 450 tỷ đồng, dự kiến năm 2024 là 150 tỷ đồng*).

Để có cơ sở báo cáo Bộ Quốc phòng quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án từ 760 tỷ đồng lên 786 tỷ đồng (*do bổ sung chi phí nộp tiền để bảo vệ phát triển đất lúa là 26,396 tỷ đồng - chi phí này chưa có trong tổng mức đầu tư dự án*

được phê duyệt), tại Văn bản số 2194/BTL-HC ngày 25/10/2023, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đề nghị ngân sách Thành phố hỗ trợ tăng thêm 26 tỷ đồng cho Dự án, từ nguồn điều chỉnh giảm 26 tỷ đồng đã dự kiến cân đối cho dự án STN.01.2 chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, không thể hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 do vướng mắc về đất đai (*tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố, ngân sách Thành phố đã dự kiến cân đối 65 tỷ đồng trong tổng nguồn 1.095,415 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết cho lĩnh vực quốc phòng để đầu tư hoàn thành dự án STN.01.2 theo tổng mức đầu tư dự kiến*).

Ngày 28/11/2023, Ban cán sự đảng UBND Thành phố đã có văn bản số 672-CV/BCSĐ báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về đề nghị nêu trên của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và được Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến thông qua tại cuộc họp ngày 30/12/2023 (*chưa có thông báo chính thức*).

Vì vậy, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố thông qua chủ trương điều chỉnh mức ngân sách Thành phố hỗ trợ cho Dự án Doanh trại Trung đoàn 692/Sư đoàn BB301/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (tăng thêm 26 tỷ đồng) từ nguồn điều chỉnh giảm tương ứng kế hoạch vốn dự kiến cân đối cho dự án STN.01.2 như nêu trên để làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

Sau khi được HĐND Thành phố quyết nghị, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư và cập nhật vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố, đề xuất bố trí kế hoạch vốn hàng năm theo tiến độ thực hiện Dự án theo quy định.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022, HĐND Thành phố giao UBND Thành phố thông báo và phân giao cụ thể kế hoạch vốn ngân sách trung ương cho các dự án trong năm 2023 cho các chủ đầu tư trên cơ sở số vốn được Trung ương giao chi tiết để đảm bảo kịp thời tiếp nhận và sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ.

Theo chương trình công tác của Thành phố, từ nay đến cuối năm chỉ có 1 kỳ họp HĐND Thành phố dự kiến từ ngày 05/12/2023 đến ngày 08/12/2023. Để đảm bảo thực hiện Kế hoạch năm 2023 được Trung ương giao điều chỉnh (nếu có), UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố giao UBND Thành phố thông báo và phân giao cụ thể kế hoạch vốn ngân sách trung ương giao cho các dự án, các chủ đầu tư, đồng thời cập nhật tổng nguồn kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên cơ sở số vốn được Trung ương giao chi tiết.

UBND Thành phố đề xuất được thực hiện tương tự nội dung trên đối với Kế hoạch đầu tư công năm 2024. UBND Thành phố báo cáo kết quả thực hiện HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

(Gửi kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố sau giải trình, bổ sung)

Trên đây là báo cáo bổ sung, tiếp thu, giải trình của UBND Thành phố. UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố xem xét, thông qua và cho phép UBND Thành phố tiếp tục phối hợp với Ban Kinh tế - Ngân sách trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- Văn phòng HĐND Thành phố;
- Sở KH&ĐT;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải

PHỤ LỤC 1.1
CẬP NHẬT, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025
NGUỒN VỐN THANH TOÁN THEO CƠ CHẾ LINH HOẠT BỐ TRÍ CHO CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG SỐ (A+B)		113		161.348.851	168.885,500	3.000,000	20.862,000	145.023,500	145.023,500			
A	Dự án đã được phê duyệt tại các Quyết định: số 3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; số 5221/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND Thành phố	70		135.878.059	131.376,034	3.000,000	19.562,000	108.814,034	108.814,034			
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1		980.000	3.482,000			3.482,000	3.482,000			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Xây dựng Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội	1	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 07/QĐ-BQLDADD ngày 12/01/2023	980.000	3.482,000			3.482,000	3.482,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	3		1.206.930	3.279,000		726,000	2.553,000	2.553,000			
1	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế tại các Bệnh viện và Cơ sở y tế thuộc Sở Y tế Hà Nội	1	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 37/QĐ-BQLDADD ngày 01/02/2023	152.869	900,000			900,000	900,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Công trình trọng điểm 2021-2025: Xây dựng bệnh viện Tim Hà Nội cơ sở 2	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 85/QĐ-BQLDADD ngày 17/02/2023	789.406	1.146,000		726,000	420,000	420,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đống Đa, Hà Nội	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 255/QĐ-BQLDADD ngày 05/4/2023	264.655	1.233,000			1.233,000	1.233,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
III	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	4		1.167.305	5.427,000			5.427,000	5.427,000			
1	Cung văn hóa thể thao Thanh niên Hà Nội tại số 1-3, Phố Tăng Bạt Hổ, Q. Hai Bà Trưng, HN	1	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 06/QĐ-BQLDADD ngày 12/01/2023	998.000	2.653,000			2.653,000	2.653,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
2	Giải phóng mặt bằng, cải tạo hạ tầng kỹ thuật khu vực xung quanh di tích đền Bà Kiệu, quận Hoàn Kiếm	1	21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4296/QĐ-UBND ngày 04/11/2022; 7766/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	49.915	108,000			108,000	108,000	UBND quận Hoàn Kiếm	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền An Dương Vương tại Khu di tích Thành Cổ Loa	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 752/QĐ-TTHN ngày 31/10/2022	58.082	1.420,000			1.420,000	1.420,000	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
4	Bảo tồn, tôn tạo di tích đình Ngự Triều Di Quy và Am Mỹ Châu tại khu di tích Thành Cổ Loa	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 752/QĐ-TTHN ngày 31/10/2022	61.308	1.246,000			1.246,000	1.246,000	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
IV	Lĩnh vực thể dục, thể thao	5		418.562	3.264,000			3.264,000	3.264,000			
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà ăn vận động viên Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Hà Nội	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Số 206/QĐ-BQLDADD ngày 27/3/2023	36.254	419,000			419,000	419,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Cải tạo, nâng cấp cơ sở tập luyện thể dục thể thao Hà Nội 14 Trịnh Hoài Đức	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Số 207/QĐ-BQLDADD ngày 27/3/2023	63.772	626,000			626,000	626,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Cải tạo, nâng cấp nhà tập luyện và thi đấu thể dục thể thao Lạc Long Quân	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Số 208/QĐ-BQLDADD ngày 27/3/2023	32.211	419,000			419,000	419,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
4	Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập Taekwondo - boxing - Cầu lông - Bóng chuyền	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Số 209/QĐ-BQLDADD ngày 27/3/2023	150.944	900,000			900,000	900,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
5	Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập vật - Cầu mây - Bóng ném - Bóng bàn	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; Số 210/QĐ-BQLDADD ngày 27/3/2023	135.381	900,000			900,000	900,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
V	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	2		1.241.000	682,000			682,000	682,000			
1	Dự án Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	1	21/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 772/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	740.000	347,000			347,000	347,000	Sở Xây dựng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, thị xã Sơn Tây	1	21/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 772/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	501.000	335,000			335,000	335,000	Sở Xây dựng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
VI	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	27		129.383.248	80.282,034	3.000,000	18.836,000	58.446,034	58.446,034			
VI.1	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	10		1.609.150	12.011,000			12.011,000	12.011,000			
VI.1.1	Lĩnh vực đề điều	3		437.367	2.920,000			2.920,000	2.920,000			
1	Xử lý sạt lở bờ sông hữu Hồng tương ứng từ K94+010 đến K94+389 đê hữu Hồng, huyện Thường Tín	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 5249/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	23.981	320,000			320,000	320,000	UBND huyện Thường Tín	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Nâng cấp tuyến đê Hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Sơn Tây	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 1282/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	380.000	2.000,000			2.000,000	2.000,000	UBND thị xã Sơn Tây	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kè Thanh Am (tương ứng K6+500 đến K6+900 đê hữu Duồng) thuộc địa bàn phường Giang Biên, quận Long Biên	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 1079/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	33.386	600,000			600,000	600,000	UBND quận Long Biên	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
VI.1.2	Lĩnh vực thủy lợi	7		1.171.783	9.091,000			9.091,000	9.091,000			
1	Nạo vét, gia cố bờ sông Tô Lịch huyện Thường Tín (khỏi thông dòng chảy, kè, nâng cấp mặt đê tạo cảnh quan, bộ hành 02 bờ sông Tô Lịch dài 7km trên địa bàn huyện Thường Tín)	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 4897/QĐ-UBND 13/10/2022	223.273	1.200,000			1.200,000	1.200,000	UBND huyện Thường Tín	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả sông Hang, thị xã Sơn Tây	1	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 815/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	420.000	2.500,000			2.500,000	2.500,000	UBND thị xã Sơn Tây	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 8077/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	54.000	500,000			500,000	500,000	UBND huyện Sóc Sơn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
4	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dẫn vào các trạm bơm: tiêu Trại ro, tiêu Thông Đạt, tiêu Cấn Hạ, huyện Quốc Oai	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 207/QĐ-UBND ngày 01/02/2023	66.354	684,000			684,000	684,000	UBND huyện Quốc Oai	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cộng hòa 1 và hệ thống kênh tiêu (kênh tiêu S8, kênh tiêu Đầm Bùng 2, kênh nhánh), huyện Quốc Oai	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 95/QĐ-UBND ngày 30/01/2023	197.920	1.407,000			1.407,000	1.407,000	UBND huyện Quốc Oai	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
6	Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu trạm bơm Vĩnh Mộ trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 6351/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	77.636	800,000			800,000	800,000	UBND huyện Thường Tín	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính Tam Bảo, huyện Mê Linh	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 1316/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	132.600	2.000,000			2.000,000	2.000,000	UBND huyện Mê Linh	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt				Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBBT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
VI.2	Lĩnh vực giao thông	12		124.187.658	66.770,575	3.000,000	18.836,000	44.934,575	44.934,575			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức giữa đường Vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 4563/QĐ-UBND ngày 19/11/2022; 2746/QĐ-SGTVT ngày 20/8/2021	2.384.242	644,000		190,000	454,000	454,000	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Công trình trọng điểm 2021-2025: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6: đoạn Ba La - Xuân Mai	1	969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; 426/QĐ-SGTVT ngày 28/01/2021	8.112.968	474,000			474,000	474,000	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Công trình trọng điểm 2021-2025: Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	1	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 2114/QĐ-UBND ngày 21/6/2022; 427/QĐ-SGTVT ngày 28/01/2021	5.249.353	8.183,000	3.000,000	4.700,000	483,000	483,000	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
4	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án nâng cấp mở rộng đường 70 (đoạn từ Trịnh Văn Bô đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm)	1	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 591/QĐ-SGTVT ngày 20/3/2023	3.395.748	242,647			242,647	242,647	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
5	Công trình trọng điểm 2021-2025: Cải tạo, nâng cấp đường 70: đoạn Hà Đông - Văn Điển	1	2931/QĐ-UBND ngày 14/6/2018; 2670/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 2742/QĐ-SGTVT ngày 02/8/2021	2.823.842	264,645			264,645	264,645	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
6	Dự án xây dựng đường vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32	1	2670/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 2744/QĐ-SGTVT ngày 02/8/2021	1.494.965	434,830			434,830	434,830	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
7	Dự án xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu	1	2670/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 2748/QĐ-SGTVT ngày 02/8/2021	8.298.117	485,796			485,796	485,796	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
8	Dự án xây dựng đường vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - cầu Giẽ	1	2670/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 2745/QĐ-SGTVT ngày 02/8/2021	8.556.465	455,360			455,360	455,360	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
9	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội	1		75.294.000	53.469,175		13.469,175	40.000,000	40.000,000		3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBBT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
9.1	Dự án thành phần 1.1: bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận Thành phố HN		2447/QĐ-UBND ngày 13/7/2022; 858/QĐ-BQLCTGT ngày 03/10/2022	13.370.000	5.000,000		1.800,000	3.200,000	3.200,000	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
9.2	Dự án thành phần 2.1: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận Thành phố Hà Nội		2447/QĐ-UBND ngày 13/7/2022; 624/QĐ-BQLCTGT ngày 11/8/2022 853/QĐ-BQLCTGT ngày 03/10/2022	5.388.000	11.600,000		300,000	11.300,000	11.300,000	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
9.3	Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng hệ thống đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư		2447/QĐ-UBND ngày 13/7/2022; 840/QĐ-BQLCTGT ngày 30/9/2022 784/QĐ-BQLCTGT ngày 16/9/2022	56.536.000	36.869,175		11.369,175	25.500,000	25.500,000	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
10	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 2,5 đoạn từ Nguyễn Trãi (Quốc lộ 6) đến Đầm Hồng	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 858/QĐ-UBND ngày 13/4/2023	2.569.927	1.237,825		476,825	761,000	761,000	UBND quận Thanh Xuân	5221/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	
11	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bãi Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	29/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 2831/QĐ-SGTVT ngày 03/6/2022;	2.564.055	388,911			388,911	388,911	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
12	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra Quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ	1	29/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 2741/QĐ-SGTVT ngày 02/8/2021;	3.443.976	490,386			490,386	490,386	Sở Giao thông - Vận tải	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
VI.3	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	2		2.700.000	816,000			816,000	816,000			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực Tả sông Nhuệ - giai đoạn 1	1	21/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 772/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	1.300.000	391,000			391,000	391,000	Sở Xây dựng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt				Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
2	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án xây dựng hệ thống thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ	1	21/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 119/QĐ-SXD ngày 08/3/2023	1.400.000	425,000			425,000	425,000	Sở Xây dựng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
VI.4	Công trình công cộng đô thị	3		886.440	684,459			684,459	684,459			
1	Cải tạo, nâng cấp công viên Thống nhất	1	874/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; 238/QĐ-SXD ngày 15/4/2023	408.201	333,056			333,056	333,056	Sở Xây dựng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Cải tạo, nâng cấp công viên Bách Thảo	1	874/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; 239/QĐ-SXD ngày 15/4/2023	329.662	146,068			146,068	146,068	Sở Xây dựng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Cải tạo, nâng cấp công viên Thủ Lệ	1	874/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; 240/QĐ-SXD ngày 15/4/2023	148.577	205,335			205,335	205,335	Sở Xây dựng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
VII	Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)	5		251.461	3.010,000			3.010,000	3.010,000			
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội	1	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 39/QĐ-BQLDADD ngày 02/02/2023	53.636	636,000			636,000	636,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội	1	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 40/QĐ-BQLDADD ngày 02/02/2023	47.213	570,000			570,000	570,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Phục hồi chức năng Việt Hán	1	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 42/QĐ-BQLDADD ngày 02/02/2023	53.085	627,000			627,000	627,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
4	Cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy số 2	1	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 38/QĐ-BQLDADD ngày 02/02/2023	48.408	614,000			614,000	614,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
5	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần số 2 Hà Nội	1	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 41/QĐ-BQLDADD ngày 02/02/2023	49.119	563,000			563,000	563,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
VIII	Lĩnh vực khác (tòa án, viện kiểm sát...)	23		1.229.553	31.950,000			31.950,000	31.950,000			
VIII.1	Lĩnh vực tòa án	12		897.894	14.220,000			14.220,000	14.220,000			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBBT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
1	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm	1	2849/QĐ-UBND ngày 17/5/2017; 2271/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 693/HĐND-KTNS ngày 25/12/2017; 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 58/QĐ-BQLDADD ngày 08/02/2023	117.189	220,000			220,000	220,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng	1	143/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 326a/QĐ-TAHBT 05/6/2023	105.934	1.500,000			1.500,000	1.500,000	Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bố trí KHV trung hạn là 93.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
3	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên	1	144/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 31/QĐ-TA 08/6/2023	64.183	1.250,000			1.250,000	1.250,000	Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bố trí KHV trung hạn là 56.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
4	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức	1	152/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 01/QĐ-TAMD 06/6/2023	65.216	1.250,000			1.250,000	1.250,000	Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bố trí KHV trung hạn là 57.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt				Đề xuất bổ trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDT	Thông báo/Quyết định bổ trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
5	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai	1	151/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 01/QĐ-XDCB 08/6/2023	60.721	1.200,000			1.200,000	1.200,000	Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bổ trí KHV trung hạn là 53.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thống nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
6	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì	1	145/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 01/QĐ-TABV-XDCB 05/6/2023	79.224	1.400,000			1.400,000	1.400,000	Tòa án nhân dân huyện Ba Vì	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bổ trí KHV trung hạn là 69.500 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thống nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
7	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín	1	148/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 01/QĐ-TATT 06/6/2023	58.806	1.150,000			1.150,000	1.150,000	Tòa án nhân dân huyện Thường Tín	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bổ trí KHV trung hạn là 51.500 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thống nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
8	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức	1	147/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 01/QĐ-TAHD 06/6/2023	79.854	1.400,000			1.400,000	1.400,000	Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bổ trí KHV trung hạn là 70.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thống nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt				Đề xuất bổ tri KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDT	Thông báo/Quyết định bổ tri kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
9	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ	1	146/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 109/QĐ-TACMHN 08/6/2023	87.949	1.400,000			1.400,000	1.400,000	Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bổ tri KHV trung hạn là 21.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
10	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất	1	149/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 356/2023/QĐ-TA 08/6/2023	63.238	1.200,000			1.200,000	1.200,000	Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bổ tri KHV trung hạn là 18.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
11	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng	1	150/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 140/QĐ-TADP 06/6/2023	61.882	1.200,000			1.200,000	1.200,000	Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bổ tri KHV trung hạn là 14.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
12	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ	1	153/QĐ-TANDTC-KHTC-05/5/2023; 02/QĐ-TAPT-XDCB 02/6/2023	53.698	1.050,000			1.050,000	1.050,000	Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	- Dự án đã được bổ tri KHV trung hạn là 13.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023. - Cập nhật KHV trung hạn nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt - Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV năm 2023
VIII.2	Lĩnh vực kiểm sát	11		331.659	17.730,000			17.730,000	17.730,000			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
1	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ	1	2849/QĐ-UBND ngày 17/5/2017; 2271/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 943/QĐ-UBND ngày 28/02/2018; 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 56/QĐ-BQLDADD ngày 08/02/2023	35.816	150,000			150,000	150,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
2	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ	1	24/QĐ-VKSTC ngày 15/3/2023 ; 120/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	23.648	1.640,000			1.640,000	1.640,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
3	Cải tạo, mở rộng viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa	1	30/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2023 ; 122/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	31.569	2.000,000			2.000,000	2.000,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
4	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên	1	29/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2023 ; 121/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	29.048	1.700,000			1.700,000	1.700,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
5	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì	1	23/QĐ-VKSTC ngày 15/3/2023 ; 119/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	32.079	1.910,000			1.910,000	1.910,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
6	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa	1	16/QĐ-VKSTC ngày 01/3/2023 ; 116/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	28.752	1.680,000			1.680,000	1.680,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
7	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng	1	31/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2023 ; 123/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	29.297	1.690,000			1.690,000	1.690,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
8	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất	1	20/QĐ-VKSTC ngày 15/3/2023 ; 117/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	28.959	1.710,000			1.710,000	1.710,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
9	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức	1	22/QĐ-VKSTC ngày 15/3/2023 ; 118/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	32.837	1.810,000			1.810,000	1.810,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
10	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai	1	33/QĐ-VKSTC ngày 23/3/2023 ; 124/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	30.357	1.740,000			1.740,000	1.740,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022					Năm 2023
11	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai	1	34/QĐ-VKSTC ngày 23/3/2023 ; 125/QĐ-VKS-VP ngày 31/3/2023	29.297	1.700,000			1.700,000	1.700,000	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thống nhất đơn vị tính là triệu đồng (lấy 3 chữ số thập phân sau dấu phẩy) đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
B	Cập nhật danh mục và kế hoạch vốn cho các dự án đã được thông báo kế hoạch vốn theo cơ chế linh hoạt	43		25.470.792	37.509,466		1.300,000	36.209,466	36.209,466			
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	2		115.082	590,000			590,000	590,000			
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Việt Triều hữu nghị	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 542/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	46.722	340,000			340,000	340,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1364/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	
2	Xây dựng cơ sở 4 Trường Trung cấp nghề Nấu ăn – Nghiệp vụ du lịch và Thời trang Hà Nội (giai đoạn 1) tại thị xã Sơn Tây, Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 543/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	68.360	250,000			250,000	250,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1352/TB-KH&ĐT ngày 21/8/2023	
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	11		3.956.303	8.088,000			8.088,000	8.088,000			
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 535/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	463.705	1.000,000			1.000,000	1.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1364/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	
2	Đầu tư cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 536/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	76.800	420,000			420,000	420,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1364/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	
3	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Mắt thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 537/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	718.969	1.200,000			1.200,000	1.200,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1364/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	
4	Đầu tư cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 538/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	10.285	300,000			300,000	300,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1364/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	
5	Đầu tư cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 539/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	6.581	380,000			380,000	380,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1364/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt				Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
6	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Văn Đình, huyện Ứng Hòa	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 4599/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	134.617	300,000			300,000	300,000	UBND huyện Ứng Hòa	1477/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	
7	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Trì	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 3895/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	368.655	683,000			683,000	683,000	UBND huyện Thanh Trì	1477/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	
8	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 4272/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	186.654	1.100,000			1.100,000	1.100,000	UBND huyện Quốc Oai	1551/TB-KH&ĐT ngày 18/9/2023	
9	Đầu tư, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 5747/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	461.376	1.500,000			1.500,000	1.500,000	UBND huyện Chương Mỹ	1551/TB-KH&ĐT ngày 18/9/2023	
10	Công trình trọng điểm 2021-2025: Đầu tư xây dựng cơ sở 2 bệnh viện Thận Hà Nội (tại Yên Nghĩa, Hà Đông)	1	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 725/QĐ-BQLDADD ngày 29/9/2023	748.538	767,000			767,000	767,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1819/TB-KH&ĐT ngày 13/10/2023	
11	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022;	780.123	438,000			438,000	438,000	UBND huyện Thạch Thất	1875/TB-KH&ĐT ngày 23/10/2023	
III Lĩnh vực khoa học, công nghệ			I	52.585	100,500			100,500	100,500			
1	Xây dựng sân giao dịch công nghệ Hà Nội (giai đoạn 2)	1	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 546/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	52.585	100,500			100,500	100,500	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1364/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2023	
IV Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)			3	54.588	970,000			970,000	970,000			
1	Tu bổ tôn tạo di tích 5D Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 166/QĐ-BQLDT ngày 05/6/2023	14.700	190,000			190,000	190,000	Ban QLDT danh thắng Hà Nội	918/TB-KH&ĐT ngày 30/6/2023	
2	Tu bổ tôn tạo di tích lưu niệm 48 Hàng Ngang, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 167/QĐ-BQLDT ngày 05/6/2023	14.888	550,000			550,000	550,000	Ban QLDT danh thắng Hà Nội	918/TB-KH&ĐT ngày 30/6/2023	
3	Tu bổ tôn tạo di tích Nhà tù Hỏa Lò	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 586/QĐ-BQLDA ngày 21/8/2023	25.000	230,000			230,000	230,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1702/TB-KH&ĐT ngày 03/10/2023	
V Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin			I	190.000	90,000			90,000	90,000			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt				Đề xuất bổ trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDT	Thông báo/Quyết định bổ trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
1	Bổ sung, nâng cấp các dây chuyên, thiết bị hiện có đã lạc hậu, đảm bảo sản xuất và nâng cao chất lượng chương trình an toàn, an ninh mạng trong quá trình phát sóng của Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nội phục vụ nhiệm vụ chính trị của Thành phố.	1	2623/QĐ-UBND ngày 09/5/2023; 239/QĐ-STTTT ngày 22/8/2023	190.000	90,000			90,000	90,000	Sở Thông tin và Truyền thông	1083/TB-KH&ĐT ngày 19/7/2023	
VI	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	3		1.554.000	601.966			601.966	601.966			
1	Dự án Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	1	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; Số 350/QĐ-BQLHKT&NN ngày 03/11/2023	740.000	181,966			181,966	181,966	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố	2021/TB-KH&ĐT ngày 07/7/2023; 5988/KH&ĐT-HT ngày 13/11/2023	
2	Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, thị xã Sơn Tây	1	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 338/QĐ-BQLHKT &NN ngày 30/10/2023	501.000	100,000			100,000	100,000	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố	5988/KH&ĐT-HT ngày 13/11/2023	
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm Mạnh Tân, huyện Đông Anh,	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 7585/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	313.000	320,000			320,000	320,000	UBND huyện Đông Anh	1958/TB-KH&ĐT ngày 03/11/2023	
VII	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	20		19.426.746	26.343,000		1.300,000	25.043,000	25.043,000			
VII.1	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	12		2.830.339	16.643,000		1.300,000	15.343,000	15.343,000			
VII.1.1	Lĩnh vực đê điều	1		478.000	3.700,000		1.300,000	2.400,000	2.400,000			
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến Đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 11175/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	478.000	3.700,000		1.300,000	2.400,000	2.400,000	UBND huyện Đông Anh	1283/TB-KH&ĐT ngày 11/8/2023	
VII.1.2	Lĩnh vực thủy lợi	10		2.214.285	12.467,000			12.467,000	12.467,000			
1	Kiên cố mái, mặt tả bờ sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thượng, huyện Phú Xuyên	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022; 332/QĐ-BQLHKT&NN ngày 04/11/2022	34.949	450,000			450,000	450,000	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố	978/TB-KH&ĐT ngày 10/7/2023	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Tây Ninh-Ngôi Núc, huyện Thạch Thất	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 126/QĐ-BQLHKT&NN ngày 24/5/2023	174.000	1.200,000			1.200,000	1.200,000	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố	978/TB-KH&ĐT ngày 10/7/2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBBT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
3	Cải tạo, nạo vét kênh tiêu Phùng Xá - Dị Nậu, huyện Thạch Thất	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 125/QĐ-BQLHTKT&NN ngày 24/5/2023	92.000	850,000			850,000	850,000	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố	978/TB-KH&ĐT ngày 10/7/2023	
4	Cải tạo kênh tiêu Lim và trạm bơm Lim, huyện Thạch Thất	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 127/QĐ-BQLHTKT&NN ngày 24/5/2023	97.000	950,000			950,000	950,000	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố	978/TB-KH&ĐT ngày 10/7/2023	
5	Cải tạo, nâng cấp, kiên cố hệ thống kênh I2-VD7, kênh I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng Hòa	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 3712/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	230.000	3.000,000			3.000,000	3.000,000	UBND huyện Ứng Hòa	1072/TB-KH&ĐT ngày 07/7/2023	
6	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Sơn Đà và kiên cố hệ thống kênh kết hợp làm đường giao thông huyện Ba Vì	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 3043/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	200.000	1.600,000			1.600,000	1.600,000	UBND huyện Ba Vì	1072/TB-KH&ĐT ngày 07/7/2023	
7	Kiến cố hóa tuyến thoát lũ hạ du xã tràn hồ chứa nước Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 551/QĐ-BQLDA ngày 15/8/2023	130.000	300,000			300,000	300,000	UBND thị xã Sơn Tây	1775/TB-KH&ĐT ngày 10/10/2023	
8	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Hiệp Thuận kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 1346/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	318.408	1.500,000			1.500,000	1.500,000	UBND huyện Phúc Thọ	1962/TB-KH&ĐT ngày 03/11/2023	
9	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Hồng, đê Ngọc Tảo kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 1073/QĐ-UBND ngày 19/4/2022; 1164/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	487.928	1.000,000			1.000,000	1.000,000	UBND huyện Phúc Thọ	1962/TB-KH&ĐT ngày 03/11/2023	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Cổ Đô - Vạn Thắng kết hợp làm đường giao thông dân sinh huyện Ba Vì	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 6285/QĐ-SNN 17/10/2023	450.000	1.617,000			1.617,000	1.617,000	UBND huyện Ba Vì	1957/TB-KH&ĐT ngày 03/11/2023	
VII.1.3 Lĩnh vực nông nghiệp		1		138.054	476,000			476,000	476,000			
1	Xây dựng, mở rộng trung tâm cứu hộ động vật hoang dã, huyện Sóc Sơn	1	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 1027/QĐ-SNN ngày 30/5/2023	138.054	476,000			476,000	476,000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1173/TB-KH&ĐT ngày 01/8/2023	
VII.2 Lĩnh vực giao thông		5		15.709.967	8.500,000			8.500,000	8.500,000			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
1	Dự án xây dựng đường vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - cầu Giẽ	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 655/QĐ-BQLDADD ngày 08/9/2023	8.556.465	300,000			300,000	300,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1998/TB-KH&ĐT ngày 20/10/2023; 5930/KH&ĐT-HT ngày 10/11/2023	
2	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bãi Đĩnh (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	29/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 21/QĐ-BQLCTGT ngày 30/02/2023	2.564.055	1.900,000			1.900,000	1.900,000	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông Thành phố	830/TB-KH&ĐT ngày 15/6/2023	
3	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng cầu Văn Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra Quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ	1	29/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 73/QĐ-BQLCTGT ngày 06/3/2023	3.443.976	3.300,000			3.300,000	3.300,000	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông Thành phố	830/TB-KH&ĐT ngày 15/6/2023	
4	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xá Kiêu, xã Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Văn Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa đến đường cụm công nghiệp Bắc Văn Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 4286/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	846.198	1.000,000			1.000,000	1.000,000	UBND huyện Ứng Hòa	1540/TB-KH&ĐT ngày 14/9/2023	
5	Xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực tiếp cận dự án Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2, Bệnh viện nhi Trung ương cơ sở 2, huyện Quốc Oai	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 4051/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	299.273	2.000,000			2.000,000	2.000,000	UBND huyện Quốc Oai	1853/TB-KH&ĐT ngày 20/10/2023	
VII.3	Công trình công cộng đô thị	3		886.440	1.200,000			1.200,000	1.200,000			
1	Cải tạo, nâng cấp công viên Thống nhất	1	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 722/QĐ-BQLDADD ngày 29/9/2023	408.201	410,000			410,000	410,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1929/TB-KH&ĐT ngày 30/10/2023	
2	Cải tạo, nâng cấp công viên Bách Thảo	1	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 724/QĐ-BQLDADD ngày 29/9/2023	329.662	340,000			340,000	340,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1929/TB-KH&ĐT ngày 30/10/2023	
3	Cải tạo, nâng cấp công viên Thủ Lệ	1	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 723/QĐ-BQLDADD ngày 29/9/2023	148.577	450,000			450,000	450,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1929/TB-KH&ĐT ngày 30/10/2023	
VIII	Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)	2		121.488	726,000			726,000	726,000			

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định giao nhiệm vụ/ Chủ trương đầu tư/dự án/dự toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt				Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị được giao nhiệm vụ CBĐT	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023				
1	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở Cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 541/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	51.677	400,000			400,000	400,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1352/TB-KH&ĐT ngày 21/8/2023	
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 540/QĐ-BQLDADD ngày 09/8/2023	69.811	326,000			326,000	326,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1352/TB-KH&ĐT ngày 21/8/2023	
										*		

PHỤ LỤC 1.2

CẬP NHẬT, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025
NGUỒN VỐN THANH TOÁN THEO CƠ CHẾ LINH HOẠT BỐ TRÍ CHO CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư	TMDT	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt						
						Tổng	Năm 2021	Năm 2023				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	TỔNG (A+B)	17		42.883.839	6.602.774	509.085,099	5.328,955	504.059,057	504.059,057			
A	Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định 3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND Thành phố	2		1.032.628	443.000	75.600,000	3.600,000	72.000,000	72.000,000			
I	Lĩnh vực giao thông	1		887.735	320.000	28.600,000	3.600,000	25.000,000	25.000,000			
I	Dự án cải tạo nâng cấp QL1A đoạn văn Điển-Ngọc hồi (Km185-Km 189) huyện Thanh trì, TP Hà Nội	1	3553/QĐ-UBND ngày 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 1951/QĐ-UBND ngày 23/4/2019; 417/QĐ-UBND ngày 13/8/2020; 1310/QĐ-UBND ngày 17/3/2021; 178/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	887.735	320.000	28.600,000	3.600,000	25.000,000	25.000,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	
II	Lĩnh vực HTKT tái định cư	1		144.893	123.000	47.000,000		47.000,000	47.000,000			
I	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xóm Ninh Liệt, thôn 9, xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường Khu LHXLC T Sóc Sơn trong phạm vi bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn	1	01/NQ-HĐND ngày 29/3/2021; 5027/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	144.893	123.000	47.000,000		47.000,000	47.000,000	UBND huyện Sóc Sơn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư	TMDT	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt					
						Tổng	Năm 2021	Năm 2023			
B	Cập nhật danh mục và kế hoạch vốn cho các dự án đã được thông báo kế hoạch vốn theo cơ chế linh hoạt	15		41.851.211	6.159.774	433.485,099	1.728,955	432.059,057	432.059,057		
I	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	3		13.782.645	2.118.841	100.906,099	795,955	100.413,057	100.413,057		
1	Dự án Xây dựng và cải tạo 03 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	1	4956/QĐ-UBND ngày 26/10/2011; 1361/QĐ-TNHN ngày 31/12/2021	618.789	100	99,288		99,288	99,288	Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội	2054/TB-KH&ĐT ngày 15/11/2023
2	Dự án di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m từ Khu XLCT Sóc Sơn) kết hợp trồng cây xanh	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 2354/QĐ-UBND 21/4/2023	3.470.000	2.100.000	100.000,000		100.000,000	100.000,000	UBND huyện Sóc Sơn	817/TB-KH&ĐT ngày 13/6/2023
3	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án II	1	4315/QĐ-UBND ngày 28/9/2006; 2304/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 2940/QĐ-UBND ngày 28/6/2012; 3947/QĐ-UBND ngày 24/7/2014	9.693.856	18.741	806,811	795,955	313,769	10,856	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố	1848/TB-KH&ĐT ngày 18/10/2023
									302,913	UBND quận Thanh Xuân	
II	Lĩnh vực giao thông	12		28.068.566	4.040.933	332.579,000	933,000	331.646,000	331.646,000		
1	Dự án Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến khu đô thị mới Dịch Vọng	1	03/QĐ-UBND ngày 13/01/2016; 7587/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 375/QĐ-UBND ngày 18/01/2021; 1658/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	1.337.990	200.000	10.000,000		10.000,000	10.000,000	UBND quận Cầu Giấy	1418/TB-KH&ĐT ngày 28/8/2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư	TMĐT	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt						
						Tổng	Năm 2021					Năm 2023
2	Dự án xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	1	417/QĐ-UBND ngày 29/01/2007; 801/QĐ-UBND ngày 10/02/2010; 528/QĐ-UBND ngày 29/01/2016; 5702/QĐ-UBND ngày 23/10/2018; 4356/QĐ-UBND ngày 16/8/2019; 11/QĐ-BQLCTGT ngày 06/01/2020; 3437/QĐ-UBND ngày 05/8/2020	777.430	8.908	1.558,000	908,000	650,000	650,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	1568/TB-KH&ĐT ngày 28/8/2023	
3	Dự án phát triển GTĐT Hà Nội (hợp phần Xây dựng đường Vành đai II đoạn Nhật Tân - Xuân La - Bưởi - Cầu Giấy)	1	1837/QĐ-UBND ngày 10/5/2007; 1821/QĐ-UBND ngày 22/2/2013; 826/QĐ-UBND ngày 18/02/2016;	7.438.641	10.025	605,000	25,000	580,000	580,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	1568/TB-KH&ĐT ngày 28/8/2023	
4	Xây dựng đường vành đai I (đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái)	1	8259/QĐ-UBND ngày 20/12/2005; 1905/QĐ-UBND ngày 07/5/2012; 4846/QĐ-UBND ngày 18/9/2014; 2965/QĐ-UBND ngày 09/6/2016; 1801/UBND-KH&ĐT ngày 17/4/2017; 457/QĐ-UBND ngày 23/01/2018	1.220.269	16.000	932,000		932,000	932,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	1568/TB-KH&ĐT ngày 28/8/2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư	TMĐT	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt						
						Tổng	Năm 2021	Năm 2023				
5	Dự án xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long	1	460/QĐ-UBND ngày 26/01/2011; 5719/QĐ-UBND ngày 13/10/2016; 3499/QĐ-UBND ngày 09/7/2018; 3978/QĐ-UBND ngày 24/7/2019; 3143/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 5313/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	196.312	8.000	546,000		546,000	546,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	1568/TB-KH&ĐT ngày 28/8/2023	
6	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyền (Vành đai 2,5)	1	477/HĐND-KTNS ngày 19/9/2017; 306/HĐND-KTNS ngày 08/6/2018; DA: 3974/QĐ-UBND ngày 03/8/2018; 7131/QĐ-UBND ngày 17/12/2019; 113/QĐ-BQLCTGT ngày 29/3/2021	560.282	8.000	128,000		128,000	128,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	1568/TB-KH&ĐT ngày 28/8/2023	
7	Tiểu Dự án GPMB cầu Nhật Tân và tuyến đường hai đầu cầu	1	1700/QĐ-UBND ngày 28/3/2014	1.829.956	5.000	1.935,000		1.935,000	1.935,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	1568/TB-KH&ĐT ngày 28/8/2023	
8	Dự án xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui-Cầu Đông Trù-Phường Trạch-Bắc Thăng Long)	1	1881/QĐ-UBND ngày 15/4/2005; 909/QĐ-UBND ngày 07/2/2013	6.661.757	4.000	865,000		865,000	865,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	1568/TB-KH&ĐT ngày 28/8/2023	
9	Dự án xây dựng tuyến đường 30m đầu nối khu vực dự án Diễm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tới đường Nguyễn Đức Thuận	1	294/HĐND-ĐT ngày 12/8/2016; 5990/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	120.764	2.000	2.000,000		2.000,000	2.000,000	UBND huyện Gia Lâm	1786/TB-KH&ĐT ngày 11/10/2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư	TMĐT	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt						
						Tổng	Năm 2021					Năm 2023
10	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm	1	9013/QĐ-UBND 31/10/2018; 2287/QĐ-UBND 10/5/2021; 318/QĐ- UBND 21/01/2022	380.108	53.000	350,000		350,000	350,000	UBND huyện Gia Lâm	1786/TB- KH&ĐT ngày 11/10/2023	
11	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội - giai đoạn 1	1	5757/QĐ-UBND 25/10/2018; 1322/QĐ-UBND 21/3/2019; 1742/QĐ- UBND 14/4/2021	7.210.958	3.521.000	308.844,000		308.844,000	308.844,000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1805/TB- KH&ĐT ngày 12/10/2023	
13	Dự án đầu tư xây dựng đường vào khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	1	403/HĐND-KTNS ngày 21/8/2017, 12/NQ-HĐND ngày 05/12/2018; 3954/QĐ-UBND ngày 23/7/2019; 875/QĐ-UBND ngày 22/02/2021; 1201/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	334.099	205.000	4.816,000		4.816,000	4.816,000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	2053/TB- KH&ĐT ngày 15/11/2023	

PHỤ LỤC 1.3
CẬP NHẬT, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 NGUỒN VỐN THANH TOÁN
THEO CƠ CHẾ LINH HOẠT BỐ TRÍ CHO NHIỆM VỤ LẬP THIẾT KẾ KỸ THUẬT, THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG, LẬP DỰ TOÁN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư	TMBT	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025		Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt					
						Tổng số					Năm 2023
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	13		3.006.300	2.156.600	39.070	39.070	39.070			
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1		26.815	23.000	510	510	510			
1	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và dạy học tại Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội	1	4220/QĐ-UBND ngày 07/8/2019; 03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 1562/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	26.815	23.000	510	510	510	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội	1437/TB-KH&ĐT ngày 31/8/2023	
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		789.795	630.000	3.500	3.500	3.500			
1	Nâng cấp bệnh viện Ung Bướu Hà Nội - bệnh viện mũi nhọn về chuẩn đoán và điều trị ung thư	1	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 3317/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	789.795	630.000	3.500	3.500	3.500	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1156/TB-KH&ĐT ngày 28/7/2023	
III	Lĩnh vực thể dục, thể thao	2		68.465	61.600	830	830	830			
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà tập luyện và thi đấu TDTT tại số 292 Lạc Long Quân	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 593/QĐ-SXD ngày 20/9/2023	32.211	29.000	410	410	410	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1752/TB-KH&ĐT ngày 09/10/2023	
2	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà ăn - Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	1	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 594/QĐ-SXD ngày 20/9/2023	36.254	32.600	420	420	420	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1752/TB-KH&ĐT ngày 09/10/2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư	TMĐT	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025		Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt				
						Tổng số	Năm 2023			
IV	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	7		1.968.220	1.305.000	33.510	33.510	33.510		
IV.1	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	4		694.342	390.000	12.510	12.510	12.510		
IV.1.1	Lĩnh vực đê điều	3		639.386	340.000	10.510	10.510	10.510		
1	Cải tạo, nâng cấp đê tả Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	1	3283/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	200.000	160.000	3.640	3.640	3.640	UBND quận Hà Đông	1282/TB-KH&ĐT ngày 28/7/2023
2	Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kè Thanh Am (tương ứng K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Thượng Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kè Tỉnh Quang (tương ứng K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	33.386	30.000	870	870	870	UBND quận Long Biên	1834/TB-KH&ĐT ngày 16/10/2023
3	Xử lý đảm bảo ổn định khu vực cửa sông Đuống thành phố Hà Nội - giai đoạn I	1	3360/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	406.000	150.000	6.000	6.000	6.000	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	1282/TB-KH&ĐT ngày 28/7/2023
IV.1.2	Lĩnh vực thủy lợi	1		54.956	50.000	2.000	2.000	2.000		
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	1	1018/QĐ-SNN ngày 30/5/2023	54.956	50.000	2.000	2.000	2.000	UBND huyện Sóc Sơn	1282/TB-KH&ĐT ngày 28/7/2023
IV.2	Lĩnh vực giao thông	3		1.273.878	915.000	21.000	21.000	21.000		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư	TMĐT	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Trong đó kế hoạch vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt					
						Tổng số	Năm 2023				
1	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quản Xá đến Thái Bằng, huyện Ứng Hòa	1	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 3128/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	560.706	360.000	10.000	10.000	10.000	UBND huyện Ứng Hòa	927/TB-KH&ĐT ngày 03/7/2023	
2	Xây dựng đường tỉnh 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ Quốc lộ 21B đến đê tả Đáy), huyện Ứng Hòa	1	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 3173/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	362.177	300.000	6.000	6.000	6.000	UBND huyện Ứng Hòa	927/TB-KH&ĐT ngày 03/7/2023	
3	Nâng cấp tuyến đường 429 (đoạn qua các xã Phương Dục, Hồng Minh, Phú Túc), huyện Phú Xuyên	1	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 3463/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	350.995	255.000	5.000	5.000	5.000	UBND huyện Phú Xuyên	1155/TB-KH&ĐT ngày 28/7/2023	
V	Lĩnh vực tòa án	1		117.189	105.000	270	270	270			
1	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm	1	693/HĐND-KTNS ngày 25/12/2017; 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 5059/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	117.189	105.000	270	270	270	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	1820/TB-KH&ĐT ngày 13/10/2023	
VI	Lĩnh vực kiểm sát	1		35.816	32.000	450	450	450			
1	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ	1	2849/QĐ-UBND ngày 17/5/2017; 2271/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 943/QĐ-UBND ngày 28/02/2018; 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 387/QĐ-SXD ngày 19/6/2023	35.816	32.000	450	450	450	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	998/TB-KH&ĐT ngày 11/7/2023	

1/10

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908	KHV cấp nhật bổ sung theo các thông báo				
						Năm 2022	Năm 2023							
14	Cải tạo, nâng cấp trung tâm điều khiển tín hiệu giao thông và thiết bị ngoại vi (giai đoạn I)	1	4713/QĐ-UBND 11/10/2011; 5533/QĐ-STC ngày 30/9/2022	231.569.000.000	7.603.948.645		7.603.948.645	7.603.948.645	7.603.948.645		7.603.948.645	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
15	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chi Thanh và đường Kim Mã	1	837/QĐ-UBND 05/02/2013; 5531/QĐ-STC ngày 30/9/2022	360.498.000.000	19.988.719.000		19.988.719.000	19.988.719.000	19.988.719.000		19.988.719.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
16	Xây dựng cầu Vân Quán, huyện Thanh Oai	1	1759/QĐ-UBND 24/4/2020; 7637/QĐ-STC ngày 21/12/2022	14.090.510.000	2.100.125.000		2.100.125.000	2.100.125.000	2.100.125.000		2.100.125.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
17	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Võ Chi Công	1	5787/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 4078/QĐ-STC ngày 26/7/2022	5.926.906.000	253.825.000		253.825.000	253.825.000	253.825.000		253.825.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
18	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ trên đường Võ Nguyên Giáp tại khu vực cảng hàng không quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn	1	529/QĐ-UBND ngày 28/01/2019; 7830/QĐ-STC ngày 27/12/2022	17.442.289.199	1.576.198.000		1.576.198.000	1.576.198.000	1.576.198.000		1.576.198.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
19	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Trãi (đoạn giao cắt ngã ba đường Triều Khúc, Quận Thanh Xuân)	1	4761/QĐ-UBND ngày 23/10/2020; 7829/QĐ-STC ngày 27/12/2022	3.784.444.000	658.415.000		658.415.000	658.415.000	658.415.000		658.415.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
20	Xây dựng công trình cầu Sông Lũ, quận Đống Đa	1	6126/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 7890/QĐ-STC ngày 28/12/2022	13.141.821.000	3.067.008.000		3.067.008.000	3.067.008.000	3.067.008.000		3.067.008.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
21	Kinh phí đền bù GPMB và chuẩn bị quỹ nhà ở tái định cư phục vụ Dự án xây dựng cầu Nhật Tân và đường hai đầu cầu	1	1700/QĐ-UBND ngày 28/3/2014; 7465/QĐ-STC ngày 14/12/2022	1.829.956.000.000	1.610.848.000		1.610.848.000	1.610.848.000	1.610.848.000		1.610.848.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
22	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng	1	3724/QĐ-SGTVT ngày 13/7/2022; 437/QĐ-STC ngày 18/01/2023	6.228.000.000	2.176.245.000		2.176.245.000	2.176.245.000	2.176.245.000		2.176.245.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
23	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	1	2048/QĐ-UBND ngày 19/5/2020; 453/QĐ-STC ngày 19/01/2023	82.182.969.000	4.247.686.000		4.247.686.000	4.247.686.000	4.247.686.000		4.247.686.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
24	Đầu tư xây dựng công trình cầu Tây Ninh, huyện Phúc Thọ	1	5640/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; 478/QĐ-STC ngày 19/01/2023	8.235.550.000	672.860.200		672.860.200	672.860.200	672.860.200		672.860.200	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
25	Đường Quang Trung kéo dài từ ngã 3 Ba La đến hết bến xe Yên Nghĩa, quận Hà Đông	1	5207/QĐ-UBND ngày 07/10/2009; 7704/QĐ-STC ngày 23/12/2022	306.436.271.000	102.091.000		102.091.000	102.091.000	102.091.000		102.091.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt quyết toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908	KHV cấp nhật bổ sung theo các thông báo				
						Năm 2022	Năm 2023							
26	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hóa hệ thống kênh trạm bơm Hồng Vân, thành phố Hà Nội	1	5329/QĐ-UBND ngày 28/10/2010; 5827/QĐ-STC ngày 14/10/2022	394.274.000.000	4.335.332.400		4.335.332.400	4.335.332.400	4.335.332.400	4.335.332.400	Ban QLDA ĐTXD Hà tăng kỹ thuật và Nông nghiệp Thành Phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
27	Cấp nước sạch liên xã Hợp Thanh, Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	5231/QĐ-UBND ngày 14/12/2012; 5731/QĐ-STC ngày 11/10/2022	196.070.941.000	172.461.000		172.461.000	172.461.000	172.461.000	172.461.000	Ban QLDA ĐTXD Hà tăng kỹ thuật và Nông nghiệp Thành Phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
28	Xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	1	3117/QĐ-UBND ngày 25/6/2010; 8562/QĐ-STC ngày 31/12/2021	189.000.000.000	10.284.442.228	10.130.349.228	154.093.000	154.093.000	154.093.000	154.093.000	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
29	Nâng cấp đầu mối trạm bơm Xuân Dương, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	714/QĐ-KH&ĐT ngày 30/10/2009; 2635/QĐ-STC-ĐT ngày 31/5/2013	4.872.536.000	37.500.768		37.500.768	37.500.768	37.500.768	37.500.768	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
30	Cải tạo hệ thống kênh tiêu trạm bơm Cầu Bươu, huyện Thanh Trì	1	669/QĐ-KH&ĐT 2/12/2010; 1874/QĐ-STC ngày 10/3/2014	7.181.779.000	21.919.000		21.919.000	21.919.000	21.919.000	21.919.000	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
31	Kiến cố hóa kênh tưới Vĩnh Thịnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	1	541/QĐ-KH&ĐT ngày 24/10/2012; 3432/QĐ-STC ngày 09/7/2013	8.875.946.000	25.385.206		25.385.206	25.385.206	25.385.206	25.385.206	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
32	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Đà, xã Khánh Thương, huyện Ba Vì	1	860/QĐ-SNN ngày 27/7/2021; 6849/QĐ-STC ngày 21/11/2022	7.974.820.000	910.850.000		910.850.000	910.850.000	910.850.000	910.850.000	UBND huyện Ba Vì	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
33	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K20+700 đến K20+950 và K21+200 đến K21+500 để hữu Hồng thuộc địa bàn xã Chu Minh, huyện Ba Vì	1	2050/QĐ-SNN ngày 05/11/2020; 1830/QĐ-STC ngày 04/4/2023	35.188.989.000	1.470.305.000		1.470.305.000	1.470.305.000	1.470.305.000	1.470.305.000	UBND huyện Ba Vì	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
34	Xử lý sạt lở bờ sông Đáy qua địa bàn xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	7541/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 6673/QĐ-STC ngày 14/11/2022	22.344.231.000	115.162.599		115.162.599	115.162.599	115.162.599	115.162.599	UBND huyện Chương Mỹ	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
35	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt trượt mặt đê, mái đê tại K1+900 phía thượng lưu đê tá Đáy, xã Song Phương, huyện Đan Phượng	1	707/QĐ-SNN ngày 02/02/2022; 1919/QĐ-STC ngày 10/4/2023	1.346.407.000	35.724.000		35.724.000	35.724.000	35.724.000	35.724.000	UBND huyện Đan Phượng	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
36	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	1	4147/QĐ-UBND ngày 20/9/2012; 7967/QĐ-STC ngày 30/12/2022	457.457.000.000	28.120.230.470		28.120.230.470	28.120.230.470	28.120.230.470	28.120.230.470	UBND huyện Mê Linh	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
37	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê hồ Quan Sơn - Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	5389/QĐ-UBND ngày 09/10/2018; 7221/QĐ-STC ngày 06/12/2022	49.877.735.000	4.313.526.000		4.313.526.000	4.313.526.000	4.268.010.000	45.516.000	UBND huyện Mỹ Đức	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 6774/STC-TCĐT ngày 14/11/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
38	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và kiên cố hoá kênh mương Trách Mỹ Lộc	1	3414/QĐ-UBND ngày 21/10/2021; 1908/QĐ-STC ngày 07/4/2023	58.152.571.000	4.921.317.518		4.921.317.518	4.921.317.518	4.921.317.518	4.921.317.518	UBND huyện Phúc Thọ	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	
39	Xây dựng, mở rộng trường THPT Nguyễn Du, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	1	6443/QĐ-UBND ngày 15/10/2013; 7626/QĐ-STC ngày 21/12/2022	76.372.000.000	4.912.408.000		4.912.408.000	4.912.408.000	4.912.408.000	4.912.408.000	UBND huyện Thanh Oai	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908	KHV cấp nhật bổ sung theo các thông báo				
						Năm 2022	Năm 2023							
40	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa	1	293/QĐ-KH&ĐT ngày 24/10/2012; 7226/QĐ-STC ngày 06/12/2022	18.371.000.000	976.055.635		976.055.635	976.055.635	976.055.635		976.055.635	UBND huyện Ứng Hòa	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
41	Kiến cố hóa kênh N1 (kênh A trạm bơm Văn Đình) và củng hóa kênh kết hợp phát triển giao thông nội đồng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	336/QĐ-UBND ngày 26/10/2011; 7225/QĐ-STC ngày 06/12/2022	48.794.000.000	350.557.878		350.557.878	350.557.878	350.557.878		350.557.878	UBND huyện Ứng Hòa	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
42	Cải tạo hệ thống thoát nước trên địa bàn các phường Ngọc Lâm, Gia Thụy, Bồ Đề, quận Long Biên	1	5909/QĐ-UBND ngày 20/7/2015; 7169/QĐ-STC ngày 02/12/2022	72.610.000.000	1.380.517.550		1.380.517.550	1.380.517.550	1.380.517.550		1.380.517.550	UBND quận Long Biên	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
43	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua địa bàn xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	944/QĐ-SNN ngày 11/8/2021; 7969/QĐ-STC ngày 30/12/2022	17.997.000.000	249.953.000		249.953.000	249.953.000	249.953.000		249.953.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
44	Xử lý cấp bách nâng cấp đê tả Bưởi (đoạn từ trạm bơm Trung Hoàng đến hết tràn Thanh Bình), huyện Chương Mỹ	1	493/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 1408/QĐ-STC ngày 16/3/2023	32.520.000.000	184.450.000		184.450.000	184.450.000	184.450.000		184.450.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
45	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở kè Nhan Tài, huyện Đông Anh đoạn tương ứng từ K3+600 đến K4+250 đê hữu Cà Lồ	1	1253/QĐ-SNN ngày 15/10/2021; 6859/QĐ-STC ngày 21/10/2022	15.721.000.000	817.107.000		817.107.000	817.107.000	817.107.000		817.107.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
46	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu Bưởi đoạn từ Hạng Côn đi Địa Phới, đoạn đê Cầu Thôi xã Nam Phương Tiến, đê Khúc Bàng, đê hữu Bưởi đoạn qua thôn Tiến Tiến xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ	1	2097/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 5674/QĐ-STC ngày 07/10/2022	13.771.000.000	385.252.718		385.252.718	385.252.718	385.252.718		385.252.718	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
47	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Đuống tương ứng từ K2+700 đến K3+600 thôn Đông Ngàn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	338/QĐ-SNN ngày 31/3/2021; 7229/QĐ-STC ngày 06/12/2022	41.632.481.000	246.925.000		246.925.000	246.925.000	246.925.000		246.925.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
48	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở chân đê thượng lưu đê hữu Đáy đoạn từ K5+770 đến K5+990 và đoạn từ K6+020 đến K6+310, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	1013/QĐ-SNN ngày 06/9/2021; 6206/QĐ-STC ngày 27/10/2022	3.820.964.000	115.333.000		115.333.000	115.333.000	115.333.000		115.333.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
49	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Đáy đoạn qua địa bàn thôn Thanh Giang, xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai tương ứng từ K29+600 đến K30+200 đê tả Đáy	1	863/QĐ-SNN ngày 27/7/2021; 7968/QĐ-STC ngày 30/12/2022	13.817.300.000	1.636.417.000		1.636.417.000	1.636.417.000	1.636.417.000		1.636.417.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
50	Xây dựng mở rộng Trường cao đẳng sư phạm Hà Tây giai đoạn I	1	6517/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 275/QĐ-STC ngày 14/01/2021	457.144.000.000	535.861.000		535.861.000	535.861.000	535.861.000		535.861.000	Trường Cao Đẳng sư phạm Hà Tây	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
51	Xây dựng tuyến đường từ Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thạch Bàn (đoạn từ đường Thạch Bàn đi khu đô thị mới Thạch Bàn)	1	4393/QĐ-UBND ngày 19/3/2008; 5539/QĐ-STC ngày 30/9/2022	618.752.000.000	8.738.161.015		8.738.161.015	8.738.161.015	8.738.161.015		8.738.161.015	UBND quận Long Biên	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
52	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà Văn hóa phục vụ Sea games 31 và Para games 11 năm 2021	1	3475/QĐ-UBND ngày 07/8/2020; 6789/QĐ-STC ngày 17/11/2022	26.627.000.000	432.919.800		432.919.800	432.919.800	428.119.800	4.800.000	432.919.800	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán	TMBT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908	KHV cấp nhật bổ sung theo các thông báo				
						Năm 2022	Năm 2023							
53	Cải tạo, nâng cấp công trình Sân diên kinh ngoài trời và hạ tầng kỹ thuật khuôn viên Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội phục vụ SEA Games 31 và Para Games 11 năm 2021	1	2990/QĐ-UBND ngày 06/7/2020; 653/QĐ-STC ngày 08/02/2023	101.589.281.000	4.396.355.700		4.396.355.700	4.396.355.700	4.391.814.700	4.541.000	4.396.355.700	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 6299/STC-TCĐT ngày 25/10/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
54	Kiến cổ kênh tiêu chính Tháp Cầu tram bom Hà Đức, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	3315/QĐ-UBND ngày 13/7/2011; 6867/QĐ-STC ngày 21/11/2022	129.114.966.678	652.108.022		652.108.022	652.108.022	634.249.340	17.858.682	652.108.022	Ban QLDA ĐTXD Hà tăng kỹ thuật và Nông nghiệp Thành Phố	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
55	Cải tạo, nâng cấp tuyến đé hữu Dáy tuyến đường tỉnh 421A từ Liên Hiệp Quốc Oai - Yên Sơn - Thị trấn (tỉnh lộ 419) đi Tân Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	7590/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1708/QĐ-STC ngày 30/3/2023	69.963.000.000	685.855.360		685.855.360	685.855.360	673.902.360	11.953.000	685.855.360	UBND huyện Quốc Oai	3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023	Thông nhất chuẩn xác đơn vị tính là đồng đối với KHV trung hạn và KHV năm 2023
56	Xây dựng trụ sở làm việc Đán Công an Đông Mô, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	4908/QĐ-UBND ngày 02/11/2020; 4804/QĐ-STC ngày 18/8/2023	7.508.000.000	404.302.200		404.302.200	404.302.200		404.302.200	404.302.200	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023	
57	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư TĐC khu Kim Liên, Định Công, Đại Kim, Bắc Linh Đàm, Giáp Bát, khu 7,2 hạ Vĩnh Phúc - giai đoạn I (37 vị trí gồm 40 đơn nguyên và 03 trạm bơm)	1	6011/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5608/QĐ-STC ngày 28/9/2023	29.358.490.000	2.014.984.216		2.014.984.216	2.014.984.216		2.014.984.216	2.014.984.216	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6299/STC-TCĐT ngày 25/10/2023	
58	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tại định cư Đền Lũ, Hoàng Văn Thu, Đồng Tàu, Pháp Vân Từ Hiệp, Vĩnh Tuy, Sài Đồng, Minh Khai, Sóng Hoàng, Đại Kim, Bắc Đại Kim mở rộng, Lô OCT1 Bắc Linh Đàm mở rộng - Giai đoạn I (32 vị trí)	1	6012/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5558/QĐ-STC ngày 26/9/2023	61.012.787.000	2.678.150.000		2.678.150.000	2.678.150.000		2.678.150.000	2.678.150.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6299/STC-TCĐT ngày 25/10/2023	
59	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện, thiết bị và phương tiện hệ thống PCCC đã được trang bị, lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tại định cư (Khu Xuân La, Xuân Đình, Nghĩa Đô, Phú Thượng, Mễ Trì Hạ, Lê Đức Thọ, Cầu Diễn và Khu Thành phố giao lưu) - Giai đoạn I (23 vị trí)	1	5971/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5556/QĐ-STC ngày 25/9/2023	14.919.412.000	3.263.599.500		3.263.599.500	3.263.599.500		3.263.599.500	3.263.599.500	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6299/STC-TCĐT ngày 25/10/2023	
60	Nâng cấp bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	5102/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; 4803/QĐ-STC ngày 18/8/2023	39.559.000.000	2.190.142.000		2.190.142.000	2.190.142.000		2.190.142.000	2.190.142.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6299/STC-TCĐT ngày 25/10/2023	
61	Đầu tư xây dựng công trình cầu nổi KDT Pháp Vân với KDT mới Từ Hiệp, huyện Thanh Trì	1	1192/QĐ-GTVT ngày 26/10/2011; 5348/QĐ-STC ngày 07/8/2018	33.653.876.000	127.296.000		127.296.000	127.296.000		127.296.000	127.296.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023	
62	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ gần nút giao Nguyễn Hữu Thọ - Linh Đường, quận Hoàng Mai	1	6083/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2766/QĐ-STC ngày 25/5/2022	2.088.509.000	204.762.000	203.178.000	1.584.000	1.584.000		1.584.000	1.584.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bổ tri KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bổ tri kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908	KHV cấp nhật bổ sung theo các thông báo				
						Năm 2022	Năm 2023							
63	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1	6123/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2764/QĐ-STC ngày 25/5/2022	5.144.041.000	1.003.506.800	998.229.800	5.277.000	5.277.000		5.277.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023		
64	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh 429B (Cầu Lảo - Ba Thà) đoạn Km0-Km8+469	1	1443/QĐ-UBND ngày 23/3/2011; 5025/QĐ-STC-ĐT ngày 09/10/2015	59.568.000.000	372.452.000		372.452.000	372.452.000		372.452.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023		
65	Đầu tư xây dựng công trình cầu Kim Quan 1, huyện Thạch Thất	1	861/QĐ-SGTVT ngày 06/6/2019; 4147/QĐ-STC ngày 14/7/2023	12.381.206.618	1.502.432.368		1.502.432.368	1.502.432.368		1.502.432.368	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023		
66	Xây dựng cầu vượt tại nút giao Ô Đống Mác - Nguyễn Khoái (giao giữa đường vành đai 1 với đường Lò Đức, đường Kim Ngưu)	1	2606/QĐ-UBND ngày 25/5/2016; 2689/QĐ-STC ngày 24/5/2019	105.214.348.000	365.260.000		365.260.000	365.260.000		365.260.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	6299/STC-TCĐT ngày 25/10/2023		
67	Đầu tư xây dựng công trình cầu Yên Trính, huyện Chương Mỹ	1	1195/QĐ-UBND ngày 26/10/2011; 5304/QĐ-STC ngày 12/9/2023	25.415.255.547	1.068.834.000		1.068.834.000	1.068.834.000		1.068.834.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	6299/STC-TCĐT ngày 25/10/2023		
68	Đầu tư xây dựng công trình cầu Hồng Phú thuộc địa bàn huyện Thanh Oai và huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	1	1287/QĐ-SGTVT ngày 29/9/2017; 5473/QĐ-STC ngày 20/9/2023	44.508.010.000	3.077.668.000		3.077.668.000	3.077.668.000		3.077.668.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	6299/STC-TCĐT ngày 25/10/2023		
69	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tại vị trí K24+00 - K24+800, xã Đông Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	1614/QĐ-UBND ngày 12/7/2019; 3765/QĐ-STC ngày 30/6/2023	56.278.317.000	510.457.000		510.457.000	510.457.000		510.457.000	UBND huyện Ba Vì	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023		
70	Xây dựng vùng sản xuất rau toàn khu đất bãi xã Hát Môn	1	4305/QĐ-UBND ngày 15/7/2013; 3343/QĐ-STC ngày 03/6/2021	56.321.411.000	98.011.000		98.011.000	98.011.000		98.011.000	UBND huyện Phúc Thọ	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023		
71	Xử lý cấp bách sạt lở mái đê tả Cà Lồ từ K1+800 đến K2+050 thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	861/QĐ-SNN ngày 27/7/2021; 6696/QĐ-STC ngày 15/11/2022	9.425.588.000	887.039.000	715.943.000	171.096.000	171.096.000		171.096.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023		
72	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K52+500 đến K52+800 thuộc địa bàn phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1	2365/QĐ-SNN ngày 24/12/2020; 3718/QĐ-STC ngày 28/6/2023	31.000.000.000	116.683.395		116.683.395	116.683.395		116.683.395	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5266/STC-TCĐT ngày 11/9/2023		
73	Xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Sài Đồng, quận Long Biên thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	2207/QĐ-UBND ngày 18/5/2021; 2735/QĐ-STC ngày 18/5/2023	8.037.700.000	785.402.000		785.402.000	785.402.000		785.402.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3678/STC-TCĐT ngày 27/6/2023		
74	Xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	7248/QĐ-UBND ngày 24/12/2019; 2736/QĐ-STC ngày 18/5/2023	7.683.700.000	437.743.000		437.743.000	437.743.000		437.743.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	3678/STC-TCĐT ngày 27/6/2023		
75	Xây dựng cầu Tiên, huyện Mê Linh	1	3874/QĐ-UBND ngày 15/7/2019; 2529/QĐ-STC ngày 08/5/2023	8.157.352.000	331.174.000		331.174.000	331.174.000		331.174.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3678/STC-TCĐT ngày 27/6/2023		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908	KHV cập nhật bổ sung theo các thông báo				
						Năm 2022	Năm 2023							
76	Đầu tư xây dựng công trình cầu Hòa Viên, lý trình Km43+177 đường tỉnh 419 (ĐT80 cũ) thuộc địa bàn huyện Chương Mỹ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	1839/QĐ-SGTVT ngày 28/8/2013; 2944/QĐ-STC ngày 26/5/2023	54.290.498.000	2.590.574.675		2.590.574.675	2.590.574.675		2.590.574.675	2.590.574.675	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3678/STC-TCĐT ngày 27/6/2023	
77	Xây dựng Cầu Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai và huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	1	7607/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 3005/QĐ-STC ngày 07/6/2022	43.584.123.000	1.775.264.000	1.770.384.000	4.880.000	4.880.000		4.880.000	4.880.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	3678/STC-TCĐT ngày 27/6/2023	
78	Hạng mục công trình độc lập hoàn thành cầu Đền Lừ và các hạng mục liên quan (gọi thầu số 2 thi công hạng mục cầu Đền Lừ; gọi thầu số 4 tư vấn giám sát hạng mục cầu Đền Lừ; gọi thầu di chuyển hệ thống cáp ngầm; gọi thầu tháo dỡ, di chuyển cột đèn giao thông; gọi thầu giám sát, di chuyển hệ thống cáp ngầm) thuộc Dự án: Xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 phía Bắc khu công nghiệp Vĩnh Tuy	1	1513/QĐ-UBND ngày 28/3/2018; 4199/QĐ-STC ngày 29/7/2022	152.485.000.000	153.586.354		153.586.354	153.586.354		153.586.354	153.586.354	UBND quận Hoàng Mai	3678/STC-TCĐT ngày 27/6/2023	
79	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị PC&CC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố Hà Nội	1	6237/QĐ-UBND ngày 08/11/2019; 4010/QĐ-STC ngày 10/7/2023	424.987.338.000	41.067.566.000		41.067.566.000	41.067.566.000		41.067.566.000	41.067.566.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	4166/STC-TCĐT ngày 17/7/2023; 4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023	
80	Cải tạo mở rộng theo quy hoạch phố Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân	1	707/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; 3043/QĐ-STC ngày 31/5/2023	366.234.903.058	6.702.028.000		6.702.028.000	6.702.028.000		6.702.028.000	6.702.028.000	UBND quận Thanh Xuân	4166/STC-TCĐT ngày 17/7/2023	
81	Xây dựng trụ sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy số 7 (Thanh Trì) thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	5388/QĐ-UBND ngày 09/10/2018; 4092/QĐ-STC ngày 13/7/2023	52.548.000.000	349.615.500		349.615.500	349.615.500		349.615.500	349.615.500	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023	
82	Xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Trung Sơn Trám, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	718/QĐ-UBND ngày 09/02/2021; 3808/QĐ-STC ngày 30/6/2023	6.328.000.000	343.447.000		343.447.000	343.447.000		343.447.000	343.447.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023	
83	Đầu tư xây dựng công trình cầu Hà Dục thuộc xã Đông Phú, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	243/QĐ-BQLCTGT ngày 02/6/2021; 3817/QĐ-STC ngày 30/6/2023	68.952.000.000	3.789.271.000		3.789.271.000	3.789.271.000		3.789.271.000	3.789.271.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023	
84	Đầu tư xây dựng cầu Gốm thuộc xã Quảng Bị, xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ	1	1198/QĐ-SGTVT ngày 26/10/2011; 3809/QĐ-STC ngày 30/6/2023	36.316.000.000	5.051.092.300		5.051.092.300	5.051.092.300		5.051.092.300	5.051.092.300	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023	
85	Xây dựng tuyến đường gom phía Nam khu công nghiệp Phú Nghĩa ra Quốc lộ 6 (đoạn qua điểm khu công nghiệp Tiến Phương và điểm khu công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	1	1172/QĐ-SGTVT ngày 31/3/2018; 2994/QĐ-STC ngày 30/5/2023	32.236.645.000	1.137.801.459		1.137.801.459	1.137.801.459		1.137.801.459	1.137.801.459	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023	
86	Nâng cấp toàn bộ mặt đê sông Nhuệ trên địa bàn huyện Phú Xuyên (gồm các đoạn: bờ tả đoạn từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân, bờ hữu từ cầu Tân Dân đến cầu Cổng Thần và hai bờ sông Nhuệ từ cầu Cổng Thần đến cầu Thông Nhất và chống sạt lở bờ sông Văn Đình, xã Hồng Minh)	1	3294/QĐ-UBND ngày 19/6/2019; 476/QĐ-STC ngày 19/01/2023	115.056.967.000	2.497.511.359		2.497.511.359	2.497.511.359		2.497.511.359	2.497.511.359	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và Nông nghiệp Thành Phố	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023	

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908	KHV cập nhật bổ sung theo các thông báo				
						Năm 2022	Năm 2023							
87	Xây dựng mới Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi, huyện Chương Mỹ	1	5013/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 3332/QĐ-STC ngày 13/6/2023	183.866.000.000	19.886.832.450		19.886.832.450	19.886.832.450		19.886.832.450	UBND huyện Chương Mỹ	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023		
88	Xây dựng Trường mầm non trong Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	2473/QĐ-UBND ngày 13/3/2020; 2930/QĐ-STC ngày 26/5/2023	13.813.542.800	749.960.115		749.960.115	749.960.115		749.960.115	UBND huyện Chương Mỹ	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023		
89	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Hàm Lợn xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	1	1273/QĐ-UBND ngày 29/3/2017; 3811/QĐ-STC ngày 30/6/2023	46.297.535.000	623.097.854		623.097.854	623.097.854		623.097.854	UBND huyện Sóc Sơn	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023		
90	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 đoạn từ Km 0+600 đến Km 4+842, huyện Thạch Thất	1	4435/QĐ-UBND ngày 02/9/2011; 3764/QĐ-STC ngày 30/6/2023	110.230.000.000	626.282.000		626.282.000	626.282.000		626.282.000	UBND huyện Thạch Thất	4828/STC-TCĐT ngày 18/8/2023		
91	Xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội	1	5462/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 6710/QĐ-STC ngày 13/11/2023	335.907.000.000	31.397.241.000		31.397.241.000	31.397.241.000		31.397.241.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
92	Đầu tư xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa đường Cổ Linh và đường đầu cầu Vĩnh Tuy để hạn chế ùn tắc giao thông	1	3697/QĐ-UBND ngày 20/6/2017; 3803/QĐ-STC ngày 30/6/2023	118.917.922.000	3.862.293.000		3.862.293.000	3.862.293.000		3.862.293.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
93	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (giai đoạn 1)	1	6050/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 6354/QĐ-STC ngày 27/10/2023	43.698.000.000	1.880.869.000		1.880.869.000	1.880.869.000		1.880.869.000	Ban QLDA ĐTXD hạ tầng kỹ thuật và Nông nghiệp Thành Phố	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
94	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đất hữu Bài đoạn từ Tiến Tiến di Yên Trinh, huyện Chương Mỹ	1	2047/QĐ-SNN ngày 29/10/2019; 5702/QĐ-STC ngày 02/10/2023	13.000.000.000	575.620.600		575.620.600	575.620.600		575.620.600	UBND huyện Chương Mỹ	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
95	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đất hữu Bài đoạn qua thôn Công An, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ	1	657/QĐ-SNN ngày 13/5/2020; 5627/QĐ-STC ngày 28/9/2023	9.023.727.000	407.311.000		407.311.000	407.311.000		407.311.000	UBND huyện Chương Mỹ	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
96	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đất hữu Bài đoạn từ cầu Zét di Hữu Văn (Xóm Đồng Đầu) xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ	1	497/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 5628/QĐ-STC ngày 28/9/2023	3.204.648.000	247.123.000		247.123.000	247.123.000		247.123.000	UBND huyện Chương Mỹ	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
97	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy, đoạn từ thôn Phú Yên, xã Phúc Lâm đến thôn Vĩnh Xương, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	7578/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 7702/QĐ-STC ngày 23/12/2022	16.917.420.000	807.716.000		807.716.000	807.716.000		807.716.000	UBND huyện Mỹ Đức	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
98	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đất bao Liệp Mai và đất hữu Tích xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	2048/QĐ-SNN ngày 29/10/2019; 5280/QĐ-STC ngày 12/9/2023	19.500.000.000	48.596.000		48.596.000	48.596.000		48.596.000	UBND huyện Quốc Oai	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
99	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đất hữu Tích, đoạn đê Khoang Ông, Đông Ma, xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	2033/QĐ-SNN ngày 29/10/2019; 5488/QĐ-STC ngày 21/9/2023	21.303.000.000	98.905.000		98.905.000	98.905.000		98.905.000	UBND huyện Quốc Oai	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
100	Xây dựng mở rộng Trung tâm giáo dục Quốc phòng - An ninh thành phố Hà Nội	1	902/QĐ-BQP ngày 14/3/2016; 2395/QĐ-BQP ngày 04/8/2020	205.000.000.000	895.588.600		895.588.600	895.588.600		895.588.600	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		
101	Doanh trại Tiểu đoàn Trinh sát 20/BTL Thủ đô Hà Nội - giai đoạn 2	1	3818/QĐ-BQP ngày 16/9/2016; 3364/QĐ-BQP ngày 02/9/2022	75.000.000.000	647.426.000		647.426.000	647.426.000		647.426.000	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	6747/STC-TCĐT ngày 14/11/2023		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt quyết toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt		KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908					KHV cấp nhật bổ sung theo các thông báo
						Năm 2022	Năm 2023							
102	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua địa phận các xã Phú Nam An, Hòa Chính, huyện Chương Mỹ	1	939/QĐ-SNN ngày 11/8/2021; 5278/QĐ-STC ngày 12/9/2023	74.800.000.000	232.983.000		232.983.000	232.983.000		232.983.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6747/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
103	Xử lý cấp bách chống sạt lở khu vực kè Khê Thương tương ứng từ K4+100 đến K4+700 để hữu Đà, khu vực trạm bơm Đồng Tiến với chiều dài khoảng 500m và đoạn từ cuối thôn Liên Bu với chiều dài khoảng 450m về phía cầu Đồng Quang thuộc bờ hữu sông Đà, huyện Ba Vì	1	124/QĐ-SNN ngày 04/02/2021; 5873/QĐ-STC ngày 09/10/2023	56.801.179.000	774.362.000		774.362.000	774.362.000		774.362.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6747/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
104	Xử lý cấp bách chống sạt lở kè Linh Chiếu tương ứng từ K32+600 đến K32+850 để hữu Hồng, xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ	1	1012/QĐ-SNN ngày 06/9/2021; 5279/QĐ-STC ngày 12/9/2023	17.542.498.064	531.459.000		531.459.000	531.459.000		531.459.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6747/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
105	Xử lý cấp bách chống sạt lở để tá sông Bùi đoạn qua địa phận các xã Tốt Động, Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	1	2063/QĐ-SNN ngày 06/11/2020; 4815/QĐ-STC ngày 18/8/2023	57.250.531.000	99.708.000		99.708.000	99.708.000		99.708.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6747/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
106	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm	1	2892/QĐ-UBND ngày 02/7/2020; 6745/QĐ-STC ngày 14/11/2023	35.268.621.000	3.335.449.600		3.335.449.600	3.335.449.600		3.335.449.600	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
107	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện phụ sản Hà Nội - Giai đoạn II	1	5085/QĐ-UBND ngày 30/10/2011; 6753/QĐ-STC ngày 14/11/2023	324.279.000.000	8.067.610.000		8.067.610.000	8.067.610.000		8.067.610.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
108	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	3945/QĐ-UBND ngày 04/8/2009; 6749/QĐ-STC ngày 14/11/2023	345.870.000.000	11.323.172.600		11.323.172.600	11.323.172.600		11.323.172.600	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
109	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Thanh Oai thuộc Công an Thành phố Hà Nội	1	5753/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 6746/QĐ-STC ngày 14/11/2023	53.397.977.000	2.153.828.351		2.153.828.351	2.153.828.351		2.153.828.351	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
110	Cầu vượt cho người đi bộ qua đường 2.5 tại khu vực cho đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai	1	4271/QĐ-UBND ngày 27/9/2021; 6600/QĐ-STC ngày 08/11/2023	4.863.273.000	97.654.000		97.654.000	97.654.000		97.654.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
111	Cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Hoàng, quận Nam Từ Liêm	1	4270/QĐ-UBND ngày 27/9/2021; 6743/QĐ-STC ngày 14/11/2023	4.374.205.000	677.757.000		677.757.000	677.757.000		677.757.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
112	Xây dựng đường Vành đai 1 Ở Đống Mác	1	457/QĐ-UBND ngày 23/01/2018; 6229/QĐ-STC ngày 23/10/2023	1.220.269.000.000	9.703.548.026		9.703.548.026	9.703.548.026		9.703.548.026	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
113	Xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1, Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	1	4956/QĐ-UBND ngày 26/10/2011; 6750/QĐ-STC ngày 14/11/2023	618.760.731.000	15.460.215.711		15.460.215.711	15.460.215.711		15.460.215.711	Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		
114	Cải tạo, nâng cấp Trường Trung học phổ thông Mê Linh, huyện Mê Linh	1	6110/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 6744/QĐ-STC ngày 14/11/2023	89.050.458.000	4.515.500.730		4.515.500.730	4.515.500.730		4.515.500.730	UBND huyện Mê Linh	6774/STC-TCBT ngày 14/11/2023		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Chủ trương/ Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt quyết toán	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 nguồn vốn thanh toán theo cơ chế linh hoạt			KHV thanh toán linh hoạt năm 2023			Đề xuất bố trí KHV năm 2023	Chủ đầu tư	Thông báo/Quyết định bố trí kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	KHV đã phê duyệt tại QĐ số 3908	KHV cấp nhật bổ sung theo các thông báo				
						Năm 2022	Năm 2023							
115	Xử lý cấp bách sự cố cống Cầu Dặm, xã Hóp Tiến, huyện Mỹ Đức	1	1995/QĐ-SNN ngày 24/10/2019; 7703/QĐ-STC ngày 23/12/2022	3.156.745.000	17.607.000		17.607.000	17.607.000		17.607.000	UBND huyện Mỹ Đức	6774/STC-TCBDT ngày 14/11/2023		
116	Cải tạo, nâng cấp và củng cố bờ kênh kết hợp giao thông kênh tưới Đồi Trám, kênh tiêu N4b	1	140/QĐ-KH&ĐT ngày 25/5/2011; 6760/QĐ-STC ngày 14/11/2023	34.443.969.000	2.765.959.000		2.765.959.000	2.765.959.000		2.765.959.000	UBND huyện Mỹ Đức	6774/STC-TCBDT ngày 14/11/2023		
117	Xây dựng, mở rộng trường THPT Thạch Thất	1	7503/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 6751/QĐ-STC ngày 14/11/2023	65.000.000.000	3.421.818.000		3.421.818.000	3.421.818.000		3.421.818.000	UBND huyện Thạch Thất	6774/STC-TCBDT ngày 14/11/2023		
118	Xây dựng trường THPT Minh Hà, huyện Thạch Thất	1	5929/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 6752/QĐ-STC ngày 14/11/2023	75.545.000.000	238.277.000		238.277.000	238.277.000		238.277.000	UBND huyện Thạch Thất	6774/STC-TCBDT ngày 14/11/2023		
119	Xây dựng tuyến đường Thạch Bàn từ đê sông Hồng đến đường Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên	1	4823/QĐ-UBND ngày 17/10/2011, 9143/QĐ-STC ngày 28/12/2018	282.464.000.000	316.427.000		316.427.000	316.427.000		316.427.000	UBND quận Long Biên	6774/STC-TCBDT ngày 14/11/2023		
120	Xây dựng trường THPT Xuân Phương	1	5794/QĐ-UBND ngày 30/8/2015; 6748/QĐ-STC ngày 14/11/2023	122.357.645.000	5.370.860.331		5.370.860.331	5.370.860.331		5.370.860.331	UBND quận Nam Từ Liêm	6774/STC-TCBDT ngày 14/11/2023		
121	Đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội	1	1138/QĐ-UBND ngày 12/3/2019; 3457/QĐ-STC ngày 16/6/2023	150.226.141.000	73.320.000		73.320.000	73.320.000		73.320.000	Sở Công thương	6774/STC-TCBDT ngày 14/11/2023		

Phụ lục 2
PHƯƠNG ÁN CƠ CẤU NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
CỦA MỘT SỐ NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nhiệm vụ, dự án	Phương án đã báo cáo HĐND TP	Phương án cơ cấu lại	Ghi chú
1	2	3	4	5
*	TỔNG CỘNG	6.965.550	6.965.550	
I	Các nhiệm vụ/dự án đã được phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 nguồn NSTP	2.765.550	2.765.550	
1	Hoàn trả cho Quỹ đầu tư phát triển Thành phố	500.000	500.000	
a	Bổ trí kế hoạch vốn cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB thực hiện Dự án Vành đai 4 để hoàn trả vốn đã ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện dự án		144.800	Phụ lục 2.2
b	Hoàn trả cho các dự án khác đã ứng vốn qua Quỹ đầu tư phát triển		355.200	
2	Nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó:	2.265.550		
a	Thực hiện giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt	504.060	504.060	
b	Kinh phí còn lại dự kiến sẽ bổ trí cho các dự án được giao nhiệm vụ GPMB thực hiện Dự án Vành đai 4	1.761.490		
3	Hỗ trợ 02 trụ sở của Bộ Công an		587.143	Theo đề xuất của Bộ Công an
4	Hỗ trợ 04 địa phương bạn: Kon Tum; Tuyên Quang; Kiên Giang; Bến Tre		230.000	
5	Phân bổ kế hoạch năm 2023 cho các đơn vị thực hiện Dự án thành phần 1.1 của Dự án Vành đai 4 từ nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất còn lại sau khi đã phân bổ hỗ trợ 02 trụ sở của Bộ Công an và hỗ trợ các địa phương		944.347	
II	Các nhiệm vụ, dự án dự kiến phân bổ từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022	4.200.000	4.200.000	
1	Hoàn trả ngân sách các quận đã ứng thực hiện các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố	722.000	346.766	Phụ lục 2.1
2	Bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm	300.000	300.000	
3	Hỗ trợ các huyện xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự cấp xã	40.800	39.700	
4	Bổ trí kế hoạch vốn cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB thực hiện Dự án Vành đai 4 để hoàn trả vốn đã ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện dự án	1.022.200	2.604.771	Phụ lục 2.2
5	Hỗ trợ thực hiện giải phóng mặt bằng cho 02 trụ sở của Bộ Công an	1.885.000		Phân bổ từ nguồn NSTP tại mục I.3; I.4
6	Hỗ trợ 04 địa phương bạn: Kon Tum; Tuyên Quang; Kiên Giang; Bến Tre	230.000		
7	Phân bổ kế hoạch năm 2023 cho các đơn vị thực hiện Dự án thành phần 1.1 của Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội		908.763	
*	Tóm lại, sau cơ cấu lại nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nêu trên:			
-	Bổ trí kế hoạch vốn cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB thực hiện Dự án Vành đai 4 để hoàn trả vốn đã ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện dự án		2.749.571	Phụ lục 2.2
+	Hoàn trả cho Quỹ đầu tư phát triển Thành phố (mục I.1.a)		144.800	
+	Hoàn trả từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 (4.200 tỷ đồng) gồm các mục II.4)		2.604.771	
-	Phân bổ kế hoạch năm 2023 cho các đơn vị thực hiện Dự án thành phần 1.1 của Dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội		1.853.110	Phụ lục 2.3
+	Nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt đã dự nguồn cho Dự án (Mục 1.5)		944.347	
+	Nguồn tăng thu NSTW năm 2022 (4.200 tỷ đồng) (Mục II.7)		908.763	

Phụ lục 2.1

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 TỪ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐÃ ỨNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NHIỆM VỤ CHI CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		KHHV ngân sách cấp huyện đã ứng đến nay	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến nay	Tổng vốn NSTP đã hoàn trả nay	Tổng số vốn NSTP chưa hoàn trả	KHHV hoàn trả năm 2023		Cập nhật KHHV 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	TMDT					Tổng số	Trong đó nguồn tăng thu NSTW năm 2022			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG	2				1.420.823	872.414	863.165	516.399	346.766	346.766	346.766	436.417		
1	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ tới đề Tà ngan sông Hồng	1	Long Biên	2014-2017	6431/QĐ-UBND 25/10/2013	985.534	680.543	677.912	516.399	161.513	161.513	161.513	251.164	UBND quận Long Biên	- Cơ chế theo Văn bản số 9954/UBND-KH&ĐT ngày 27/12/2013: Ứng trước NS quận để triển khai DA theo tiến độ và hoàn trả NS quận sau khi có nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất của 2 DA xây dựng HTKT khu đất để đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Thạch Bàn, phường Long Biên. Quận đã tổ chức đấu giá và thu tiền sử dụng đất. - Thành phố đã bố trí hoàn trả một phần tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND từ nguồn NSTP là 89.651 tỷ đồng
2	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Long Biên	1	Long Biên	2014-2024	744/QĐ-UBND 24/4/2014; 1753/UBND-KH&ĐT 13/3/2014	435.289	191.871	185.253		185.253	185.253	185.253	185.253	UBND quận Long Biên	- Cơ chế theo Văn bản số 9954/UBND-KH&ĐT ngày 27/12/2013: Ứng trước ngân sách quận để triển khai dự án theo tiến độ và hoàn trả ngân sách quận sau khi có nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất của 2 dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất để đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Thạch Bàn và phường Long Biên. -Ngày 28/9/2023, UBND quận Long Biên đã thực hiện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại ô đất TT5A-2 thuộc ô quy hoạch TT5 của dự án. Đến ngày 01/12/2023, đã thu và nộp vào ngân sách là 288 tỷ đồng và đã được kho bạc nhà nước Long Biên hạch toán điều tiết 100% ngân sách Thành phố.

Phụ lục 2.2

BỘ TRÍ VỐN CHO CÁC QUẬN, HUYỆN ĐỂ HOÀN TRẢ VỐN ỨNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT
ỦY THÁC QUA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 4 - VÙNG THỦ ĐÔ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định DA		Kết quả giải ngân vốn ứng qua Quỹ ĐTP.T Thành phố đến nay			Bố trí kế hoạch vốn để hoàn trả Quỹ ĐTP.T			Chủ đầu tư/Thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng/	Ghi chú	
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
							Năm 2022	Năm 2023		Nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	TỔNG CỘNG													
1	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB triển khai Dự án đường VD4	Hà Đông, Sóc Sơn, Mê Linh, Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Oai, Thường Tín	2023-2026	NQ 56/2022/QH15 16/6/2022; QĐ 1012/QĐ-UBND 16/02/2023; 2747/QĐ-UBND 05/8/2022	13.362.000	2.749.571,605814	1.549.900,540	1.199.671,066	2.749.571,0	2.604.771,0	144.800,0			
1.1	Quận Hà Đông	Hà Đông				428.027,083713	2.274.999	425.752,085	428.027,0	400.000,0	28.027,0	UBND Quận Hà Đông		
1.2	Huyện Sóc Sơn	Sóc Sơn				196.749,412085	100.000,000	96.749,412	196.749,4	187.749,4	9.000,0	UBND huyện Sóc Sơn		
1.3	Huyện Mê Linh	Mê Linh				390.547,745963	249.918,730	140.629,016	390.547,7	381.221,2	9.326,5	UBND huyện Mê Linh		
1.4	Huyện Đan Phượng	Đan Phượng				255.264,969214	187.455,722	67.809,247	255.264,9	164.744,9	90.520,0	UBND huyện Đan Phượng		
1.5	Huyện Hoài Đức	Hoài Đức				921.055,640812	539.690,000	381.365,641	921.055,5	921.055,5		UBND huyện Hoài Đức		
1.6	Huyện Thanh Oai	Thanh Oai				203.054,514221	170.561,088	32.493,426	203.054,5	200.000,0	3.054,5	UBND huyện Thanh Oai		
1.7	Huyện Thường Tín	Thường Tín				354.872,239806	300.000,000	54.872,240	354.872,0	350.000,0	4.872,0	UBND huyện Thường Tín		

Phụ lục 2.3

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 CHO CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN THÀNH PHẦN 1.1
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 4 - VÙNG THỦ ĐÔ**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định đầu tư dự án		KHV trung hạn 2021-2025	KHV năm 2023 phân bổ	Phân bổ KHV năm 2023 tại T12/2023			KHV năm 2023 sau phân bổ T12/2023	Chủ đầu tư/Thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	TMBT			Tổng số	Trong đó				
										NSTP	Nguồn tăng thu NSTW năm 2022			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			11	12	13
	TỔNG CỘNG						13.362.000	5.068.600	1.853.110	944.347	908.763	6.921.710		
1	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB triển khai Dự án đường VD4		Hà Đông, Sóc Sơn, Mê Linh, Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Oai, Thường Tín	2023-2026	NQ 56/2022/QH15 16/6/2022; QĐ 1012/QĐ-UBND 16/02/2023; 2747/QĐ-UBND 05/8/2022	13.362.000	13.362.000	5.068.600	1.853.110	944.347	908.763	6.921.710		
1.1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông		Hà Đông, Sóc Sơn, Mê Linh, Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Oai, Thường Tín					70.000	300.000	100.000	200.000	370.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố	
1.2	Quận Hà Đông		Hà Đông					491.600	215.000	115.000	100.000	706.600	UBND Quận Hà Đông	
1.3	Huyện Sóc Sơn		Sóc Sơn					80.000				80.000	UBND huyện Sóc Sơn	
1.4	Huyện Mê Linh		Mê Linh					1.050.000	415.000	215.000	200.000	1.465.000	UBND huyện Mê Linh	
1.5	Huyện Đan Phượng		Đan Phượng					433.000	115.000	15.000	100.000	548.000	UBND huyện Đan Phượng	
1.6	Huyện Hoài Đức		Hoài Đức					1.260.000	115.000	65.000	50.000	1.375.000	UBND huyện Hoài Đức	
1.7	Huyện Thanh Oai		Thanh Oai					774.000	278.110	169.347	108.763	1.052.110	UBND huyện Thanh Oai	
1.8	Huyện Thường Tín		Thường Tín					910.000	415.000	265.000	150.000	1.325.000	UBND huyện Thường Tín	

Phụ lục 3
CẬP NHẬT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023 sau cơ cấu	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	36.485.369	Tăng 4.200 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
I	Bố trí vốn thu hồi ứng trước, thanh quyết toán, nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư và các nhiệm vụ đầu tư phát triển khác...	5.912.554	
1	Bố trí thu hồi các khoản ứng trước NSTW đến hết Kế hoạch năm 2022 chưa bố trí nguồn để thu hồi	186.857	
2	Hoàn trả cho Quỹ đầu tư phát triển Thành phố	3.104.771	Tăng 2.604,771 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
-	Hoàn trả cho các dự án khác đã ứng vốn qua Quỹ đầu tư phát triển	355.200	Phân bổ 355,2 tỷ đồng từ nguồn 500 tỷ đồng đã giao để hoàn trả cho các dự án đã ứng vốn qua Quỹ
-	Bố trí kế hoạch vốn cho các dự án được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ GPMB thực hiện Dự án Vành đai 4 để hoàn trả vốn đã ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện dự án	2.749.571	Tăng 2.749,571 tỷ đồng từ: (1) Phân bổ 144,8 tỷ đồng từ nguồn 500 tỷ đồng đã giao; (2) Tăng 2.604,711 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
3	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành	500.000	
4	Bố trí vốn để hoàn trả ngân sách quận Long Biên đã ứng thực hiện các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố	508.766	Tăng 346,766 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
5	Bố trí nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch	78.100	
6	Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư	150.000	
7	Bố trí nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	504.060	Giảm 1.761,49 tỷ đồng để: (1) 230 tỷ đồng hỗ trợ 04 địa phương bạn; (2) 587,143 tỷ đồng hỗ trợ 02 trụ sở của Bộ Công an; (3) 944,347 tỷ đồng phân bổ KHV năm 2023 cho dự án TP 1.1 của dự án Vành đai 4
8	Bổ sung cho các quỹ và vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm; hỗ trợ lãi suất một số dự án, hỗ trợ doanh nghiệp theo cơ chế của Thành phố	450.000	Tăng 300 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
9	Bố trí vốn tạm ứng giải ngân linh hoạt các nhiệm vụ: lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán và các công việc khác phục vụ các nội dung này theo quy định, quyết định phê duyệt dự án	100.000	
10	Hỗ trợ địa phương bạn	330.000	Tăng 230 tỷ đồng từ nguồn giảm bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để hỗ trợ 04 địa phương (Kom tum, Tuyên Quang, Kiên Giang, Bến Tre)
II	Vốn phân bổ thực hiện dự án đầu tư công Thành phố	22.365.356	
1	Vốn phân bổ dự án XD CB tập trung cấp Thành phố	22.067.356	
	Trong đó:		
-	Phân bổ kế hoạch năm 2023 cho các đơn vị thực hiện Dự án thành phần 1.1 của Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	6.921.710	Tăng 1,853,11 tỷ đồng từ: (1) 944,347 tỷ đồng nguồn giảm bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; (2) 908,763 tỷ đồng nguồn tăng thu NSTW năm 2022
-	Hỗ trợ thực hiện giải phóng mặt bằng cho 02 trụ sở của Bộ Công an	587.143	Tăng 587,143 tỷ đồng từ nguồn giảm bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất
2	Bố trí vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức	5.000	
3	Bố trí vốn thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù	293.000	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023 sau cơ cấu	Ghi chú
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
III	Ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã thực hiện các chương trình, dự án	8.207.459	
1	CTMT quốc gia về xây dựng nông thôn mới	2.095.850	
2	CTMT quốc gia phát triển kinh tế - xã hội dân tộc miền núi	114.530	
3	Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	5.957.379	
-	Hỗ trợ trường THPT theo phân cấp	200.000	
-	Hỗ trợ xây dựng trường học đạt chuẩn	2.742.500	
-	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích	1.324.199	
-	Hỗ trợ xây dựng tuyến y tế cấp cơ sở	293.280	
-	Các dự án xử lý nước thải làng nghề; hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố; các dự án hạ tầng kinh tế; nhà văn hóa thôn	1.397.400	
4	Hỗ trợ các huyện xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự cấp xã	39.700	Tăng 39,7 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 4 - VÙNG THỦ ĐÔ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 2021-2025	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2023	KHV năm 2024 đã báo cáo		KHV năm 2024 điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA, ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC	1				75.286.000	33.010.000	6.008.600	9.114.000	6.200.000	7.260.890	6.200.000		
1	Lĩnh vực giao thông	1				75.286.000	33.010.000	6.008.600	9.114.000	6.200.000	7.260.890	6.200.000		
a	Dự án chuyển tiếp	1				75.286.000	33.010.000	6.008.600	9.114.000	6.200.000	7.260.890	6.200.000		
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	1		2022-2028	56/2022/QH15 16/6/2022	75.286.000	33.010.000	6.008.600	9.114.000	6.200.000	7.260.890	6.200.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
1.1	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận thành phố Hà Nội		Sóc Sơn, Mê Linh, Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Oai, Thường Tín	2022-2024	1012/QĐ-UBND 16/02/2023	13.362.000	13.362.000	5.068.600	4.274.000	2.010.000	2.420.890	2.010.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
	- Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông							70.000	100.000		200.000	200.000	Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông Thành phố	
	- Quận Hà Đông							491.600	444.000	200.000	300.000	200.000	UBND quận Hà Đông	
	- Huyện Sóc Sơn							80.000	259.000	200.000	20.000	20.000	UBND huyện Sóc Sơn	
	- Huyện Mê Linh							1.050.000	1.147.000	300.000	750.000	700.000	UBND huyện Mê Linh	
	- Huyện Đan Phượng							433.000	302.000	150.000	200.000	200.000	UBND huyện Đan Phượng	
	- Huyện Hoài Đức							1.260.000	973.000	660.000	550.890	290.000	UBND huyện Hoài Đức	
	- Huyện Thanh Oai							774.000	420.000	200.000	100.000	100.000	UBND huyện Thanh Oai	
	- Huyện Thường Tín							910.000	629.000	300.000	300.000	300.000	UBND huyện Thường Tín	
1.2	Dự án thành phần 2.1: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận thành phố Hà Nội			2022-2027	1072/QĐ-UBND 20/02/2023	5.388.000	4.855.000	940.000	650.000		650.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	

1.3	Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư			2022-2027		56.536.000	14.793.000		4.190.000	4.190.000	4.190.000	4.190.000	Nhà đầu tư và Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Dự án sẽ được bố trí vốn chính thức khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án
-----	--	--	--	-----------	--	------------	------------	--	-----------	-----------	-----------	-----------	---	--

Phụ lục 5
ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CHO MỘT SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẤP THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm DA			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		KHV 05 năm 2021-2025	Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2023	Kế hoạch năm 2024 đã báo cáo	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh	CT HT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	3	1	2				28.930.783	16.926.731	7.760.885	60.000	654.500	4		
A	Dự án bổ sung	3		2				28.548.483	16.582.731	7.440.885		630.500	4		
I	Lĩnh vực y tế			2				16.866	15.500			15.500	2		
a	Dự án chuyển tiếp														
b	Dự án khởi công mới năm 2024			2				16.866	15.500			15.500	2		
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm thành phố Hà Nội			1	Cầu Giấy	2023-2024	834/QĐ-SXD 22/11/2023	10.285	9.500			9.500	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng Hà Nội	- Dự kiến thi công hoàn thành dự án trong năm 2024; - Thanh toán các chi phí thiết kế, xây lắp, tư vấn, QLDA, chi khác...
2	Đầu tư cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình Hà Nội			1	Hoàn Kiếm	2023-2025	835/QĐ-SXD 22/11/2023	6.581	6.000			6.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng Hà Nội	- Dự kiến thi công hoàn thành dự án trong năm 2024; - Thanh toán các chi phí thiết kế, xây lắp, tư vấn, QLDA, chi khác...
II	Lĩnh vực thủy lợi	2						8.976.617	1.638.000	6.939.602		493.000	2		
a	Dự án chuyển tiếp	2						8.976.617	1.638.000	6.939.602		493.000	2		
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1			Hoài Đức, Hà Đông	2013-30/6/2024	1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/02/2019; 2548/QĐ-UBND 10/6/2021; 05/QĐ-UBND 03/01/2023; 5974/QĐ-UBND 22/11/2023	4.722.852	938.000	3.296.749		313.000	1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

TT	Đanh mục dự án	Nhóm DA			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		KHV 05 năm 2021-2025	Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2023	Kế hoạch năm 2024 đã báo cáo	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh	CT HT 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư							
2	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1			Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức	2011-2024	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1431/QĐ-UBND 27/4/2022; 2184/QĐ-UBND 12/4/2023; 5980/QĐ-UBND 22/11/2023	4.253.765	700.000	3.642.853		180.000	1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
b Dự án khởi công mới năm 2024															
III Lĩnh vực giao thông		1						19.555.000	14.929.231	501.283		122.000			
a Dự án chuyển tiếp		1						19.555.000	14.929.231	501.283		122.000			
1	Dự án Tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1			Nam - Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022	2054/QĐ-UBND 13/11/2008; 3211/QĐ-UBND 26/6/2009	19.555.000	14.929.231	501.283		122.000		Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
Vốn nước ngoài (ODA)									10.723.508						
Vốn nước ngoài (ODA vay lại)									3.025.275						
Vốn trong nước									1.180.448	73.239		122.000			
- Giao Ban QLDS đô thị Hà Nội										59.224		87.000			
- Giao UBND quận Bắc Từ Liêm (đối với hạng mục GPMB và xây dựng hạng mục hàng rào tạm khu Depot và đường dẫn vào Depot)										14.015		35.000			
B Dự án điều chỉnh giảm		1						382.300	344.000	320.000	60.000	24.000			
I Lĩnh vực giao thông		1						382.300	344.000	320.000	60.000	24.000			
a Dự án chuyển tiếp		1						382.300	344.000	320.000	60.000	24.000			
1	Đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Thạch Bích đến nút giao đường tỉnh 427 và đoạn từ nút giao ngã tư Vác đến hết địa phận huyện Thanh Oai	1			Thanh Oai	2021-2024	2719/QĐ-UBND 24/6/2021; 5307/QĐ-UBND 19/10/2023	382.300	344.000	320.000	60.000	24.000		UBND huyện Thanh Oai	Giảm 36 tỷ so với phương án đã trình HĐND Thành phố để phù hợp với khả năng thực hiện, báo cáo của chủ đầu tư và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025

Phụ lục 6
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Số dự án	Kế hoạch vốn	Tỷ trọng	
1	2	3	4	5	6
A	NGUỒN VỐN				
A1	TỔNG NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI		81.033.180	100%	
	Vốn cân đối ngân sách địa phương		71.581.950	88,34%	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		27.475.650	33,91%	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		36.100.000	44,55%	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		330.000	0,41%	
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		7.676.300	9,47%	
	Vốn ngân sách Trung ương		9.451.230	11,66%	
1	Dự án Vành đai 4 và các dự án liên kết vùng		7.106.340	8,77%	
2	Vốn nước ngoài		2.344.890	2,89%	
A2	PHƯƠNG ÁN NGUỒN KẾ HOẠCH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI		81.033.180	100%	
1	Từ nguồn Trung ương giao		81.033.180	100%	
A3	CƠ CẤU NGUỒN VỐN PHÂN BỐ		81.033.180	100%	
I	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ		47.410.471	58,51%	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB) trong nước		43.514.881	53,70%	
1.1	Từ nguồn XD CB tập trung		18.932.881	23,36%	
1.2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		10.645.660	13,14%	
1.3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		330.000	0,41%	
1.4	Nguồn cải cách tiền lương		6.500.000	8,02%	
1.5	Từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu (vốn trong nước)		7.106.340	8,77%	
2	Đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB) nguồn nước ngoài		3.895.590	4,81%	
2.1	Nguồn ODA cấp phát		2.344.890	2,89%	
2.2	Nguồn ODA vay lại		1.550.700	1,91%	
II	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		33.101.709	40,85%	
III	VỐN ĐẦU TƯ TRỞ LẠI CHO CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ TỪ TIỀN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN		521.000	0,64%	
B	PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH VỐN		81.033.180		
B.1	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ	970	47.410.471	100%	
I	Hoàn trả vốn ứng, thanh toán linh hoạt, bổ sung cho Ngân sách chính sách xã hội, hỗ trợ địa phương bạn		11.869.338	25,04%	
1	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố		500.000	1,05%	
2	Bố trí nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch		200.000	0,42%	
3	Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư		300.000	0,63%	
4	Bố trí vốn lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán		200.000	0,42%	
5	Bố trí nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất		8.679.338	18,31%	
6	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành		500.000	1,05%	
7	Bổ sung vốn cho các quỹ và uỷ thác qua Ngân hàng chính sách xã hội		1.340.000	2,83%	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Số dự án	Kế hoạch vốn	Tỷ trọng	
1	2	3	4	5	6
8	Hỗ trợ địa phương bạn		150.000	0,32%	
II	Vốn phân bổ thực hiện dự án đầu tư công Thành phố	225	25.495.935	53,78%	
II.1	Vốn phân bổ dự án XDCB tập trung cấp Thành phố	223	25.425.935	53,63%	
	Trong đó: phân theo nguồn vốn:	223	25.425.935	53,63%	
-	Vốn trong nước ngân sách cân đối địa phương	216	14.424.005	30,42%	
-	Vốn trong nước ngân sách trung ương	3	7.106.340	14,99%	
-	Vốn nước ngoài (ODA)	5	3.895.590	8,22%	
	+ ODA cấp phát		2.344.890	4,95%	
	+ ODA vay lại		1.550.700	3,27%	
II.2	Bổ trí vốn thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù	2	70.000	0,15%	
III	Hỗ trợ các huyện, thị xã thực hiện các Chương trình, dự án	745	10.045.198	21,19%	
	Trong đó:				
	Tổng kế hoạch vốn năm 2024 phân bổ ngay tại thời điểm đầu năm	448	5.819.593	12,27%	
	Tổng kế hoạch vốn năm 2024 dự nguồn, bố trí chi tiết khi đủ điều kiện phân bổ	395	4.225.605	8,91%	
III.1	Vốn bố trí thực hiện dự án thuộc CTMT quốc gia	41	2.236.280	4,72%	
1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới. Trong đó:	21	1.600.000	3,37%	
	- Đề xuất phân bổ chi tiết thời điểm đầu năm 2024	21	617.200	1,30%	
	- Dự nguồn, bố trí chi tiết khi đủ điều kiện phân bổ		982.800	2,07%	
2	CTMT quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó:	20	636.280	1,34%	
	- Đề xuất phân bổ chi tiết thời điểm đầu năm 2024	20	236.280	0,50%	
	- Dự nguồn, bố trí chi tiết khi đủ điều kiện phân bổ		400.000	0,84%	
III.2	Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	704	7.808.918	16,47%	
	Trong đó:				
	Tổng kế hoạch vốn năm 2024 phân bổ ngay tại thời điểm đầu năm	407	4.966.113	10,47%	
	Tổng kế hoạch vốn năm 2024 dự nguồn, bố trí chi tiết khi đủ điều kiện phân bổ	395	2.842.805	6,00%	
1	Hỗ trợ trường THPT theo phân cấp	43	714.749	1,51%	
2	Hỗ trợ xây dựng trường học đạt chuẩn (mầm non, tiểu học, THCS). Trong đó:	211	3.510.255	7,40%	
	- Đề xuất phân bổ chi tiết thời điểm đầu năm 2024	122	2.185.450	4,61%	
	- Dự nguồn, bố trí chi tiết khi đủ điều kiện phân bổ	133	1.324.805	2,79%	
3	Hỗ trợ xây dựng nâng cấp tuyến y tế cơ sở. Trong đó:	47	243.240	0,51%	
	- Đề xuất phân bổ chi tiết thời điểm đầu năm 2024	28	160.270	0,34%	
	- Dự nguồn, bố trí chi tiết khi đủ điều kiện phân bổ	27	82.970	0,18%	
4	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích. Trong đó:	279	2.392.144	5,05%	
	- Đề xuất phân bổ chi tiết thời điểm đầu năm 2024	156	1.340.789	2,83%	
	- Dự nguồn, bố trí chi tiết khi đủ điều kiện phân bổ	162	1.051.355	2,22%	
6	Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ cấp 1 theo phân cấp quản lý đầu tư				
5	Các dự án xử lý nước thải làng nghề; hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố; các dự án hạ tầng kinh tế; nhà văn hoá thôn. Trong đó:	88	762.125	1,61%	
	- Đề xuất phân bổ chi tiết thời điểm đầu năm 2024	22	378.450	0,80%	
	- Dự nguồn, bố trí chi tiết khi đủ điều kiện phân bổ	73	383.675	0,81%	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Số dự án	Kế hoạch vốn	Tỷ trọng	
1	2	3	4	5	6
6	Hỗ trợ xây dựng Ban chỉ huy quân sự cấp xã	36	186.405	0,39%	
B.2	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN		33.101.709		
B3	CHI ĐẦU TƯ TRỞ LẠI CHO CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ TỪ TIỀN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN		521.000		

Phụ lục 7
DANH MỤC DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ CẦN GIẢI TRÌNH, LÀM RÕ MỘT SỐ THÔNG TIN
THEO Ý KIẾN THẨM TRA CỦA BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Tên Dự án, chương trình	Ý kiến giải trình của UBND Thành phố
I	Các dự án dở dang đã giảm vốn năm 2023, cần tiếp tục triển khai trong năm 2024 nhưng không được bố trí vốn	
1	Dự án Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, giai đoạn I	Dự án được phê duyệt và điều chỉnh dự án tại các Quyết định số: 5060/QĐ-UBND ngày 28/10/2011, 6745/QĐ-UBND ngày 22/11/2019, 1295/QĐ-UBND ngày 15/4/2022, thời gian thực hiện dự án: 2012-2023. Đến hết năm 2023 hết thời gian thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện. Do vậy, chưa đảm bảo điều kiện bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp dự án được phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố để bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 cho dự án để đảm bảo thực hiện dự án theo tiến độ được phê duyệt.
2	Xây dựng khu LHXLCT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Dự án được phê duyệt và điều chỉnh dự án tại các Quyết định số: 4910/QĐ-UBND ngày 24/10/2011, 5633/QĐ-UBND ngày 10/10/2016, 3472/QĐ-UBND ngày 28/6/2019, 957/QĐ-UBND ngày 04/3/2020, 1009/QĐ-UBND ngày 01/3/2021, 2005/QĐ-UBND ngày 15/6/2022, 830/QĐ-UBND ngày 09/02/2023, thời gian thực hiện dự án: 2012-2023. Đến hết năm 2023 hết thời gian thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện. Do vậy, chưa đảm bảo điều kiện bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp dự án được phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố để bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 cho dự án để đảm bảo thực hiện dự án theo tiến độ được phê duyệt.
3	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	Dự án được phê duyệt và điều chỉnh dự án tại các Quyết định số: 6264/QĐ-UBND ngày 27/11/2014, 2122/QĐ-UBND ngày 26/5/2020, 4287/QĐ-UBND ngày 29/9/2021, 2546/QĐ-UBND ngày 21/7/2022, thời gian thực hiện dự án: 2015-2022. Dự án đã hết thời gian thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện. Do vậy, chưa đảm bảo điều kiện bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp dự án được phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố để bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 cho dự án để đảm bảo thực hiện dự án theo tiến độ được phê duyệt.
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm	Dự án được phê duyệt và điều chỉnh dự án tại các Quyết định số 5222/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 và 4983/QĐ-UBND ngày 13/12/2023, thời gian thực hiện dự án: 2020- 2023. Đến hết năm 2023 hết thời gian thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện. Do vậy, chưa đảm bảo điều kiện bố trí kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp dự án được phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố để bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 cho dự án để đảm bảo thực hiện dự án theo tiến độ được phê duyệt.
5	Dự án nâng cấp cải tạo đường, hệ thống chiếu sáng tuyến đường vào khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây	Dự án được bố trí Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 là 30 tỷ đồng, trong đó: năm 2021- 2022 bố trí là 20 tỷ đồng; năm 2023 bố trí 10 tỷ đồng. Trong quá trình triển khai, dự án có vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng liên quan đến vị trí công ra vào của Kho vật tư K38 Tổng cục Chính trị và đất hành lang giao thông. Dự án bị hủy một phần dự toán ngân sách năm 2021 và kết quả giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố (ngày 18/11/2023) và đến ngày 30/11/2023 chưa cao. Trên cơ sở tiến độ giải quyết khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng và khả năng thực hiện của dự án, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố để bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 cho dự án để đảm bảo thực hiện dự án theo tiến độ được phê duyệt.
II	Các dự án chưa đủ bố trí vốn để hoàn thành dự án trong năm 2024	

STT	Tên Dự án, chương trình	Ý kiến giải trình của UBND Thành phố
1	Xây dựng Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trung bày)	Dự án đang gặp một số khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai. Căn cứ vào khả năng hấp thụ vốn của dự án, UBND Thành phố đề xuất bố trí Kế hoạch năm 2024 là 100 tỷ đồng. Trường hợp dự án có khả năng hấp thụ vốn nhiều hơn, căn cứ tiến độ thực hiện, giải ngân thực tế của dự án, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố bổ sung Kế hoạch vốn cho dự án trong năm 2024.
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu La Lãng, Mỹ Đức	UBND Thành phố phê duyệt dự án tại Quyết định số 987/QĐ-SNN ngày 22/6/2022; tổng mức đầu tư: 49,4 tỷ đồng; Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 đã được duyệt: 45 tỷ đồng; kế hoạch vốn đã bố trí đến hết 2023 là 31 tỷ đồng; Kế hoạch vốn năm 2024 bố trí 14 tỷ đồng để hoàn thành dự án trong năm 2024.
3	Dự án Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	UBND Thành phố phê duyệt và điều chỉnh dự án tại các Quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 và Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 02/7/2021; tổng mức đầu tư: 454 tỷ đồng; Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 đã được duyệt: 320 tỷ đồng; Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023 là 257 tỷ đồng; Căn cứ vào tiến độ thực hiện của dự án, UBND Thành phố đề xuất bố trí Kế hoạch vốn 2024 là 63 tỷ đồng, bằng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 đã được HĐND Thành phố thông qua. Trường hợp dự án có khả năng hấp thụ vốn nhiều hơn, căn cứ tiến độ thực hiện, giải ngân thực tế của dự án, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố bổ sung Kế hoạch vốn cho dự án trong năm 2024.
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	UBND Thành phố phê duyệt dự án tại Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 02/7/2021; tổng mức đầu tư: 254 tỷ đồng; Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 đã được duyệt: 175 tỷ đồng; kế hoạch vốn đã bố trí đến hết 2023 là 120 tỷ đồng; Căn cứ vào tiến độ thực hiện, UBND Thành phố đề xuất bố trí Kế hoạch vốn năm 2024 là 55 tỷ đồng, bằng với Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã HĐND Thành phố thông qua. Trường hợp dự án có khả năng hấp thụ vốn nhiều hơn, trên cơ sở tiến độ giải ngân và dự kiến khối lượng thực hiện của dự án, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố bổ sung Kế hoạch vốn cho dự án.
5	Dự án kiên cố mái, bờ tả sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thượng, huyện Phú Xuyên	Đây là dự án mới được UBND Thành phố phê duyệt dự án tại Quyết định số 1808/QĐ-SNN ngày 13/10/2023; TMĐT: 34,946 tỷ đồng; thời gian thực hiện dự án 2023-2025. Căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án, UBND Thành phố đề xuất bố trí Kế hoạch vốn năm 2024 là 10 tỷ đồng (tương ứng khoảng 30% TMĐT dự án). Trường hợp dự án có khả năng hấp thụ vốn nhiều hơn, căn cứ tiến độ thực hiện, giải ngân thực tế của dự án, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố bổ sung Kế hoạch vốn cho dự án trong năm 2024.
6	Khu liên cơ quan Văn Hồ	Năm 2023, dự án được bố trí kế hoạch vốn 2023 đầu năm là 160 tỷ đồng và trong năm điều chỉnh, điều hòa giảm 110 tỷ đồng, hiện còn 50 tỷ đồng. Đến ngày 30/11/2023, giải ngân được 12,9 tỷ đồng, đạt 25,8% kế hoạch vốn năm 2023 và Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài giải ngân được 11,5 tỷ đồng/23,2 tỷ đồng Kế hoạch vốn kéo dài. Do vậy, năm 2024, UBND Thành phố đề xuất bố trí Kế hoạch vốn năm 2024 là 168 tỷ đồng. Trường hợp dự án có khả năng hấp thụ vốn nhiều hơn, căn cứ tiến độ thực hiện, giải ngân thực tế của dự án, UBND Thành phố sẽ trình HĐND Thành phố bổ sung Kế hoạch vốn cho dự án trong năm 2024.

Phụ lục 8

ĐỀ XUẤT DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯỢC BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN NĂM 2024 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CẤP THÀNH PHỐ KHÔNG ĐÁP ỨNG THỜI HẠN BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN NHÓM A KHÔNG QUÁ 6 NĂM, NHÓM B KHÔNG QUÁ 4 NĂM, NHÓM C KHÔNG QUÁ 3 NĂM

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Loại dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch vốn năm 2020	KHV trung hạn 2021-2025	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2023	KHV năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	6	34	1				97.815.198	26.530.586	48.283.575	43.340.359	7.249.587		
I	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình		3					1.556.590	459.513	1.120.500	990.979	419.000		
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội - giai đoạn 1		1		Hà Đông	2021-2024	4908/QĐ-UBND 30/9/2015; 5049/QĐ-UBND 30/11/2021	784.433	18.126	650.000	323.095	345.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
2	Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông		1		Hà Đông	2018-2024	6023/QĐ-UBND 31/10/2018; 4419/QĐ-UBND 11/11/2022; 14/NQ-HĐND 04/7/2023	303.165	191.307	281.500	282.804	20.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
3	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sơn Tây		1		Sơn Tây	2019-2024	6024/QĐ-UBND 31/10/2018; 4947/QĐ-UBND 23/11/2021; 4774/QĐ-UBND 29/11/2022; 14/NQ-HĐND 04/7/2023	468.992	250.080	189.000	385.080	54.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
II	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	1	1					2.148.449	308.038	1.605.000	1.299.228	255.000		
1	Xây dựng Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)		1		Nam Từ Liêm	2016-III/2024	1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 1207/QĐ-UBND 25/3/2020; 4135/QĐ-UBND 16/9/2020; 5041/QĐ-UBND 19/12/2022	771.984	287.531	480.000	308.721	100.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
2	Công trình trọng điểm 2021 - 2025: Xây dựng cung Thiếu nhi Hà Nội	1			Cầu Giấy	2020-2024	4493/QĐ-UBND 29/8/2014; 4608/QĐ-UBND 14/10/2020	1.376.465	20.507	1.125.000	990.507	155.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
III	Lĩnh vực môi trường	1						16.293.444	2.087.189	5.900.000	4.595.087	1.083.291		
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1			Thanh Trì	2013-2025	7051/QĐ-UBND 20/11/2013; 7574/QĐ-UBND 31/10/2017; 4855/QĐ-UBND 05/12/2022	16.293.444	2.087.189	5.900.000	4.595.087	1.083.291	Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	
	Vốn nước ngoài (ODA)							13.709.042	1.650.824	5.000.000	3.831.310	983.291		
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)													
	Vốn trong nước							2.584.402	436.365	900.000	763.777	100.000		
IV	Lĩnh vực thủy lợi	2	2					9.685.428	5.806.528	2.133.000	7.325.118	611.000		
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1			Hoài Đức, Hà Đông	2013-30/6/2024	1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/02/2019; 2548/QĐ-UBND 10/6/2021; 05/QĐ-UBND 03/01/2023; 5974/QĐ-UBND 22/11/2023	4.722.852	2.672.157	938.000	3.296.749	313.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì	1			Ba Vì, Sơn Tây	2011-2024	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1431/QĐ-UBND 27/4/2022; 2184/QĐ-UBND 12/4/2023; 5980/QĐ-UBND 22/11/2023	4.253.765	3.125.853	700.000	3.642.853	180.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2014-2024	6489/QĐ-UBND 28/10/2013; 2807/QĐ-UBND 02/7/2021	454.778	6.145	320.000	263.144	63.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	
4	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		1		Thường Tín	2021-2024	5520/QĐ-UBND 24/10/2014; 2808/QĐ-UBND 02/7/2021	254.033	2.373	175.000	122.372	55.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	

TT	Danh mục dự án	Loại dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch vốn năm 2020	KHV trung hạn 2021-2025	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2023	KHV năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
V	Lĩnh vực giao thông	2	23					65.069.023	17.450.426	35.507.075	27.584.393	4.299.296		
1	Xây dựng tuyến đường từ trạm bơm Cầu Ngà đến Đại Lộ Thăng Long		1		Nam Từ Liêm	2018-2024	5168/QĐ-UBND 31/10/2018; 1576/QĐ-UBND 15/6/2021; 1205/QĐ-UBND 08/4/2022; 5207/QĐ-UBND 26/12/2022	230.746	55.076	60.000	65.076	25.000	UBND quận Nam Từ Liêm	
2	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm thể thao quân đội Bộ quốc phòng đến Khu bảo tàng quân sự Việt Nam (bao gồm cầu qua Sông Nhuệ)		1		Nam Từ Liêm	2018-2024	5167/QĐ-UBND 31/10/2018; 433/QĐ-UBND 08/3/2022; 760/QĐ-UBND 06/02/2023	89.164	1.246	44.000	25.246	14.000	UBND quận Nam Từ Liêm	
3	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189), huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2010-1/2024	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 1513/QĐ-UBND 30/3/2011; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017; 1951/QĐ-UBND 23/4/2019; 1310/QĐ-UBND 17/3/2021; 178/QĐ-UBND 09/01/2023	887.735	392.125	320.000	557.925	30.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
4	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê (đoạn từ dốc La Pho đến Cống Đò)		1		Tây Hồ	2012-2024	574/QĐ-UBND 03/02/2009; 7079/QĐ-UBND 23/12/2015; 2986/QĐ-UBND 06/7/2020; 621/QĐ-UBND 01/02/2023	421.764	299.067	100.000	351.067	30.000	UBND quận Tây Hồ	
5	Cổng hóa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây		1		Ba Đình	2009-quý II/2024	2447/QĐ-UBND 26/6/2008; 5101/QĐ-UBND 7/11/2012; 6343/QĐ-UBND 18/11/2016; 1696/QĐ-UBND 09/4/2019; 2401/QĐ-UBND 31/5/2021; 2130/QĐ-UBND 12/4/2023	740.450	208.711	240.000	374.711	40.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
6	Xây dựng cầu vượt tại nút giao An Dương - đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông quận Ba đình và quận Tây hồ		1		Tây Hồ	2017-2024	3665/QĐ-UBND 19/6/2017; 3376/QĐ-UBND 24/6/2019; 402/QĐ-UBND 19/01/2021; 808/QĐ-UBND 01/3/2022; 365/QĐ-UBND 16/01/2023	815.864	324.957	400.000	484.957	70.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
7	Xây dựng tuyến đường vành đai 3.5 (Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500), huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2017-2024	7586/QĐ-UBND 31/10/2017; 7105/QĐ-UBND 16/12/2019; 5713/QĐ-UBND 29/12/2020; 4995/QĐ-UBND 26/11/2021; 2452/QĐ-UBND 26/4/2023	1.355.454	797.433	400.000	923.432	40.000	UBND huyện Hoài Đức	
8	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2017-2025	2307/QĐ-UBND 17/4/2017; 1878/QĐ-UBND 18/4/2019; 2951/QĐ-UBND 05/7/2021; 1595/QĐ-UBND 17/3/2023	436.734	71.483	280.000	102.482	20.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
9	Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+469,12 đến Km 12 +733,55)		1		Sóc Sơn	2015-6/2025	5570/QĐ-UBND 28/10/2014; 923/QĐ-UBND 02/3/2020; 177/QĐ-UBND 14/01/2022; 3161/QĐ-UBND 08/6/2023	197.204	26.481	110.000	32.472	14.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
10	Dự án Xây dựng tuyến đường vào Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn		1		Sóc Sơn	2019-2024	3954/QĐ-UBND 23/7/2019; 875/QĐ-UBND 22/02/2021; 1201/QĐ-UBND 23/02/2023	334.099	42.402	205.000	67.993	20.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
11	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lừ		1		Đống Đa	2018-2024	1966/QĐ-UBND 4/5/2010; 4080/QĐ-UBND 09/8/2018; 1887/QĐ-UBND 26/4/2021; 1328/QĐ-UBND 03/3/2023	225.791	2.199	175.000	94.199	22.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	

TT	Danh mục dự án	Loại dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch vốn năm 2020	KHV trung hạn 2021-2025	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2023	KHV năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khê nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đến Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2025	5359/QĐ-UBND 08/10/2018; 4398/QĐ-UBND 30/9/2020; 4052/QĐ-UBND 26/10/2022	382.407	181.434	190.000	321.433	30.000	UBND huyện Đông Anh	
13	Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường Vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai		1		Hoàng Mai	2022-2025	5804/QĐ-UBND 26/10/2011; 1949/QĐ-UBND 09/6/2022	778.393	6.450	650.000	244.950	120.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
14	Xây dựng tuyến đường vào trường Đại học ngoại ngữ		1		Nam Từ Liêm	2022-2025	193/QĐ-UBND 12/01/2011; 2168/QĐ-UBND 23/6/2022	127.535	68	120.000	8.568	25.000	UBND quận Nam Từ Liêm	
15	Xây dựng hoàn chỉnh khớp nối hạ tầng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thọ, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-11/2024	5849/QĐ-UBND 21/10/2019; 878/QĐ-UBND 10/3/2022; 14/NQ-HĐND 04/7/2023; 4931/QĐ-UBND 02/10/2023	276.831	89.865	150.000	239.502	363	UBND huyện Gia Lâm	
16	Dự án Xây dựng cầu Cương Kiên, quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2019 - 2024	6076/QĐ-UBND 31/10/2019; 605/QĐ-UBND 30/01/2023	175.800	15.000	115.000	18.390	3.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
17	Hoàn thiện và khớp nối HTKT khu 7,2 ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình		1		Ba Đình	2020-2024	6588/QĐ-UBND 13/11/2019; 2550/QĐ-UBND 28/4/2023	135.545	1.090	132.000	121.090	12.000	UBND quận Ba Đình	
18	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn từ ngã tư Vạn Phúc đến nút Núi Trúc)		1		Ba Đình	2009-2024	1096/QĐ-UBND 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND 08/5/2017; 1697/QĐ-UBND 09/4/2019; 3159/QĐ-UBND 08/6/2023	342.975	245.467	96.000	289.466	23.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
19	Dự án Đầu tư Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 đến Km6+585 (tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B đến cầu Quảng Tái, xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2021- quý II/2024	3454/QĐ-UBND 27/6/2019; 6970/QĐ-UBND 05/12/2019; 2888/QĐ-UBND 24/5/2023	262.545	169.049	86.700	215.749	15.000	UBND huyện Ứng Hòa	
20	Xây dựng cầu qua sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn và đường nối ra Quốc lộ 32, quận Nam Từ Liêm, quận Bắc Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm	2020-2024	782/QĐ-UBND 15/2/2011; 4760/QĐ-UBND 23/10/2020; 3904/QĐ-UBND 18/10/2022	380.126	2.766	300.000	78.539	40.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
21	Đường vành đai Khu công nghiệp Bắc Phú Cát (nay là đường vành đai Khu công nghệ cao Hòa Lạc), huyện Quốc Oai		1		Quốc Oai	2019-2024	6062/QĐ-UBND 31/10/2019; 1063/QĐ-UBND 28/3/2022; 175/QĐ-UBND 09/01/2023	482.536	89.830	240.000	269.830	20.000	UBND huyện Quốc Oai	
22	Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội		1		Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2025	3921/QĐ-UBND 23/7/2014; 5754/QĐ-UBND 25/10/2018; 7030/QĐ-UBND 10/12/2019; 2297/QĐ-UBND 25/5/2021; 3250/QĐ-UBND 08/9/2022; 1314/QĐ-UBND 02/3/2023	1.259.798	15.810	1.213.086	232.134	8.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
	Vốn nước ngoài (ODA)							754.647	2.976	773.086	130.318	4.824		
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)							371.692	1.466	340.000	71.295	2.376		
	Vốn trong nước							133.458	11.368	100.000	30.521	800		
23	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2009-2027	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013; 2186/QĐ-TTg 05/12/2014; 4036/QĐ-UBND 26/7/2019; 588/QĐ-TTg 30/5/2023; 3785/QĐ-UBND 25/7/2023	34.826.050	13.924.675	14.711.058	21.721.863	3.525.933	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
	Vốn nước ngoài (ODA)							13.158.810	4.627.217	6.907.607	7.677.221	1.337.609		
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)							11.623.230	5.557.909	4.912.845	8.825.009	1.548.324		
	Vốn trong nước							10.044.010	3.739.549	2.890.606	5.219.633	640.000		

TT	Danh mục dự án	Loại dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch vốn năm 2020	KHV trung hạn 2021-2025	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2023	KHV năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
24	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1			Nam - Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022	2054/QĐ-UBND 13/11/2008; 3211/QĐ-UBND 26/6/2009	19.555.000	428.044	14.929.231	501.283	122.000	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
	Vốn nước ngoài (ODA)									10.723.508				
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)									3.025.275				
	Vốn trong nước									1.180.448	73.239	122.000		
	- Giao Ban QLĐS đô thị Hà Nội										59.224	87.000		
	- Giao UBND quận Bắc Từ Liêm (đối với hạng mục GPMB và xây dựng hạng mục hàng rào tạm khu Depot và đường dẫn vào Depot)										14.015	35.000		
25	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê sông Đuống đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp		1		Gia Lâm	2019-2024	9012/QĐ-UBND 31/10/2018; 2286/QĐ-UBND 10/5/2021; 1176/QĐ-UBND 06/4/2022; 908/QĐ-UBND 13/02/2023	348.477	59.698	240.000	242.035	30.000	UBND huyện Gia Lâm	
VI	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước		2					1.729.138	130.416	1.330.000	784.082	270.000		
1	Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh, Hà Nội		1		Đông Anh	2019-2024	6120/QĐ-UBND 31/10/2019; 2946/QĐ-UBND 18/8/2022	817.629	40.944	640.000	416.584	120.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	
2	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh, Hà Nội		1		Đông Anh	2018-2024	6000/QĐ-UBND 31/10/2018; 3055/QĐ-UBND 09/7/2020; 4568/QĐ-UBND 21/11/2022	911.509	89.472	690.000	367.498	150.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	
VII	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1					659.358	140.000	428.000	370.000	168.000		
1	Khu liên cơ quan Văn Hồ		1		Hai Bà Trưng	2018-2024	1547/QĐ-UBND 01/4/2019; 584/QĐ-UBND 29/01/2021; 4178/QĐ-UBND 01/11/2022; 4307/QĐ-UBND 29/8/2023	659.358	140.000	428.000	370.000	168.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
VIII	Lĩnh vực HTKT tái định cư		2					644.336	138.348	242.000	370.346	138.000		
1	Xây dựng khu di dân phục vụ GPMB khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án khác thuộc huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2019-2024	4112/QĐ-UBND 31/7/2019; 2834/QĐ-UBND 29/6/2020	524.426	88.376	205.000	293.048	131.000	UBND huyện Thanh Trì	
2	Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn khu Đồng Giải, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ (phục vụ giải phóng mặt bằng tuyến đường quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai)		1		Chương Mỹ	2019-2024	3529/QĐ-UBND 2/7/2019; 4265/QĐ-UBND 27/9/2021; 3677/QĐ-UBND 19/7/2023	119.910	49.972	37.000	77.298	7.000	UBND huyện Chương Mỹ	
IX	Lĩnh vực kiểm sát		1					29.432	10.128	18.000	21.127	6.000		
1	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		1		Thường Tín	2018-2024	763/QĐ-UBND 17/2/2020; 110/QĐ-UBND 11/01/2021; 5124/QĐ-UBND 07/12/2021; 29/NQ-HĐND 08/12/2022; 549/QĐ-SXD 11/9/2023; 708/QĐ-SXD 20/10/2023	29.432	10.128	18.000	21.127	6.000	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	

PHỤ LỤC: 09
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024
(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án được duyệt		Lấy Kế vốn bố trí từ 2021 - năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024			Công trình hoàn thành năm 2024	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C			Số,ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó					
										Dự án chuyển tiếp					
										Tổng số	Trong đó: Vốn SXKT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	19	8				2.627.112	1.300.000	617.200	617.200	100.000	16	1.917.200		
I	Lĩnh vực giao thông	15	2				1.978.592	955.200	457.700	457.700	31.000	9	1.412.900		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	15	2				1.978.592	955.200	457.700	457.700	31.000	9	1.412.900		
1	Cải tạo cảnh quan hạ tầng kỹ thuật xây dựng hệ thống nước thải khu vực hồ điều hòa đường vào di tích lịch sử Quốc Gia đình Tây Đằng	1		Thị trấn Tây Đằng	2022-2024	7764/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	108.820	35.000	20.000	20.000			55.000	UBND huyện Ba Vì	
2	Đường trục giao thông xã Hồng Dương đi đường tỉnh lộ 429	1		Xã Hồng Dương	2022-2023	5141/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	117.415	63.000	48.500	48.500		1	111.500	UBND huyện Thanh Oai	
4	Đường liên xã Chương Dương - Lê Lợi (đoạn từ đê sông hồng - trường THCS đến kênh Vân Từ), huyện Thường Tín	1		Chương Dương - Lê Lợi	2023-2024	5609/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	68.496	35.000	30.000	30.000		1	65.000	UBND huyện Thường Tín	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vạn Yên - Thạch Đà, huyện Mê Linh	1		xã Thạch Đà, Liên Mạc, Thạch Yên	2022-2025	3452/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	115.581	34.000	24.000	24.000			58.000	UBND huyện Mê Linh	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án được duyệt		Lấy Kế vốn bố trí từ 2021 - năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024			Công trình hoàn thành năm 2024	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C			Số,ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó					
										Dự án chuyển tiếp					
										Tổng số	Trong đó: Vốn SXKT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
6	Xây dựng tuyến đường nối đường 100 Trục trung tâm đô thị Mê Linh qua Bệnh viện đa khoa huyện đến đường đê tả sông Hồng, huyện Mê Linh	1		xã Đại Thịnh, Tam Đồng, Thạch Đà	2022- 2025	3450/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	179.458	82.000	20.000	20.000			102.000	UBND huyện Mê Linh	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường Hồ Chí Minh đi xã Hoàng Văn Thụ, xã Hữu Văn	1		xã Hoàng Văn Thụ, xã Hữu Văn, xã Quảng Bị	2022- 2024	1856/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	154.000	40.000	50.000	50.000			90.000	UBND huyện chương Mỹ	
8	Đường giao thông liên xã Kim Đường - Trầm Lộng (từ đường Minh Đức - Ngâm thôn Cung Thuê đi Kiện Vũ Trầm Lộng), huyện Ứng Hòa	1		Kim Đường - Trầm Lộng	2023- 2024	201/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	98.000	60.000	31.000	31.000	31.000	1	91.000	UBND huyện Ứng Hòa	
9	Đường giao thông liên xã Đồng Lỗ - Kim Đường, kết hợp cứng hóa kênh mương đoạn từ kênh I2-14 đến kênh A2-12, xã Đồng Lỗ, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	1		Đồng Lỗ - Kim Đường	2022- 2023	899/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	162.815	136.000	20.000	20.000		1	156.000	UBND huyện Ứng Hòa	
10	Chỉnh trang đường trục kinh tế Miền Đông đoạn từ ngã tư Việt Hùng - Liên Hà đến nút giao Quốc lộ 3 mới		1	xã Việt Hùng, Liên Hà	2022- 2023	7385/QĐ-UBND ngày 02/11/2020; 10856/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	53.100	44.000	5.000	5.000		1	49.000	UBND huyện Đông Anh	
11	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường Văn Nội - Kim Chung đến đường Hoàng Sa		1	xã Kim Chung, Kim Nỗ	2022- 2023	4560/QĐ-UBND ngày 08/6/2021; 10942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	81.493	53.000	20.000	20.000		1	73.000	UBND huyện Đông Anh	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án được duyệt		Lấy Kế vốn bố trí từ 2021 - năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024			Công trình hoàn thành năm 2024	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C			Số,ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó					
										Dự án chuyển tiếp					
										Tổng số	Trong đó: Vốn SXKT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	Xây dựng, nâng cấp đường ĐH07 đoạn từ TL419 đi đường ĐH05	1		Đại Đồng, Cẩm Yên, Lai Thương	2022- 2025	6434/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	159.373	75.000	50.000	50.000			125.000	UBND huyện Thạch Thất	
13	Nâng cấp đường giao thông trục chính xã Hát Môn	1		Xã Hát Môn	2022- 2023	4323/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	71.017	47.000	20.500	20.500		1	67.500	UBND huyện Phúc Thọ	
14	Đường giao thông liên xã Văn Hoàng - Hoàng Long - Tri Trung - Phú Túc (đoạn từ cầu Nội Cối đi đường trục Phú Túc)	1		Văn Hoàng, Hoàng Long, Tri Trung, Phú Túc	2022- 2025	3962/QĐ-UBND ngày 10/9/2022; 5454/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	198.783	85.500	25.000	25.000			110.500	UBND huyện Phú Xuyên	
15	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xã Hoàng Long, Tri Trung, Phượng Dực	1		Hoàng Long, Tri Trung, Phượng Dực	2022- 2024	2325/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	48.385	32.500	12.000	12.000		1	44.500	UBND huyện Phú Xuyên	
16	Trục kết nối giao thông Văn Hoàng - Tân Dân -đường Thao Chính Tân Dân	1		Hồng Minh, Đại Thắng	2023- 2025	1182/QĐ-UBND ngày 11/3/2022; 5524/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	189.000	60.200	25.000	25.000			85.200	UBND huyện Phú Xuyên	
17	Xây dựng hệ thống chiếu sáng các tuyến trục chính trên địa bàn xã Hồng Sơn và xã Phùng Xá	1		Xã Hồng Sơn, xã Phùng Xá	2022- 2024	3253/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	59.470	37.000	15.000	15.000		1	52.000	UBND huyện Mỹ Đức	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án được duyệt		Lấy Kế vốn bố trí từ 2021 - năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024			Công trình hoàn thành năm 2024	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C			Số,ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó					
										Dự án chuyển tiếp					
										Tổng số	Trong đó: Vốn SXKT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
18	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính và một số thôn trên địa bàn xã Xuân Sơn	1		Xuân Sơn	2023-2025	479/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	113.386	36.000	41.700	41.700			77.700	UBND thị xã Sơn Tây	
II	Lĩnh vực đề điều, kênh mương thủy lợi	1	3				205.973	119.700	50.000	50.000		2	169.700		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	1	3				205.973	119.700	50.000	50.000		2	169.700		
1	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Lương Xá và cải tạo hệ thống kênh tiêu thuộc xã Lam Điền		1	Xã Lam Điền	2022-2024	6678/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	37.925	27.000	8.000	8.000		1	35.000	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Sỏi và hệ thống kênh xã Quảng Bị		1	Xã Quảng Bị	2022-2024	6677/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	43.903	24.200	12.000	12.000		1	36.200	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Cứng hóa kênh mương, giao thông nội đồng Đại Đồng		1	Đại Đồng	2023-2024	6530/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	24.500	20.000	3.200	3.200			23.200	UBND huyện Thạch Thất	
4	Cứng hoá kênh mương kết hợp nâng cấp đường giao thông xã Chuyên Mỹ	1		Chuyên Mỹ	2022-2025	5528/QĐ-UBND ngày 19/11/2022; 3543/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	99.645	48.500	26.800	26.800			75.300	UBND huyện Phú Xuyên	
III	Lĩnh vực Giáo dục	1	2				195.879	86.000	49.000	49.000	49.000	2	135.000		

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án được duyệt		Lũy Kế vốn bố trí từ 2021 - năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024			Công trình hoàn thành năm 2024	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C			Số,ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó					
										Dự án chuyển tiếp					
										Tổng số	Trong đó: Vốn SXKT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	1	2				195.879	86.000	49.000	49.000	49.000	2	135.000		
1	Xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Thường Tín (vị trí mới)	1		Xã Văn Phú	2023-2025	4577/QĐ-UBND ngày 13/11/2022	137.131	60.000	24.000	24.000	24.000		84.000	UBND huyện Thường Tín	
2	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS An Tiến		1	Xã An Tiến	2021-2022	3996/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	24.000	13.000	11.000	11.000	11.000	1	24.000	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Bột Xuyên		1	xã Bột Xuyên	2020-2024	2485/QĐ-UBND ngày 16/7/2020; 3938/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	34.748	13.000	14.000	14.000	14.000	1	27.000	UBND huyện Mỹ Đức	
IV	Lĩnh vực văn hóa - di tích	1					88.598	27.300	20.000	20.000	20.000	1	47.300		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	1					88.598	27.300	20.000	20.000	20.000	1	47.300		
1	Nhà thi đấu thể thao huyện Phú Xuyên	1		Phú xuyên	2022-2024	2709/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	88.598	27.300	20.000	20.000	20.000	1	47.300	UBND huyện Phú Xuyên	
V	Lĩnh vực môi trường	1	1				158.070	101.800	40.500	40.500		2	142.300		

4

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án được duyệt		Lấy Kế vốn bố trí từ 2021 - năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024			Công trình hoàn thành năm 2024	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C			Số,ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó					
										Dự án chuyển tiếp					
										Tổng số	Trong đó: Vốn SXKT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	1	1				158.070	101.800	40.500	40.500		2	142.300		
1	Cải tạo phục vụ môi trường ao Hội, ao dốc ngõ treo, đầm trước chùa dưới, ao dốc Văn chỉ xã Hát Môn	1		Xã Hát Môn	2023-2024	4766/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	98.270	66.800	25.000	25.000		1	91.800	UBND huyện Phúc Thọ	
2	Cải tạo, xử lý môi trường hồ sinh thái Bai Bó xã An Phú		1	Xã An Phú	2022-2024	2065/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	59.800	35.000	15.500	15.500		1	50.500	UBND huyện Mỹ Đức	

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2023; cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố

DỰ THẢO

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14**

(Từ ngày 04/12/2023 đến ngày 08/12/2023)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày...../12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số/QĐ-BTC ngày/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét các báo cáo của UBND Thành phố: số/BC-UBND ngày/11/2023 của UBND Thành phố về xây dựng Kế hoạch đầu tư ngân sách Thành phố năm 2023; cập nhật Kế hoạch đầu tư ngân sách Thành phố năm 2023; cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; báo cáo giải trình, bổ sung số...../BC-UBND ngày...../..../2023 của UBND Thành phố; các báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS ngày/..../2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với các báo cáo UBND Thành phố đã trình HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công năm 2024; cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2023; cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố với nội dung chính như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công năm 2024:

a) Tổng nguồn vốn kế hoạch năm 2024 cấp Thành phố là 47.410.471 triệu

đồng. Phương án phân bổ cho các nhiệm vụ, dự án:

- Hoàn trả vốn ứng, giải ngân theo thanh toán linh hoạt, bổ sung cho Ngân hàng chính sách xã hội, hỗ trợ địa phương bạn: 11.869.338 triệu đồng. Trong đó, cân đối nguồn cải cách tiền lương (6.500.000 triệu đồng) trong nguồn 8.679.338 triệu đồng dự kiến cân đối cho nhiệm vụ bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố: 25.495.935 triệu đồng.

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ mục tiêu cấp huyện, hỗ trợ xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã: 10.045.198 triệu đồng.

b) Chi đầu tư trở lại cho các quận, huyện, thị xã từ tiền thuê đất trả tiền một lần: 521.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

2. Cập nhật nguồn vốn trong Kế hoạch đầu tư công năm 2023:

a) Cập nhật, phê duyệt danh mục và kế hoạch vốn đối với các dự án giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt, gồm: công tác chuẩn bị đầu tư; nhiệm vụ quy hoạch; bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thanh quyết toán dự án hoàn thành; lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, chuẩn bị dự án đầu tư thực hiện theo phương thức đối tác công tư (PPP).

b) Cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2023 cấp Thành phố tại các Phụ lục kèm theo.

3. Cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025

a) Bổ sung tổng nguồn Kế hoạch và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển của Thành phố là 552.478 triệu đồng từ nguồn thu hồi vốn ngân sách Thành phố đầu tư tại các dự án cấp nước hoặc hạng mục cấp nước, hạng mục điện bàn giao cho các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng sau đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn cho 04 dự án khẩn cấp lĩnh vực đê điều, thủy lợi là 177.000 triệu đồng từ nguồn dự phòng đầu tư công trung hạn.

c) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ cho Dự án Doanh trại Trung đoàn 692/Sư đoàn BB301/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội 26 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm tương ứng kế hoạch vốn dự kiến cân đối cho dự án STN.01.2.

d) Cập nhật phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quyết nghị của HĐND Thành phố tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9, 12/2023, của các cơ quan ngành dọc theo thẩm quyền.

đ) Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 5 năm 2021-2025 và dự kiến nguồn vốn kế hoạch 5 năm 2021-2025 cho một số nhiệm vụ, dự án cấp thiết, quan trọng cấp Thành phố:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nhiệm vụ/Dự án	Kế hoạch vốn 2021-2025	
		DA	KHV
	TỔNG CỘNG	135	13.517.942
A	Bổ trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án đã đủ điều kiện bố trí hoặc cần bổ sung để đảm bảo tiến độ triển khai, hoàn thành trong giai đoạn	130	13.277.942
I	Bổ sung vốn cho các quỹ và vốn ủy thác ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm; hỗ trợ lãi suất một số dự án, hỗ trợ doanh nghiệp theo cơ chế của Thành phố		2.750.000
	<i>Trong đó bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm</i>		2.510.000
II	Đối với các dự án cấp Thành phố	8	1.154.0000
1	Bổ sung KHV cho 02 dự án cần tăng kế hoạch vốn trung hạn để hoàn thành trong giai đoạn và đảm bảo kế hoạch năm 2024 phù hợp với kế hoạch trung hạn		191.000
2	Các dự án UBND Thành phố đã có Tờ trình đề nghị HĐND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư từ năm 2022	7	883.000
2.1	Dự án đường trục nối từ đường tỉnh lộ 424 đến đường trục phát triển thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức	1	90.000
2.2	Dự án cầu Lê Thanh vượt sông Đáy qua huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa và đường giao thông hai bên cầu, huyện Mỹ Đức	1	140.000
2.3	Dự án xây dựng tuyến đường từ quốc lộ 21 (tuyến tránh quốc lộ 32) đi xã Cam Thượng, huyện Ba Vì	1	150.000
2.4	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 446 (đoạn Km0+00 – Km10+800) huyện Thạch Thất	1	130.000
2.5	Dự án Hạ tầng ngoài CNC Hòa Lạc (đường từ đường TL420 – Đường E công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất)	1	70.000
2.6	Dự án xây dựng tuyến đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long đến đường vành đai 3,5	1	233.000
2.7	Dự án xây dựng tuyến đường từ đường Tây Thăng Long đến đường từ đường Đại học Mỏ địa chất đi đường Phạm Văn Đồng	1	70.000
3	Xây dựng đường giao thông từ đường tỉnh lộ 423 đi qua dự án xây dựng Trung đoàn 692 đến Chùa Thông xã An Thượng, Hoài Đức	1	80.000
III	Ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu		2.802.050
1	CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới		2.000.000
2	CTMT quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		802.050
IV	Ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu	118	4.971.892
1	Hỗ trợ đầu tư các trường THPT theo phân cấp quản lý nhà nước tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022		1.063.924
2	Kế hoạch đầu tư 3 lĩnh vực y tế, giáo dục, di tích		2.618.250
2.1	Kinh phí xây lắp, thiết bị do ngân sách cấp huyện không có khả năng cân đối để đối ứng như khi xây dựng kế hoạch		1.706.394
2.2	Kinh phí xây lắp, thiết bị tăng lên do điều chỉnh cơ cấu hạng mục đối với dự án có TMĐT không thay đổi		142.652
2.3	Kinh phí xây lắp, thiết bị tăng lên do điều chỉnh TMĐT tăng lên		769.204
3	Bổ sung kinh phí xây lắp, thiết bị cho các dự án hạ tầng kinh tế, các dự án xử lý nước thải làng nghề, các DA vùng dân cư bị ảnh hưởng bởi thu hồi đất phục vụ GPMB các dự án xây dựng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố		383.625
3.1	Kinh phí xây lắp, thiết bị do ngân sách cấp huyện không có khả năng cân đối để đối ứng như khi xây dựng kế hoạch		60.735

TT	Nhiệm vụ/Dự án	Kế hoạch vốn 2021-2025	
		DA	KHV
3.2	Kinh phí xây lắp, thiết bị tăng lên do điều chỉnh cơ cấu hạng mục đối với dự án có TMĐT không thay đổi		206.760
3.3	Kinh phí xây lắp, thiết bị tăng lên do điều chỉnh TMĐT tăng lên		116.130
4	Hỗ trợ xây dựng công viên trung tâm huyện Hoài Đức		100.000
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Ban chỉ huy quân sự cấp xã	118	806.093
V	Hỗ trợ ngành dọc	4	1.100.000
1	01 đề án của Bộ công an	1	650.000
2	Nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy và lắp đặt hệ thống camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh trật tự, xử lý vi phạm cho phòng Cảnh sát giao thông, CATP	1	150.000
3	Mở rộng Học viện Tòa án và Xây dựng Trụ sở Tòa chuyên biệt, trung tâm công nghệ cao, các cơ quan báo chí, truyền thông của Tòa án nhân dân tối cao	2	300.000
VI	Hỗ trợ địa phương bạn		500.000
B	Dự nguồn cho dự án cấp thiết cần triển khai	5	240.000
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Đồng Quang đi khu di tích đền Hạ huyện Ba Vì và kết nối tỉnh Hòa Bình	1	80.000
2	Xây dựng 02 trường liên cấp huyện Chương Mỹ, Hoài Đức	2	10.000
3	Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Thành phố thuộc Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn với TMĐT 587 tỷ đồng và Nâng cấp, cải tạo khối nhà hiện trạng và hạ tầng kỹ thuật Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì với TMĐT 132 tỷ đồng, dự nguồn để chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án và triển khai các bước đầu của DA lần lượt là 100 tỷ đồng và 50 tỷ đồng.	2	150.000

đ) Điều chỉnh nguồn vốn của các nhiệm vụ, dự án:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nhiệm vụ/Dự án	KHV 2021-2025 đã duyệt	Điều chỉnh tăng/giảm	KHV 2021-2025 sau điều chỉnh
	Tổng cộng		-13.517.942	
I	Các nhiệm vụ không còn nhu cầu hoặc dự kiến không sử dụng hết KHV trung hạn đã bố trí/dự nguồn		-7.386.121	
1	Nguồn vốn thực hiện dự án GPMB, xây dựng hạ tầng đấu giá QSDĐ	2.955.000	-2.000.000	955.000
2	Dự nguồn cho Tuyến đường sắt đô Nhổn - ga Hà Nội để điều chỉnh DA	2.800.000	-2.800.000	
3	Dự nguồn cho các dự án điều chỉnh tăng TMĐT (gồm dự án chuyển tiếp và dự án mới)	4.586.121	-2.586.121	2.000.000
4	Điều chỉnh giảm nguồn của 03 dự án (02 dự án lĩnh vực thể thao và 01 dự án lĩnh vực y tế) do sau phê duyệt dự án, TMĐT giảm so với chủ trương đầu tư được phê duyệt	209.600	-85.500	124.100
II	Điều chỉnh giảm nguồn vốn đã dự nguồn cho 59 dự án nhiệm vụ cấp Thành phố để phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng sau kỳ họp tháng 12/2023 chưa thể phê duyệt chủ trương đầu tư	11.006.591	-6.046.321	4.960.270

e) Kinh phí còn lại sau điều chỉnh đối với nguồn vốn dự kiến cho các dự án cấp Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư (4.960.270 triệu đồng) được điều hành linh hoạt để cân đối nguồn vốn cho dự án đủ điều kiện phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2024, 2025 và bố trí vốn theo tiến độ, khả năng triển khai thực hiện của từng dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2024-2025, trong đó ưu tiên các dự án trọng điểm, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công 3 lĩnh vực y tế, di tích, giáo dục (bao gồm dự án Trường Phổ thông dân tộc nội trú Ba Vì, được chuyển từ danh mục dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ sang danh mục dự án cấp Thành phố quản lý theo quy định về phân cấp tại Nghị quyết 21/2022/NQ-HĐND).

Điều 2. Thống nhất đề xuất của UBND Thành phố về các nội dung dưới đây, giao UBND Thành phố tổ chức thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố tại các kỳ họp HĐND Thành phố trong năm 2024:

1. Đối với các khoản kinh phí chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết (bao gồm các khoản kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và hỗ trợ mục tiêu cấp huyện): giao UBND Thành phố trình phân bổ chi tiết ngay sau khi đủ điều kiện, hoàn thành tại kỳ họp trong đầu năm năm 2024.

2. Cho phép thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt chi phí công tác chuẩn bị đầu tư; nhiệm vụ quy hoạch; bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thanh quyết toán dự án hoàn thành; thực hiện tạm ứng giải ngân linh hoạt thực hiện lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; chuẩn bị dự án đầu tư thực hiện theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong tổng nguồn vốn giao cho các công tác này theo dự toán năm 2024 được duyệt và không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án thuộc Kế hoạch đầu tư ngân sách của Thành phố năm 2024 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố nhưng đảm bảo không vượt kế hoạch vốn đối với nhiệm vụ, dự án đã được bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và đảm bảo điều kiện theo quy định hiện hành.

3. Chấp thuận tiếp tục bố trí kế hoạch vốn năm 2024 đối với: dự án cấp Thành phố, dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện nhóm A, B, C đã quá thời gian bố trí theo khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công.

4. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 của các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

- Phương án 1: HĐND Thành phố tổ chức kỳ họp không thường lệ trong tháng 3/2024 để xem xét, quyết nghị thông qua kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công (gồm chi tiết danh mục và kế hoạch vốn).

- Phương án 2: HĐND Thành phố giao UBND Thành phố quyết định kế hoạch kéo dài năm 2023 sang năm 2024 đối với các dự án cấp Thành phố, các dự án sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu; giao HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định chuyển nguồn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đối với các dự án thuộc kế hoạch đầu tư ngân sách cấp mình không giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2023 có nhu cầu kéo dài sang năm 2024 đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

5. Chấp thuận dự án cấp huyện (bao gồm cả cấp xã) bố trí vốn thực hiện

năm 2024 đối với các dự án không đáp ứng thời hạn bố trí vốn thực hiện nhóm B không quá 4 năm, nhóm C không quá 3 năm theo quy định tại khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019.

- Phương án 1: HĐND Thành phố chấp thuận danh mục dự án cấp huyện bố trí vốn thực hiện năm 2024 đối với các dự án không đáp ứng thời hạn bố trí vốn thực hiện nhóm B không quá 4 năm, nhóm C không quá 3 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019. Các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm toàn diện trước HĐND Thành phố về danh mục đề xuất, thông tin về dự án.

- Phương án 2: HĐND Thành phố giao HĐND cấp huyện xem xét, quyết định bố trí vốn thực hiện năm 2024 đối với các dự án không đáp ứng thời hạn bố trí vốn thực hiện nhóm B không quá 4 năm, nhóm C không quá 3 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 đối với các dự án cấp huyện.

6. Thu hồi khoản kinh phí 1.759 tỷ đồng từ Quỹ phát triển đất về ngân sách Thành phố để thực hiện bố trí kế hoạch vốn cho Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội theo kế hoạch đầu tư công.

Điều 3. Thông qua các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2024 của Thành phố do UBND Thành phố trình, nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư của các dự án (gồm dự án chuyển tiếp, dự án mới) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt, điều chỉnh dự án, điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đối với các dự án hết thời gian thực hiện năm 2023 còn nhu cầu bố trí kế hoạch vốn thực hiện năm 2024, 2025... để đảm bảo điều kiện bố trí kế hoạch vốn trung hạn, hàng năm và tính sẵn sàng hấp thụ vốn của các dự án.

2. Đảm bảo nguồn lực ngân sách cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024, năm 2025. Trong đó ưu tiên nguồn lực để triển khai chuẩn bị đầu tư và thực hiện các công trình quan trọng quốc gia, trọng điểm của Thành phố, đường sắt đô thị, các chương trình mục tiêu quốc gia, Kế hoạch, dự án của Thành phố nhằm góp phần hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, Thành phố.

3. Nâng cao trách nhiệm, tính chủ động, quyết liệt, năng lực trong triển khai thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công.

4. Về việc các quận, huyện, thị xã đề nghị ngân sách Thành phố bổ sung kinh phí hỗ trợ mục tiêu trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2024 đối với các dự án sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện thực hiện Kế hoạch đầu tư 03 lĩnh vực giáo dục, y tế, di tích và các dự án xử lý nước thải làng nghề, hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố, các dự án hạ tầng kinh tế, nhà văn hóa thôn, đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo:

a) Các quận, huyện, thị xã rà soát, báo cáo khả năng, tiến độ thực hiện; lý do về sự thay đổi quy mô dự án; báo cáo việc cân đối nguồn lực của các đơn vị đối với nhiệm vụ này trong thời gian qua và khả năng cân đối trong thời gian tới đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu

b) Sở Văn hoá, Thể thao chủ trì, phối hợp với các huyện, thị xã rà soát về đề xuất đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án ngay trong giai đoạn 2021-2025 đối với

nhóm dự án: di tích dự kiến thực hiện trong 02 giai đoạn 2021-2025 và sau năm 2025, di tích dự kiến thực hiện sau năm 2025; đồng thời rà soát, xác định sự cấp thiết, tiến độ, khả năng hoàn thành của các dự án di tích để cân đối nguồn lực phù hợp với khả năng cân đối ngân sách cấp.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các huyện, thị xã và quận Hoàng Mai rà soát về việc các dự án điều chỉnh tăng quy mô, tổng mức đầu tư, các dự án bổ sung; đồng thời với việc rà soát các trường học công lập phải công nhận lại chuẩn quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn Thành phố, xem xét, cân đối nguồn lực ngân sách các cấp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2024, năm 2025, phân đầu hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ trường học công lập đạt chuẩn quốc gia theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Thành phố lần thứ XVII.

d) Các Sở: Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng và các sở liên quan theo chức năng, nhiệm vụ rà soát về nguồn lực của các đơn vị, về quy hoạch, quy mô, chất lượng công trình.

đ) Tổng hợp, báo cáo HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị về việc bổ sung danh mục dự án cụ thể và kế hoạch vốn bổ sung của kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, kế hoạch năm 2024 đối với các dự án sử dụng nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện trong tháng 3/2024, đảm bảo đầu tư hiệu quả, tiết kiệm, kỷ cương ngân sách, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của cấp Thành phố.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao UBND Thành phố:

- Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách trung ương hỗ trợ mục tiêu điều chỉnh trong năm 2023 (nếu có) và phát sinh trong năm 2024 cho các chủ đầu tư trên cơ sở kế hoạch vốn được Trung ương giao chi tiết và báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất để đảm bảo kịp thời tiếp nhận và sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ.

- Chỉ đạo tổng hợp kế hoạch trung hạn, quyết định kế hoạch đầu tư công hàng năm từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho các đơn vị theo thẩm quyền; báo cáo các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ quy định, đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

2. HĐND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Cân đối đủ kế hoạch vốn phân trách nhiệm đối ứng ngân sách cấp huyện để hoàn thành các dự án được ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu, tuyệt đối không để xảy ra nợ xây dựng cơ bản.

b) Cân đối, bố trí đủ kế hoạch phân vốn ngân sách cấp huyện năm 2024 đối ứng cho các dự án được ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu xác định hoàn thành trong năm 2024. Đồng thời, cân đối bố trí đủ đối ứng cho các dự án khác theo tiến độ.

c) Cân đối hoàn trả ngân sách cấp Thành phố kinh phí ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện trong trường hợp sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết kinh phí đã được hỗ trợ.

3. Giao Thường trực HĐND Thành phố, các Ban của HĐND, các tổ đại

biểu và các vị đại biểu HĐND Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày/12/2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, Các Ban Đảng TU;
- VP Đoàn ĐBQH HN, VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành Thành phố có liên quan;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5853** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **15** tháng **11** năm **2023**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, điều hòa Kế hoạch đầu tư công năm 2023
vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2023 và cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; số 13/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023, Định hướng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của thành phố Hà Nội; số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ các Quyết định của UBND Thành phố: số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội; số 3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2028 và số 5221/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp tại Văn bản số 1459/BQLHTKT&NN-KHTH ngày 13/11/2023 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 107/TTr-KHĐT ngày 14/11/2023 về việc điều chỉnh, điều hòa nội bộ Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố làm Chủ đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, điều hòa Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục dự án đính kèm).



Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp và các sở ngành:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện dự án theo đúng tiến độ phê duyệt; đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm tối đa chi phí thực hiện dự án; thực hiện thanh, quyết toán dự án đúng quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Nhà nước và Thành phố.

- Tập trung quyết liệt triển khai thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 được giao theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 02/3/2023 khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của Thành phố được chỉ ra sau Hội nghị kiểm điểm công tác năm 2022 và đẩy nhanh thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/3/2023 về việc thực hiện và giải ngân dự án đầu tư công 6 tháng đầu năm 2023; Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 28/8/2023 về thực hiện và giải ngân dự án đầu tư công các tháng còn lại của Kế hoạch đầu tư công năm 2023.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Hà Nội và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, giải quyết nhanh nhất các thủ tục đầu tư, xây dựng, giải ngân, thanh toán của các dự án, tạo điều kiện cho chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng, tuân thủ các quy định Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: các PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

PHỤ LỤC
ĐỀ XUẤT, ĐIỀU HÒA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VON NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số 5853/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trong hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Kế hoạch vốn năm 2023 đã được giao		Điều chỉnh tăng/giảm KIV năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chuyển	Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do điều chỉnh (nếu)
			A	B	C				Số, ngày tháng	TMDT		Kế hoạch	Giải ngân đến 14/11/2023					
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	7	1	4	2						19.734.495	7.679.000	1.972.500	1.226.201	572.500	1		
	Tăng điều chỉnh giảm	3	1	2	0						17.944.664	6.295.000	1.547.000	1.008.835	-31.000	116.000		
	Tăng điều chỉnh tăng	4	0	2	2						1.789.831	1.384.000	425.500	217.366	31.000	456.500	1	
											17.944.664	6.295.000	1.547.000	1.008.835	-31.000	116.000		
I	Điều chỉnh giảm	3	1	2	0						17.780.462	6.150.000	1.541.000	1.008.835	-28.500	112.500		
	Lĩnh vực môi trường	2	1	1	0													
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Đầu tư Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn	1	1			Sóc Sơn	2012-2023	73.72ha	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 7785/VP-VT 03/10/2018; 3472/QĐ-UBND 28/6/2019; 957/QĐ-UBND 04/3/2020; 1009/QĐ-UBND 01/3/2021; 2005/QĐ-UBND 15/6/2022	1.487.018	250.000	11.000	165	-10.000	1.000		Ban QLDA DTXD CT HTKT&NN	Do dự án vướng mức GPMB và trên cơ sở khối lượng hoàn thành năm 2023 của dự án.
2	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1	1			Thanh Trì	2013-2025	270.000m ³ /ngày đêm	7051/QĐ-UBND 20/11/2013 7574/QĐ-UBND 31/10/2017 4855/QĐ-UBND 05/12/2022	16.293.444	5.900.000	1.530.000	1.008.670	-18.500	111.500		Ban QLDA DTXD CT HTKT&NN	Do thuế VAT theo quy định của Chính phủ giảm từ 10% xuống 8% trong năm 2023 nên không sử dụng hết phần vốn đã ứng trong nước
	Vốn nước ngoài (ODA)									13.709.042	5.000.000	1.400.000	934.378	0	0			
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)									2.584.402	900.000	130.000	74.291	-18.500	111.500			
	Vốn trong nước																	
	Lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội	1	1							164.202	145.000	6.000	-	-2.500	3.500			
1	Dự án Đầu tư xây dựng mới các trụ nước chữa cháy và hồ thu nước trên địa bàn Thành phố	1	1			Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	2023-2025	675 trụ nước chữa cháy, 31 hồ thu nước	2127/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	164.202	145.000	6.000	-	-2.500	3.500		Ban QLDA DTXD CT HTKT&NN	Do dự kiến 15/12/2023, dự án mới tổ chức lựa chọn xong nhà thầu tư vấn thiết kế BVTC-DT nên chưa thanh toán được hết 100% chi phí lập thiết kế BVTC-DT. Vì vậy, đề nghị điều chuyển vốn đi 2,5 tỷ đồng.
II	Điều chỉnh tăng	4	2	2							1.789.831	1.384.000	425.500	217.366	31.000	456.500	1	
	Lĩnh vực HTKT, cấp, thoát nước	2	2								1.729.138	1.330.000	403.500	199.318	25.000	428.500		
1	Dự án hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh	1	1			Đông Anh	2019-2024	Tiểu 7.418 ha (35m ³ /s)	6120/QĐ-UBND 31/10/2019 2946/QĐ-UBND 18/8/2022	817.629	640.000	253.500	161.791	15.000	268.500		Ban QLDA DTXD CT HTKT&NN	Ban QLDA đang đón đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công. Đề nghị điều chuyển Kế hoạch vốn đến là 15 tỷ đồng để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành các hạng mục xây lắp, thiết bị và GPMB năm 2023.
2	Dự án Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh	1	1			Đông Anh	2018-2024	Tiểu 7.418 ha Trạm 1: 22,5 m ³ /s Trạm 2: 24 m ³ /s	6000/QĐ-UBND 31/10/2018 3055/QĐ-UBND 09/7/2020 4568/QĐ-UBND 21/11/2022	911.509	690.000	150.000	37.527	10.000	160.000		Ban QLDA DTXD CT HTKT&NN	Ban QLDA đang đón đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công. Đề nghị điều chuyển Kế hoạch vốn đến là 10 tỷ đồng để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành các hạng mục xây lắp, thiết bị và GPMB năm 2023.



(Chữ ký)

STT	Danh mục dự án	Số DA	Nhóm dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	Kế hoạch vốn năm 2023 đã được giao		Điều chỉnh tăng/giảm KHV năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chuyển	Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Lý do điều chỉnh (nếu)
			A	B	C				Số, ngày tháng	TMDT		Kế hoạch	Giải ngân đến 14/11/2023					
	Lĩnh vực nông nghiệp	2			2						60.693	54.000	22.000	18.048	6.000	28.000	1	
1	Dự án Xứ lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở mái hạ lưu đê Tả Duông tương ứng từ K1+050 đến K1+450, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	1			1	Đông Anh	2023	400m	1894/QĐ-SNN ngày 11/11/2022 1553/QĐ-SNN ngày 18/9/2023	11.292	9.000	9.000	7.558	1.000	10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	Do dự án được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt điều chỉnh có bổ sung khoảng 1,3 tỷ kinh phí GPMB nên đề nghị điều chuyển kế hoạch vốn đến là 1 tỷ đồng.
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu La Lãng, huyện Mỹ Đức	1			1	Mỹ Đức	2022-2024	Tiểu 473ha	987/QĐ-SNN ngày 22/6/2022	49.401	45.000	13.000	10.491	5.000	18.000		Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	Ban QLDA đang dẫn dắt nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công. Đề nghị điều chuyển Kế hoạch vốn đến là 05 tỷ đồng để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành các hạng mục xây lắp, thiết bị năm 2023.

✓

PHỤ LỤC 2/2

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, điều hòa kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ
huyện Phú Xuyên năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2023 và cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; số 13/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023, Định hướng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của thành phố Hà Nội; số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ các Quyết định của UBND Thành phố: số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội; số 3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 và số 5221/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023;

Theo đề nghị của UBND huyện Phú Xuyên tại Tờ trình số 386/TTr-UBND ngày 03/11/2023 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 105/TTr-KHĐT ngày 09/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, điều hòa kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ năm 2023 cho UBND huyện Phú Xuyên, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới: điều chỉnh, điều hoà 18 tỷ đồng của 04 dự án.

- Hỗ trợ mục tiêu lĩnh vực giáo dục: điều chỉnh, điều hoà 6,3 tỷ đồng của 04 dự án.

Sau phương án điều chỉnh, điều hoà kế hoạch vốn, tổng mức vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ cho huyện Phú Xuyên năm 2023 không thay đổi.

(Chi tiết tại phụ lục 1, 2 kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư, các sở ngành:

1. Chủ đầu tư:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện dự án theo đúng tiến độ phê duyệt; đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm tối đa chi phí thực hiện dự án; thực hiện thanh, quyết toán dự án đúng quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Nhà nước và Thành phố.

- Tập trung quyết liệt triển khai thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 được giao theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 02/3/2023 khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của Thành phố được chỉ ra sau Hội nghị kiểm điểm công tác năm 2022 và đẩy nhanh thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/3/2023 về việc thực hiện và giải ngân dự án đầu tư công 6 tháng đầu năm 2023; Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 28/8/2023 về thực hiện và giải ngân dự án đầu tư công các tháng còn lại của Kế hoạch đầu tư công năm 2023.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Hà Nội và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, giải quyết nhanh nhất các thủ tục đầu tư, xây dựng, giải ngân, thanh toán của các dự án, tạo điều kiện cho chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng, tuân thủ các quy định Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Phú Xuyên là chủ đầu tư các dự án tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: các PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH. *10*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Lê Hồng Sơn

Phụ lục 1

ĐIỀU HOÀ VỐN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CTMT QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN PHÚ XUYỀN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn 2022 kéo dài		Kế hoạch vốn năm 2023 đã được giao		Ước thực hiện giải ngân cả năm 2023	Điều chỉnh tăng/ giảm Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	DAH T 2023	Chủ đầu tư
				Số, ngày, tháng	TMDT		Kế hoạch	Giải ngân hết ngày 31/10/2023	Kế hoạch	Giải ngân hết ngày 31/10/2023					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	4			397.658	30.000			153.800	49.855	153.800		153.800		
	<i>Tổng điều chỉnh giảm</i>	<i>2</i>			<i>148.030</i>				<i>99.000</i>		<i>81.000</i>	<i>-18.000</i>	<i>81.000</i>		
	<i>Tổng điều chỉnh tăng</i>	<i>2</i>			<i>249.628</i>	<i>30.000</i>			<i>54.800</i>	<i>49.855</i>	<i>72.800</i>	<i>18.000</i>	<i>72.800</i>		
	Trong đó:														
A	Dự án đã được giao kế hoạch vốn 2023, đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	2			148.030				99.000		81.000	-18.000	81.000		
1	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xã Hoàng Long, Tri Trung, Phương Dục	1	2022-2024	5525/QĐ-UBND ngày 19/11/2022; 2398/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	48.385				42.500		32.500	-10.000	32.500		UBND huyện Phú Xuyên
2	Cứng hóa kênh mương kết hợp nâng cấp đường giao thông xã Chuyên Mỹ	1	2022-2024	5528/QĐ-UBND ngày 19/11/2022; 3543/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	99.645				56.500		48.500	-8.000	48.500		UBND huyện Phú Xuyên
B	Dự án đã được giao kế hoạch vốn 2023, đề nghị bổ sung vốn	2			249.628	30.000			54.800	49.855	72.800	18.000	72.800		
1	Nhà thi đấu thể thao huyện Phú Xuyên	1	2022-2024	2709/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	88.598	30.000			19.300	19.300	27.300	8.000	27.300		UBND huyện Phú Xuyên
2	Đường giao thông liên xã Văn Hoàng - Hoàng Long - Tri Trung - Phú Túc (đoạn từ cầu Nội Cói đi đường trục Phú Túc)	1	2022-2024	1149/QĐ-UBND ngày 09/3/2022	161.030				35.500	30.555	45.500	10.000	45.500		UBND huyện Phú Xuyên

Phụ lục 2
ĐIỀU HOÀ VỐN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN HUYỆN PHÚ XUYỀN NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt	NSTP hỗ trợ 2021-2023	Lấy kế giải ngân vốn từ đầu dự án đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn 2022 kéo dài		Kế hoạch vốn năm 2023 đã được giao		Ước giải ngân cả năm 2023 (KH 2022 kéo dài và KH 2023)	Điều chỉnh tăng/ giảm Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	DAH T 2023	Chủ đầu tư
				Số, ngày, tháng	TMDT	Giá trị XL+TB				Kế hoạch	Giải ngân hết ngày 31/10/2023	Kế hoạch	Giải ngân hết ngày 31/10/2023					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG	4			241.700	181.807	181.600	162.700	100.000	5.037	2.865	62.700	46.332	67.737		62.700		
	<i>Tổng điều chỉnh giảm</i>	2			95.085	77.955	77.900	67.300	45.000	5.037	2.865	22.300	7.117	21.037	-6.300	16.000		
	<i>Tổng điều chỉnh tăng</i>	2			146.615	103.852	103.700	95.400	55.000			40.400	39.215	46.700	6.300	46.700		
	Trong đó:																	
A	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn	2			95.085	77.955	77.900	67.300	45.000	5.037	2.865	22.300	7.117	21.037	-6.300	16.000		
1	Cải tạo, xây mới Trường THCS Chuyên Mỹ	1	2022-2024	1246/QĐ-UBND 15/3/2022	38.079	32.324	32.300	32.300	25.000	5.037	2.865	7.300		9.037	-3.300	4.000		UBND huyện Phú Xuyên
2	Trường THCS Nam Phong	1	2021-2024	2837/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	57.006	45.631	45.600	35.000	20.000			15.000	7.117	12.000	-3.000	12.000		UBND huyện Phú Xuyên
B	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn	2			146.615	103.852	103.700	95.400	55.000			40.400	39.215	46.700	6.300	46.700		
1	Trường tiểu học Phú Yên	1	2022-2024	1202/QĐ-UBND 15/3/2022	69.312	48.390	48.300	45.000	30.000			15.000	14.580	18.300	3.300	18.300		UBND huyện Phú Xuyên
2	Trường mầm non Nam Tiến A	1	2021-2024	5465/QĐ-UBND 25/10/2021	77.303	55.462	55.400	50.400	25.000			25.400	24.635	28.400	3.000	28.400		UBND huyện Phú Xuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~5799~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, điều hòa Kế hoạch đầu tư công năm 2023
vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
công trình giao thông Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: Số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2023; số 08/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 cấp Thành phố; số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố; số 13/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023, định hướng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của thành phố Hà Nội; số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023;

Căn cứ các Quyết định của UBND Thành phố: Số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 về việc quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội; số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội; số 1814/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023; số 3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023; số 5221/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 98/TTr-KH&ĐT ngày 02/11/2023 về việc điều chỉnh, điều hòa nội bộ Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố làm Chủ đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, điều hòa Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố (chi tiết theo Phụ lục dự án đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố, các Sở ngành:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện Dự án theo đúng tiến độ phê duyệt; đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm tối đa chi phí thực hiện Dự án; thực hiện thanh, quyết toán dự án đúng quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Nhà nước và Thành phố.

- Tập trung quyết liệt triển khai thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 được giao theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 02/3/2023 về khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công của Thành phố được chỉ ra sau Hội nghị kiểm điểm công tác năm 2022 và đẩy nhanh thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 28/8/2023 về thực hiện, giải ngân Dự án đầu tư, công tác còn lại của Kế hoạch đầu tư công năm 2023.

2. Các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Hà Nội và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, giải quyết nhanh nhất các thủ tục đầu tư, xây dựng, giải ngân, thanh toán của các Dự án, tạo điều kiện cho Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng, tuân thủ các quy định Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v ✓

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND Thành phố; ✓
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- PCT UBND TP Hà Minh Hải;
- PCT UBND TP Dương Đức Tuấn;
- VPUBTP: CVP, PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTT, ĐT.

61331 - 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH ✓



Lê Hồng Sơn

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH, ĐIỀU HÒA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CỦA BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CTGT THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số **5499** /QĐ-UBND ngày **13** /11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng																				
TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		KH đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025	Kết quả thực hiện KHV năm 2022 kéo dài		KHV vốn năm 2023 đã giao (bao gồm lĩnh hoạt GPMB + TKBVTC)		Điều chỉnh tăng/giảm KHV năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	Công trình hoàn thành năm 2023	Chu đầu tư	Ghi chú	
		Số dự án	A	B				C	Số, ngày QĐ		Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn	Kết quả giải ngân đến hết 24/10/2023	Kế hoạch vốn						Kết quả giải ngân đến hết 24/10/2023
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ (1+II)	5	2	3						17.122.172	10.808.079			1.605.000	1.284.187		1.605.000			
*	Tổng điều chỉnh giảm	2	1	1					10.068.044	4.983.079				550.000	256.877	-72.000	478.000			
*	Tổng điều chỉnh tăng	3	1	2					7.054.128	5.825.000				1.055.000	1.027.310	72.000	1.127.000			
1	Lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông	5	2	3					17.122.172	10.808.079				1.605.000	1.284.187		1.605.000			
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020	1	1						887.735	320.000				75.000	49.686	2.000	77.000			
a.1	Điều chỉnh giảm																			
2																				
a.2	Điều chỉnh tăng	1	1						887.735	320.000				75.000	49.686	2.000	77.000			
1	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngạc Hới (Km185 - Km189), huyện Thanh Trì	1	1			Thanh Trì	2010 - qđ 1/2024	3.814m x 39,50m	số 3553/QĐ-UBND ngày 19/7/2019; số 0010/QĐ-UBND 28/8/2017; số 1951/QĐ-UBND ngày 23/4/2019; số 417/QĐ-UBND ngày 13/8/2020; số 1310/QĐ-UBND ngày 17/3/2021; số 178/QĐ-UBND ngày 09/01/2023; số 294/QĐ-BQLCTGT ngày 11/5/2023	887.735	320.000			75.000	49.686	2.000	77.000	Ban QLDA & ĐTXD CTGT TP HN	25 tỷ đồng vốn năm 2023 thực hiện thanh toán theo cơ chế linh hoạt đã được cấp miễn tại Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND Thành phố	
2																				
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	4	2	2						16.234.437	10.488.079			1.530.000	1.234.501	-2.000	1.528.000			
b.1	Điều chỉnh giảm	2	1	1						10.068.044	4.983.079			550.000	256.877	-72.000	478.000			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6, đoạn Ba La - Xuân Mậu	1	1			Hà Đông - Chương Mỹ	2022-2027	1 - 21,7Km; R: 50-600m	CTR số 25 NQ-HĐND ngày 23/9/2021; số 03 NQ-HĐND ngày 08/4/2022; DA số 5381/QĐ-UBND 02/12/2020; số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; số 28 NQ-HĐND ngày 22/9/2023	9.590.825	4.606.079			500.000	251.615	-62.000	438.000	Ban QLDA & ĐTXD CTGT TP HN	Giảm phân bổ ngân sách Thành phố	
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối tiếp đường tỉnh 421B đoạn cầu vượt Sải Sơn qua khu hành chính huyện Quốc Oai kết nối với đường tỉnh 421B (đoạn Thạch Thán - Xuân Mậu)	1	1			Quốc Oai	2020-2023	1 - 3,26Km; B=21-42m	CTR số 08 NQ-HĐND ngày 08/7/2019; DA số 5012/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	477.221	377.000			50.000	25.262	-10.000	40.000	Ban QLDA & ĐTXD CTGT TP HN		
3																				
b.2	Điều chỉnh tăng	2	1	1						6.166.393	5.505.000			980.000	977.624	70.000	1.050.000			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	1	1															Ban QLDA & ĐTXD CTGT TP HN		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		KH đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025	Kết quả thực hiện KHV năm 2022 kéo dài		KHV vốn năm 2023 đã giao (bao gồm lĩnh hoạt GPMB + TKBVTC)		Điều chỉnh tăng/giảm KHV năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
			A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Kết quả giải ngân đến hết 24/10/2023	Kế hoạch vốn	Kết quả giải ngân đến hết 24/10/2023					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1.1	Dự án thành phần 2.1: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận thành phố Hà Nội					Sóc Sơn, Mỹ Linh, Hoàn Đức, Đan Phượng, Thanh Trì, Thường Tín, Hà Đông	2022-2027	L=58,2Km; Lph=51,61Km; Ltr=51,55Km B=12m	ĐA: số 1072 QĐ-UBND ngày 20/02/2023										Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
-	Vốn NSLP																			
-	Vốn NSTW trong nước									5.388.000	4.855.000			900.000	897.624	40.000	940.000			
2	Dự án xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai	1		1		Hoàng Mai	2022-2025	L=890m; Lh=460m; Bhkm=20,1m; Hh ho=19,1m	CTr: số 407/HĐND-KTNS ngày 23/8/2017; số 03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022. ĐA: số 5804/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; số 1949 QĐ-UBND ngày 09/6/2022	778.393	650.000			80.000	80.000	30.000	110.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
3																				

YH CHS HN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~5798~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày ~~13~~ tháng ~~11~~ năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, điều hòa Kế hoạch đầu tư công năm 2023
vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
công trình dân dụng Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: Số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2023; số 08/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 cấp Thành phố; số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố; số 13/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023, định hướng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của thành phố Hà Nội; số 27/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023;

Căn cứ các Quyết định của UBND Thành phố: Số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 về việc quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội; số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội; số 1814/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023; số 3908/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023; số 5221/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2023;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 100/TTr-KH&ĐT ngày 06/11/2023 về việc điều chỉnh, điều hòa nội bộ Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố làm Chủ đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, điều hòa Kế hoạch đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách Thành phố của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố (chi tiết theo Phụ lục dự án đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố và các Sở, ngành:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện Dự án theo đúng tiến độ phê duyệt; đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm tối đa chi phí thực hiện Dự án; thực hiện thanh, quyết toán dự án đúng quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Nhà nước và Thành phố.

- Tập trung quyết liệt triển khai thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 được giao theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 02/3/2023 về khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công của Thành phố được chỉ ra sau Hội nghị kiểm điểm công tác năm 2022 và đẩy nhanh thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 28/8/2023 về thực hiện, giải ngân Dự án đầu tư, công tác còn lại của Kế hoạch đầu tư công năm 2023.

2. Các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Kho bạc Nhà nước Hà Nội và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, giải quyết nhanh nhất các thủ tục đầu tư, xây dựng, giải ngân, thanh toán của các Dự án, tạo điều kiện cho Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng, tuân thủ các quy định Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HDND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TT TP Lê Hồng Sơn;
- PCT UBND TP Hà Minh Hải;
- VPUBTP: CVP, PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH, ĐT.

61903 - 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn

TT	Danh mục dự án	Số dự án			Cấp dự án			Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		KH đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025	KHV vốn năm 2023 đã giao		Điều chỉnh tăng/giảm KHV năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	Công trình hoàn thành năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	A	B	C			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn	Giai ngân đến hết 31/10/2023					
1	2	3	4	5	6			7	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dầu tư xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội - giai đoạn I	1	1					Đông Đa, Ba Đình	2.270mx50m, 02 cầu vượt	5757/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1322/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; 1742/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	7.210.958	3.521.000	490.000	476.927	75.000	565.000		Ban QLDA ĐTXD CTDD TP HN	- Vốn lĩnh hoạt GPMB (tại Thông báo số 1805/TB-SKH&ĐT ngày 12/10/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư: 308.844 triệu đồng. - Giải ngân đến 31/10/2023: 27.834 triệu đồng
V	Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2									825.653	518.000	150.000	23.459	-50.000	100.000			
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020	1	1								659.358	428.000	80.000	1.382	-30.000	50.000			
	Điều chỉnh giảm	1	1								659.358	428.000	80.000	1.382	-30.000	50.000			
1	Khu liên cơ quan Văn Hồ	1	1					Hải Ba Trưng	Diện tích xây dựng khoảng 3.613 m ² , công trình 06 tầng nổi + 1 tầng kỹ thuật và 3 tầng hầm	1547/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; 4307/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	659.358	428.000	80.000	1.382	-30.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD CTDD TP HN	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	1	1								166.295	90.000	70.000	22.077	-20.000	50.000			
	Điều chỉnh giảm	1	1								166.295	90.000	70.000	22.077	-20.000	50.000			
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc đơn ĐBQH và HĐND Thành phố và cải tạo sửa chữa Hội trường tầng 3 trụ sở HĐND Thành phố và UBND Thành phố	1	1					Hoàn Kiếm	Cải tạo, nâng cấp	4721/QĐ-UBND ngày 28/11/2022; NQ 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	166.295	90.000	70.000	22.077	-20.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD CTDD TP HN	

